vietjetAir.com

Bay cùng giấc mơ hoa

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

NỘI DUNG

THÔNG TIN CÔNG TY

Tầm nhìn – Sứ mệnh 5
Cam kết về tính chính xác và trung thực của BCTN 6
Giới thiệu hoạt động 8
Sự kiện tiêu biểu 2018 10-11
Giải thưởng 12-13

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

Thông tin doanh nghiệp 16-17
Quá trình hình thành và phát triển 18-19
Ngành nghề kinh doanh 20
Mô hình kinh doanh 22-23
Sơ đồ tổ chức 24-25
Giới thiệu Thành viên Hội đồng Quản trị 26-31
Ban Điều hành, Ban Kiểm Soát
Thông tin cổ đông 32-33
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 34-35
Thông điệp của CEO 36-37
Tổng quan chiến lược 38-43

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 46-47
Phát triển mạng đường bay, đội tàu bay, số khách vận chuyển 48-49
Thành quả 50-51
Tình hình tài chính công ty (hợp nhất) 52-61
Tình hình đầu tư tài chính 62
Sản phẩm – Dịch vụ 64-67
Công tác đảm bảo an toàn, an ninh, đảm bảo chất lượng 68
Kỹ thuật và bảo dưỡng 69
Nhân sự - Đào tạo 70-71
Quản trị chuỗi cung ứng 71
Báo cáo cải tiến mới về quản lý công ty 72
Báo cáo trách nhiệm về môi trường và xã hội 73
Mục tiêu và kế hoạch phân bổ nguồn lực năm 2019 74-81

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị và các tiểu ban 84-87
Báo cáo hoạt động Quản trị rủi ro 88-91
Báo cáo của Ban kiểm soát 92-94
Báo cáo Kiểm toán nội bộ 96-97
Báo cáo lương thưởng 98-99
Sở hữu và giao dịch nội bộ 100-101
Báo cáo và phân tích quản trị công ty trên Thẻ điểm Quản trị 102-112

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tiếp cận Chiến lược và Khung quản trị bền vững 116-117
Gắn kết các bên liên quan và đánh giá trọng yếu 118-122
Báo cáo hiệu quả hoạt động phát triển bền vững trên các lĩnh vực
- Hiệu quả kinh tế và tăng trưởng bền vững 123-124
- Trách nhiệm sản phẩm dịch vụ, đảm bảo chất lượng 125-127
- Quản lý các tác động môi trường 128-130
- Phát triển nguồn nhân lực 131-136
- Đầu tư phát triển cộng đồng 137-141

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 142-200

Bay cao, bay xa,
vươn ra thế giới

TẦM NHÌN

Trở thành tập đoàn hàng không đa quốc gia, có mạng bay rộng khắp khu vực và thế giới, phát triển không chỉ dịch vụ hàng không mà còn cung cấp hàng tiêu dùng trên nền tảng thương mại điện tử, là thương hiệu được khách hàng yêu thích và tin dùng.

SỨ MỆNH

- Khai thác và phát triển mạng đường bay rộng khắp trong nước, khu vực và quốc tế.
- Mang đến sự đột phá trong dịch vụ hàng không.
- Làm cho dịch vụ hàng không trở thành phương tiện di chuyển phổ biến ở Việt Nam và quốc tế.
- Mang lại niềm vui, sự hài lòng cho khách hàng bằng dịch vụ vượt trội, sang trọng và những nụ cười thân thiện.

CAM KẾT VỀ TÍNH CHÍNH XÁC VÀ TRUNG THỰC CỦA BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Báo cáo Thường niên năm 2018 của Vietjet không chỉ đáp ứng và tuân thủ theo thông tư 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành mà còn được xây dựng dựa trên các chuẩn mực và thông lệ quốc tế liên quan đến ngành/ lĩnh vực hoạt động, các quy tắc về quản trị công ty và phát triển bền vững theo OECD, ACGS, VCGS và GRI, cũng như có tham chiếu đến các tiêu chí của bộ chỉ số VNSI. Báo cáo tài chính của Vietjet đính kèm trong Báo cáo thường niên được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính (VAS). Báo cáo Tài chính của Vietjet được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam. Ý kiến kiểm toán "chấp nhận toàn phần" cho thấy báo cáo và số liệu tài chính được Vietjet công bố có mức độ đảm bảo cao. Việc báo cáo thường niên đáp ứng và tuân thủ các chuẩn mực nêu trên thể hiện sự cam kết của Vietjet về tính trung thực, minh bạch và trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về kết quả hoạt động trên các lĩnh vực trọng yếu. Quá trình thực hiện và thu thập số liệu báo cáo còn có sự hỗ trợ tư vấn của Công ty TNHH PwC Việt Nam.

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG

Tự hào là **Hãng hàng không thế hệ mới** với đội tàu bay hiện đại, Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (gọi tắt là Vietjet) đã góp phần không nhỏ vào việc phục vụ nhu cầu đi lại của hàng chục triệu hành khách và trở thành hãng hàng không được yêu thích trong nước và khu vực.

Với mục tiêu trở thành hãng hàng không tiêu dùng, Vietjet không chỉ cung cấp dịch vụ vận chuyển mà còn mang lại nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng cho hành khách thông qua các ứng dụng công nghệ tiện ích và thân thiện. Đây là xu hướng phát triển tiên tiến trên toàn cầu mà qua đó Vietjet hứa hẹn sẽ đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu tiêu dùng thông minh của khách hàng.

Mở rộng mạng đường bay quốc tế và nâng cao chất lượng dịch vụ là những chiến lược phát triển trọng tâm của Vietjet. Hãng hiện đang sở hữu mạng đường bay rộng khắp Việt Nam và các nước trong khu vực như Singapore, Thái Lan, Myanmar, Malaysia, Campuchia, Nhật Bản, Hongkong, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, v.v. và ngày càng khẳng định thương hiệu **Hãng hàng không thế hệ mới** trên thị trường quốc tế.

Với mục tiêu đưa thế giới đến với Việt Nam và đưa Việt Nam đến với thế giới bằng cách mang đến cơ hội bay cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, Vietjet luôn mang đến cho khách hàng nhiều sự lựa chọn đa dạng với những trải nghiệm thú vị và ấn tượng trên các chuyến bay.

Trong năm 2018, Vietjet đã gây ấn tượng trên thị trường nội địa và khu vực qua các giải thưởng quốc tế uy tín và được vinh danh trong những sự kiện nổi bật như: Huân chương Lao động Hạng 3, Xếp hạng 22 trong Top 50 Hãng hàng không tốt nhất thế giới về chỉ số tài chính lành mạnh do Tạp chí AirFinance bình chọn, Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Top 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2018 của Tạp chí Forbes, Top 50 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam, Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam, Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Giải thưởng Đồng phục Tiếp viên đẹp nhất Châu Á, v.v.

Vietjet cũng đã có một hành trình phát triển ngoạn mục cùng với thị trường chứng khoán Việt Nam: Cổ phiếu Vietjet (mã chứng khoán VJC) được chính thức niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HSX) vào tháng 2/2017 và nhanh chóng được đưa vào danh mục VN30 từ 22/1/2018. Giá trị vốn hóa hiện nay của công ty đạt hơn 66.000 tỷ đồng (tương đương gần 3 tỷ USD), thuộc top 10 công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất trên thị trường.

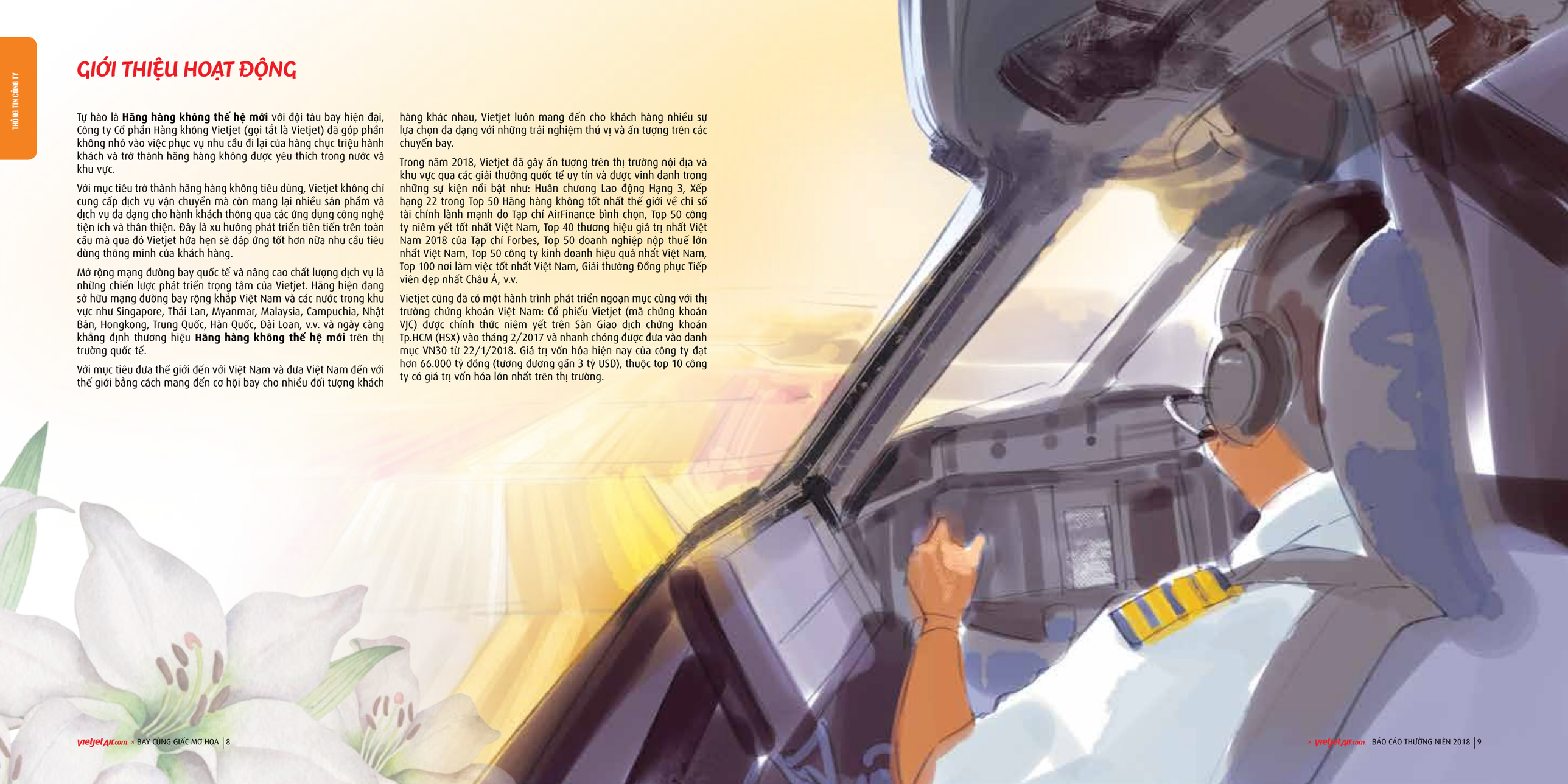

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2018

- Ký biên bản ghi nhớ và hợp đồng đặt hàng 100 tàu bay Boeing và 50 tàu bay Airbus thế hệ mới tại Triển lãm Hàng không Quốc tế Farnborough;
- Ký biên bản ghi nhớ mua thêm 50 tàu bay với Airbus và biên bản ghi nhớ cho dịch vụ hỗ trợ bảo dưỡng động cơ dài hạn với CFM International;
- Ký thỏa thuận trị giá 7,3 tỷ đô-la với Safran – CFM, GECAS tại Pháp;
- Hoàn tất xây dựng Học viện Hàng không Vietjet giai đoạn 1 với sự hợp tác từ Airbus và đưa vào hoạt động trong quý III/2018. Học viện được trang bị phòng lái mô phỏng và các thiết bị hiện đại nhằm đảm bảo công tác đào tạo hiệu quả, chất lượng và ổn định, giảm thời gian và chi phí đào tạo.
- Ký thỏa thuận mở đường bay trực tiếp kết nối Việt Nam và Úc tại Sydney, Úc;
- Khai trương các chuyến bay đầu tiên kết nối Việt Nam và Nhật Bản: Hà Nội - Osaka ngày 8/11/2018 và Tp. Hồ Chí Minh - Osaka ngày 14/12/2018.
- Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Phương Thảo tham dự và phát biểu truyền cảm hứng tại Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) về ASEAN 18;
- Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Phương Thảo là nữ doanh nhân duy nhất đại diện cho Việt Nam tham dự Hội nghị CEO toàn cầu do Forbes tổ chức.

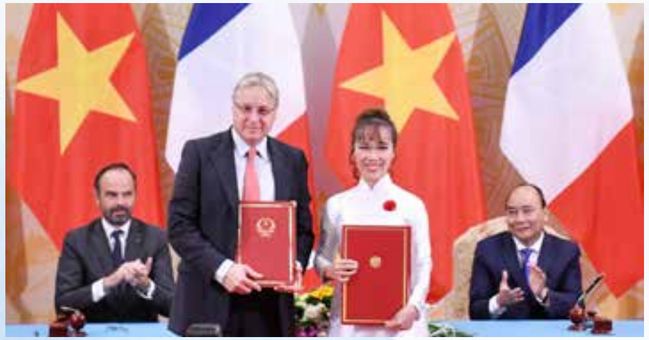

GIẢI THƯỞNG

- Vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng vào ngày 27/1/2018;
- Nhận giải "Hãng Hàng không chi phí thấp tốt nhất" năm thứ 2 liên tiếp;
- Đứng thứ 22 trong top 50 hãng hàng không tốt nhất được bình chọn bởi Tạp chí Air Finance, một trong những tạp chí tài chính hàng không hàng đầu thế giới;
- Nhận giải "Hãng Hàng không tiên phong" tại The Guide Awards 2018;
- Được xếp hạng an toàn ở mức cao nhất 7 sao bởi AirlineRatings.com;
- Nhận giải Hãng hàng không hàng đầu Đông Nam Á về tăng trưởng hành khách tại sự kiện Changi Airline Awards 2018, Singapore;
- Được Tạp chí NOW Travel Asia trao giải trang phục tiếp viên đẹp nhất Châu Á;
- Được vinh danh "Hãng Hàng không được khách hàng bầu chọn nhiều nhất" của Cool Product Awards 2018;
- Được vinh danh Top 40 thương hiệu giá trị nhất tại Việt Nam năm 2018 bởi Forbes;

- Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Phương Thảo được vinh danh trong Top 100 người phụ nữ quyền lực nhất trong 3 năm liên tiếp;
- Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Phương Thảo được Bloomberg vinh danh là một trong 50 nhà lãnh đạo toàn cầu năm 2018;
- Tại lễ trao giải Giải thưởng Doanh nghiệp ASEAN 2018, Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Phương Thảo được vinh danh là Nữ doanh nhân thành công nhất ở cả Việt Nam và khu vực ASEAN;
- Đứng trong top 100 công ty nộp thuế cao nhất Việt Nam;
- Được vinh danh công ty đáng mơ ước để làm việc tại sự kiện Giải thưởng Thương hiệu Nhà tuyển dụng tốt nhất Châu Á lần thứ 9 ở Singapore;
- Bình chọn một trong 50 công ty niêm yết Việt Nam tốt nhất bởi Forbes;
- Nằm trong Top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững được bình chọn bởi Ban biên tập Thời báo Kinh tế Việt Nam và độc giả;

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thông tin doanh nghiệp:

- **Tên Tiếng Việt:** CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET
- **Tên Viết tắt:** VIETJET., JSC
- **Tên Thương Mại:** VIETJET AIR
- **Mã số Doanh Nghiệp:** 0102325399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu 23/07/2007, thay đổi lần thứ 27 ngày 01/08/2018
- **Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không:** số 04/2016/GPKDVCHK cấp ngày 30/12/2016
- **Vốn điều lệ:** 5.416.113.340.000 đồng (Năm ngàn bốn trăm mười sáu tỷ một trăm mười ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)
- **Tổng số cổ phần phổ thông:** 541.611.334 cổ phần (*Năm trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm mười một ngàn ba trăm ba mươi bốn cổ* phần)
- **Ngày niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE):** 28/02/2017
- **Mã cổ phiếu:** VJC
- **Năm tài khóa:** 31 Tháng 12
- **Kiểm toán độc lập:** Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam

Liên hệ

- **Trụ sở chính:** 302/3, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- **Trụ sở hoạt động:** Tầng 8, tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- **Điện thoại:** (84-24) 7108 6668
- **Fax:** (84-24) 3728 1838
- **Website công ty:** www.vietjetair.com
- **Trang quan hệ cổ đông:** www.ir.vietjetair.com
- **Email liên hệ:** ir@vietjetair.com

Thông tin cổ phiếu Vietjet – Mã chứng khoán VJC:

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU VJC TRONG NƯỚC NĂM 2018
KHỚP LỆNH + THỎA THUẬN

SO SÁNH BIÊN ĐỘ TĂNG/GIẢM CỦA VJC VỚI VN INDEX

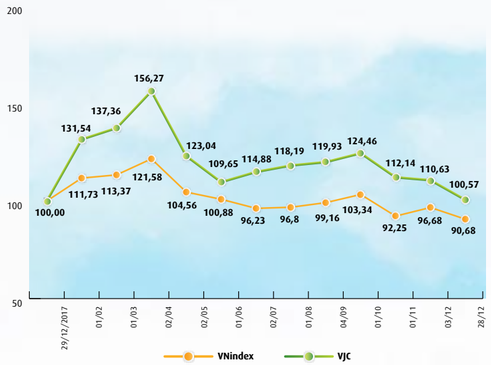

Chính sách cổ tức qua các năm

	2017	2018
Cổ tức	60%	55%
Bằng tiền		
+ Tỷ lệ %	40%	20% *(đã tạm ứng)*
Bằng cổ phiếu		
+ Tỷ lệ %	20%	

#	Ngày chốt	Tỷ lệ	Loại	Nội dung	Ghi chú
1	10/05/2017	10%	Tiền mặt	Chi trả Cổ tức đợt 2/2016	Ngày thực hiện 30/05/2017
2	07/2017	20%	Tiền mặt	Tạm ứng Cổ tức đợt 1/2017	Ngày thực hiện 15/08/2017
3	23/01/2018	10%	Tiền mặt	Tạm ứng Cổ tức Đợt 2/2017	Ngày thực hiện 07/02/2018
4	10/05/2018	10%	Tiền mặt	Tạm ứng Cổ tức Đợt 3/2017	Ngày thực hiện 25/05/2018
5	06/09/2018	20%	Tiền mặt	Tạm ứng Cổ tức Đợt 1/2018	Ngày thực hiện 19/09/2018

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty cổ phần Hàng không Vietjet (Vietjet) được thành lập vào ngày 23/07/2007 với giấy phép kinh doanh số 0103018485 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.
- Vietjet là hãng hàng không tư nhân đầu tiên tại Việt Nam được cấp giấy phép khai thác và chứng chỉ nhà khai thác cho mạng bay nội địa và quốc tế.
- Với mục đích mang lại những chuyến bay an toàn với chất lượng dịch vụ tiêu chuẩn quốc tế, Vietjet đã đầu tư 4 năm cho công tác chuẩn bị về nguồn lực, hệ thống và tài chính để đảm bảo phát triển doanh nghiệp bền vững, đóng góp vào sự phát triển của ngành hàng không, ngành du lịch cũng như phát triển kinh tế trong khu vực.
- Kể từ thời điểm thực hiện chuyến bay thương mại đầu tiên, Vietjet đã đạt được các dấu mốc quan trọng trong hành trình chinh phục bầu trời và mang lại sự đổi mới cho ngành hàng không Việt Nam.

2007

- Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải hàng không số 01/0103018458.

2011

- Khai trương chuyến bay thương mại đầu tiên từ TP. Hồ Chí Minh đến Thủ đô Hà Nội vào ngày 24/12.

2012

- Ra mắt Slogan mới của Vietjet **"Bay là thích ngay"**
- Mở rộng mạng bay nội địa đến 7 điểm đến mới gồm có: Vinh, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Phú Quốc, Hải Phòng.

2013

- Triển khai chương trình ForYourSmile dành cho quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Khai trương đường bay quốc tế đầu tiên từ TP. Hồ Chí Minh đến Bangkok (Thái Lan).
- Khai trương mới 4 đường bay nội địa và 2 điểm đến mới gồm Quy Nhơn, Buôn Mê Thuột.

2014

- Ký kết mua 100 tàu bay từ Tập đoàn sản xuất tàu bay Airbus.
- Tiếp nhận tàu bay đầu tiên trong hợp đồng mua tàu bay Airbus
- Ra mắt Công ty cổ phần Vietjet Cargo
- Ra mắt Công ty cổ phần ThaiVietjet
- Khai trương mới 5 đường bay nội địa và 2 điểm đến mới gồm Thanh Hoá, Cần Thơ
- Khai trương 3 đường bay quốc tế mới tới Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan.

2015

- Khai trương Trung Tâm Đào tạo
- Nhận chứng nhận An toàn Khai thác IOSA bởi Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế (IATA)
- Khai trương mới 9 đường bay nội địa và 3 điểm đến mới gồm Đồng Hới, Chu Lai, Pleiku
- Khai trương mới 2 đường bay quốc tế và 1 điểm đến mới tại Yagoon (Myanmar)

2016

- Ký thoả thuận hợp tác xây dựng Trung tâm huấn luyện hàng không với Airbus
- Ký kết hợp đồng đặt mua 100 tàu bay thế hệ mới với Tập đoàn sản xuất máy bay Boeing.
- Ký kết đặt hàng bổ sung 20 tàu bay thế hệ mới A321 động cơ CEO và NEO với Airbus.
- Chính thức trở thành thành viên Hiệp hội Hàng không quốc tế (IATA)
- Khai trương mới 9 đường bay nội địa và 2 điểm đến mới tại Cần Thơ và Huế
- Khai trương mới các đường bay quốc tế đến điểm đến mới tại Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Malaysia

2017

- Niêm yết công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Khai trương động thổ dự án Học viện Hàng không Vietjet.
- Tham gia hội nghị cấp cao APEC tại Đà Nẵng
- Khai trương đường bay mới nâng tổng đường bay nội địa lên 38 đường bay.
- Khai trương mới mạng bay quốc tế tới nhiều điểm đến tại Thái Lan, Trung Quốc, Cambodia, Đài Loan, Hàn Quốc, Myanmar nâng tổng đường bay quốc tế lên 44 đường bay.

2018

- Mở đường bay đi Tokyo và Osaka – Nhật Bản
- Vietjet thực hiện 118.923 chuyến bay với 105 đường bay bao gồm 39 đường bay nội địa và 66 đường bay quốc tế, phủ khắp các điểm đến tại Việt Nam và quốc tế tới Nhật Bản, Hong Kong (Trung Quốc), Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan, Myanmar, Malaysia, Campuchia, Trung Quốc...
- Tổng lượng khách vận chuyển của Vietjet đạt hơn 23 triệu lượt trong năm 2018.

NGÀNH NGHỀ VÀ MÔ HÌNH KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Vietjet tập trung vào 5 nhóm chính, bao gồm:

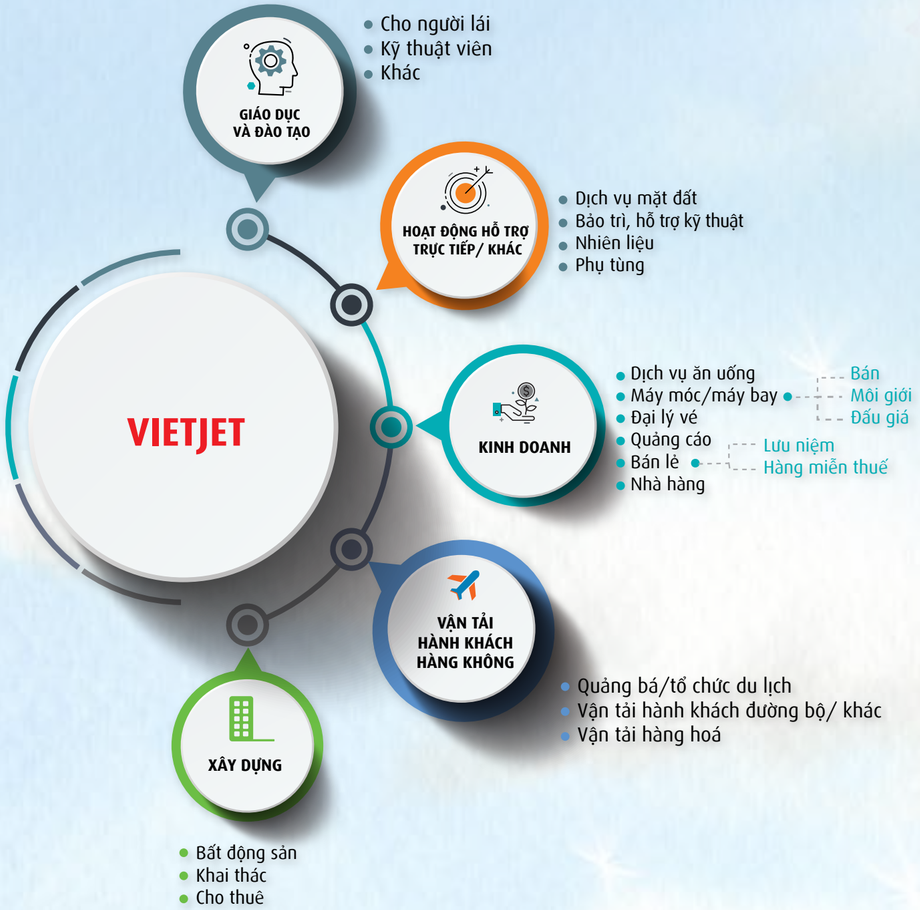

MÔ HÌNH KINH DOANH

Mô hình kinh doanh của Vietjet dựa trên mô hình hàng không chi phí thấp với những yếu tố đặc trưng như chặng bay đơn điểm, tập trung khai thác các đường bay ngắn với tần suất chuyến bay cao, tập trung kiểm soát chi phí, kênh phân phối chính dựa trên nền tảng web... Liên tục đổi mới sáng tạo để tạo sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, Vietjet đã thành công trong việc xây dựng mô hình **Hãng hàng không thế hệ mới**: chi phí thấp nhưng có chất lượng dịch vụ vượt trội đáp ứng theo nền công nghiệp 4.0 và phục vụ nhu cầu đa dạng của các đối tượng khách hàng khác nhau.

Đối tác

Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, cân bằng với hai nhà sản xuất tàu bay hàng đầu thế giới là Airbus và Boeing thông qua các đơn đặt hàng số lượng lớn với tổng cộng 371 tàu bay thế hệ mới;

Các nhà cung cấp trong chuỗi giá trị ngành hàng không: các công ty cho thuê tàu bay, cảng hàng không, đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không (phục vụ mặt đất, suất ăn hàng không, trung tâm bảo dưỡng), đại lý du lịch, dịch vụ vận chuyển...

Cổ đông, nhà đầu tư, các định chế tài chính trong và ngoài nước cung cấp nguồn tài chính vững mạnh, đồng hành cùng hành trình cất cánh và phát triển rực rỡ của Vietjet.

Hoạt động chính

Cung cấp dịch vụ vận tải hành khách. Vietjet luôn là người tiên phong khai phá những đường bay mới trong nước và quốc tế, mạng đường bay rộng khắp đến các khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á. Mảng dịch vụ hàng không có tốc độ tăng trưởng hàng năm mạnh mẽ và là mãng dịch vụ cốt lõi theo định hướng xuyên suốt của hãng từ những ngày đầu thành lập đến nay.

Nguồn lực

Tàu bay: Đội tàu bay mới và hiện đại, có độ tuổi trung bình trẻ nhất thế giới là một trong những yếu tố then chốt tạo nên sự khác biệt trong mô hình kinh doanh và lợi thế cạnh tranh của Vietjet.

Con người: Đội ngũ nhân viên trên 3.850 người có trình độ chuyên môn tốt, kinh nghiệm vượt trội trẻ trung, năng động, tràn đầy nhiệt huyết.

Kỹ thuật công nghệ: Ứng dụng công nghệ tiên tiến là bước đột phá của Vietjet so với các đối thủ trên thị trường. Công ty hiện sử dụng các giải pháp phần mềm tiên tiến cho quản lý điều hành và khai thác hoạt động bay. Công ty còn xây dựng một nền tảng cho thương mại điện tử và sẽ tiếp tục đầu tư triển khai các giải pháp ERP cho quản trị vận hành doanh nghiệp theo mô hình "E-Company".

Giá trị mang lại

Định vị thương hiệu Vietjet là hãng hàng không thế hệ mới: giá vé cạnh tranh nhưng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng vượt trội, thể hiện các giá trị cốt lõi: ***An toàn, Vui vẻ, Giá rẻ, Đúng giờ.*** Vietjet mang sứ mệnh làm cho dịch vụ hàng không trở thành phương tiện di chuyển phổ biến ở Việt Nam và quốc tế đồng thời mang đến những điểm đột phá trong dịch vụ hàng không.

Kênh phân phối

Các kênh online (trang web, ứng dụng trên điện thoại di động...) là kênh phân phối chủ lực có tốc độ tăng trưởng cao nhất đồng thời chiếm tỉ trọng doanh thu lớn nhất trong các kênh bán của Vietjet.

Hệ thống phân phối phủ rộng trong và ngoài nước bao gồm đại lý và tổng đại lý trong nước và nước ngoài...

Phân khúc khách hàng

Bằng những tiện ích vượt trội của dịch vụ hàng không, Vietjet khai phá thành công phân khúc khách hàng hoàn toàn mới - nhóm khách hàng đang sử dụng dịch vụ của các phương tiện vận tải khác (xe lửa, ô tô...). 30% hành khách sử dụng dịch vụ của Vietjet là những người lần đầu tiên đi máy bay.

Cơ cấu chi phí Vietjet là hãng hàng không chi phí thấp, do đó việc kiểm soát chi phí luôn là mục tiêu quản trị hàng đầu để có thể tạo nên lợi thế cạnh tranh vượt trội so với các đối thủ khác trong ngành. Các loại chi phí chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của hãng bao gồm nhiên liệu, chi phí thuê tàu bay, chi phí khai thác bay, chi phí phục vụ mặt đất, chi phí bảo dưỡng và kỹ thuật... Chỉ số chi phí trên ghế km (CASK) của Vietjet hiện nay đang ở mức tốt nhất thế giới, hoàn toàn có khả năng cạnh tranh với các hãng hàng không tên tuổi trong khu vực và trên thế giới.

Nguồn doanh thu Nguồn doanh thu chính của Vietjet đến từ hoạt động vận chuyển hành khách, cho thuê chuyến và thuê ướt, vận chuyển hàng hóa và các hoạt động phụ trợ. Trong đó, doanh thu từ các hoạt động phụ trợ như cung cấp dịch vụ hành lý, dịch vụ ưu tiên chọn chỗ ngồi, cung cấp suất ăn nóng và hàng hóa miễn thuế, quảng cáo trên tàu bay... vốn có tỉ suất lợi nhuận rất tốt được định hướng là một trong những nguồn thu quan trọng của hãng trong các giai đoạn tiếp theo. Hãng còn có chiến lược đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp cho hành khách trên chuyến bay nhằm tăng doanh thu phụ trợ trên mỗi hành khách và tăng tỉ trọng doanh thu phụ trợ trong tổng doanh thu hàng năm.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
  - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
    - BAN KIỂM SOÁT
    - ỦY BAN QUẢN TRỊ RỦI RO
    - ỦY BAN AN TOÀN HÀNG KHÔNG
    - ỦY BAN AN NINH HÀNG KHÔNG
    - ỦY BAN TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
    - ỦY BAN ĐIỀU HÀNH TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP
    - ỦY BAN BẢO HIỂM
    - BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
      - VĂN PHÒNG LÃNH ĐẠO
      - AN NINH - AN TOÀN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
      - KIỂM TOÁN VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ
      - KHỐI KHAI THÁC
        - KỸ THUẬT BAY
        - KHAI THÁC DỊCH VỤ MẶT ĐẤT
      - KHỐI KỸ THUẬT
        - BẢO DƯỠNG
        - KỸ THUẬT
      - KHỐI THƯƠNG MẠI
        - THƯƠNG MẠI & MARKETING
        - ICT
      - KHỐI NHÂN LỰC
        - ĐÀO TẠO
        - NHÂN SỰ
      - KHỐI HỖ TRỢ
        - TÀI CHÍNH
        - PHÁP CHẾ
        - QUẢN LÝ DỰ ÁN
        - ĐẦU TƯ - MUA SẮM
        - KẾ HOẠCH & PHÁT TRIỂN ĐỘI BAY
        - BẢO HIỂM & HỢP ĐỒNG

CÔNG TY CON

VIETJET AIR CARGO	VIETJET AIR IVB No.I LIMITED	VIETJET AIR IVB No.II LIMITED	VIETJET AIR SINGAPORE PTE., LTD	VIETJET AIR IRELAND No.I LIMITED	SKYMATE LIMITED
90%	*100%*	*100%*	*100%*	*100%*	*100%*

CÔNG TY LIÊN KẾT

THAI VIETJET	NHÀ GA QUỐC TẾ CAM RANH
9%	*10%*

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà NGUYỄN THANH HÀ

Bà Nguyễn Thanh Hà là một trong những thành viên sáng lập và được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị vào năm 2007, bà là một chuyên gia, một nhà quản lý dày dặn kinh nghiệm trong ngành hàng không tại Việt Nam. Trước khi tham gia Vietjet, bà Hà là Cục phó Cục Hàng không Việt Nam. Bà đã từng là Trưởng ban kế hoạch đầu tư của Tổng công ty Hàng không Việt Nam trước khi đảm nhận vị trí Cục phó Cục Hàng không Việt Nam. Chủ tịch Nguyễn Thanh Hà có bằng cử nhân vật lý tại Đại học Hà Nội, và bằng cử nhân khác tại Đại học Kinh tế quốc dân và bằng Thạc sỹ kinh tế.

Ông NGUYỄN THANH HÙNG

Ông Nguyễn Thanh Hùng được bầu Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Vietjet từ tháng 7/2007. Ông Hùng là người sáng lập và chủ tịch Hội đồng Quản trị của Sovico. Ông được vinh danh Nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu 2007 tại Diễn đàn kinh tế thế giới tại Davos. Ông cũng là thành viên Hội đồng tư vấn kinh doanh APEC (ABAC Việt Nam) được bổ nhiệm bởi Thủ tướng Việt Nam từ năm 2006. Ông có bằng Kỹ sư Điện từ trường Đại học Kharkov và Tiến sỹ chuyên ngành tự động hóa từ Viện hàn lâm Khoa học Liên Bang Nga.

Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo là một trong những sáng lập viên của công ty từ những năm 2002. Bà được bầu là Phó Chủ tịch của Công ty từ 2007. Bà Thảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Công ty. Bà có nhiều thành công trong kinh doanh và là nhà quản lý nhiều kinh nghiệm tại Việt Nam và tại nước ngoài, đặc biệt trong ngành tài chính ngân hàng. Bà đồng thời cũng là sáng lập viên và thành viên Hội đồng Quản trị một số ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong nhiều năm trước khi tham gia HDBank, giữ vị trí Phó Chủ tịch thường trực tại ngân hàng này, đưa ngân hàng HDBank trở thành một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam trong nhiệm kỳ của bà. Bà là Tiến sỹ Học viện Mendeleev ngành điều khiển học kinh tế, Cử nhân Tài chính tín dụng tại Học viện Thương mại Matcova, Cử nhân ngành Quản lý kinh tế lao động Trường Kinh tế Quốc dân Matcova, viện sĩ thông tấn Viện Hàn Lâm Nghiên cứu Hệ thống Liên Bang Nga.

Ông LƯU ĐỨC KHÁNH

Ông Lưu Đức Khánh được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám Đốc Điều Hành từ tháng 4/2011. Ông là chuyên gia tài chính và là một lãnh đạo nhiều kinh nghiệm với hơn 20 năm kinh nghiệm trong vai trò quản lý cao cấp. Ông từng nắm nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng lớn như Giám đốc chiến lược tại HSBC Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc tại Techcombank và Tổng Giám đốc tại Ngân hàng An Bình. Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Kinh Tế tại Đại học Kinh tế TP.HCM và Thạc sỹ QTKD tại Đại học New England, Úc.

Ông CHU VIỆT CƯỜNG

Ông Chu Việt Cường được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị từ năm 2011. Ông cũng là Chủ tịch Ủy ban bảo hiểm của công ty. Ông là Giám đốc điều hành tập đoàn Sovico và thành viên Hội đồng Quản trị HDBank. Ông từng là Giám đốc của BNPP-Prevoir JV, và Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Prudential, và Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng Đại Á. Ông là chuyên gia cao cấp trong ngành tài chính ngân hàng và bảo hiểm. Kinh nghiệm trong nước của ông được củng cố sau 2 năm công tác nước ngoài tại Viện chiến lược Châu Á Singapore được thành lập bởi Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu. Ông Cường tốt nghiệp Thạc sỹ QTKD từ Viện Kỹ Thuật Massachusetts tại Mỹ, ông cũng đạt được bằng Thạc sỹ kinh tế quốc tế từ Đại Học Sussex tại Anh. Ông tốt nghiệp đại học ngành kinh tế tại Đại học Kharkov (Ukraine).

Ông ĐINH VIỆT PHƯƠNG

Ông Đinh Việt Phương là Phó Tổng Giám đốc công ty phụ trách phát triển kinh doanh từ 2012. Ông Phương có nhiều năm kinh nghiệm quản lý ở nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp tại nhiều công ty danh tiếng ở Việt Nam như Trưởng Văn phòng đại diện của Sovico tại Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Sovico, Phó Tổng giám đốc và thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - Bộ Giao thông Vận tải và thành viên Hội đồng Quản trị Petechim Petrovietnam. Ông có bằng kỹ sư của Đại học Hàng hải Việt Nam. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ QTKD tại CFVG (Pháp) và Tiến sỹ Vận tải tại Học viện Quốc gia Matxcova về Vận tải Đường biển.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông TÔ VIỆT THẮNG

Ông Tô Việt Thắng là Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Bộ phận An toàn, An ninh, Đảm bảo chất lượng của hãng (SSQA), chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn khai thác bay, khai thác kỹ thuật, dịch vụ mặt đất và việc thực hiện và duy trì các chương trình an toàn an ninh của hãng. Ông là Trưởng ban dự án giúp công ty đạt được chứng chỉ IOSA và trở thành thành viên của IATA. Ông có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành hàng không, bao gồm thời gian làm việc tại Vietnam Airline. Từ 2008 đến 2014, Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc bộ phận SSQA của VNA. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng không Việt Nam về an toàn, an ninh và chất lượng. Ông tốt nghiệp Kỹ Sư hàng không tại Đại học Kỹ thuật Cộng hòa Séc loại giỏi, đạt các chứng chỉ của IATA, Lufthansa và AQS liên quan đến an toàn, an ninh, quản trị hãng hàng không và quản lý đảm bảo chất lượng.

Ông NGUYỄN ĐỨC THỊNH

Ông Nguyễn Đức Thịnh là Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác kỹ thuật và bảo dưỡng của công ty. Ông là Giám đốc của Khối kỹ thuật, bao gồm khu vực kho vật tư khí tài và cung ứng, bộ phận lập kế hoạch, Trung tâm bảo dưỡng kỹ thuật, chịu trách nhiệm đàm phán các hợp đồng thuê và mua tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng, kế hoạch sản xuất và quản lý sản xuất. Ông có 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành kỹ thuật hàng không và 25 năm kinh nghiệm trong bảo trì bảo dưỡng tàu bay tại Vietnam Airlines. Từ năm 1993 đến năm 2014, ông Thịnh là phó giám đốc của bộ phận kỹ thuật Vietnam Airlines. Dưới sự quản lý của Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Đức Thịnh, khối kỹ thuật của công ty liên tục nhiều năm đạt danh hiệu xuất sắc với độ tin cậy kỹ thuật đạt tới 99,57%, cao nhất trong các đội bay A320/A321 của các hãng Hàng không tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Ông tốt nghiệp thạc sĩ về Kỹ thuật Hàng không dân dụng, thạc sỹ QTKD và các chứng chỉ IATA liên quan đến kỹ thuật hàng không.

Ông LƯƠNG THẾ PHÚC

Ông là Phó Tổng Giám đốc phụ trách khai thác với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành hàng không tại Việt Nam. Trước khi tham gia vào công ty, Ông Phúc đã có thời gian phục vụ trong Không quân Việt Nam và là Giám đốc Học viện Không quân Việt Nam. Ông từng làm việc 16 năm tại Vietnam Airline với vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực. Ông từng đảm nhận cương vị Chủ tịch Pacific Airlines trong khoảng 10 năm. Ông được đào tạo làm Phi công quân sự tại trường đào tạo phi công Liên bang Nga. Ông tốt nghiệp Học viện Quốc Phòng, cử nhân QTKD từ Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, và các khóa đào tạo từ Trường kinh tế INSEAD, Pháp.

Bà HỒ NGỌC YẾN PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc - CFO phụ trách tài chính kế toán của Công ty. Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính đặc biệt là kinh nghiệm trong điều tiết và quản trị Nguồn vốn, M & A, Xây dựng hệ thống quản trị tài chính, Quản lý kế toán và Kiểm Toán nội bộ. Bà từng đảm nhiệm vị trí Lãnh đạo cấp cao trong các Tập Đoàn, Tổng công ty, Công ty FDI danh tiếng như Trưởng ban Tài Chính Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam, Phó TGĐ-CFO Tổng Công ty PVDrilling, CFO SK Telecom - Stelecom, Financial Controller Holcim Việt Nam. Bà Yến Phương tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính Kế toán quốc tế tại Đại học Swinburne – Úc.

Ông NGUYỄN THANH SƠN

Ông Nguyễn Thanh Sơn là Phó Tổng giám đốc Công ty, phụ trách công tác Thương mại bao gồm phát triển sản phẩm bay, kênh phân phối cũng như các hoạt động quảng bá tiếp thị và quản trị doanh thu. Ông Sơn được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Thương mại vào ngày 01/04/2018. Ông Sơn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong mảng thương mại tại các hãng hàng không trong nước và quốc tế. Ông Sơn tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà NGUYỄN THỊ THÚY BÌNH

Bà Nguyễn Thị Thúy Bình là Phó Tổng giám đốc công ty phụ trách chiến lược phát triển thương mại và mở rộng thị trường, phát triển giá trị thương hiệu của công ty trên thị trường trong nước và quốc tế. Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành truyền thông và đã đưa thành công hoạt động thường niên của Hiệp Hội Mobile Marketing toàn cầu vào Việt Nam từ năm 2012, đóng góp vào sự phát triển phương tiện truyền thông hiện đại tại Việt Nam. Năm 2008, Bà Bình là Phó Tổng Giám đốc thương mại Jetstar Pacific. Bà Bình tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành tiếng Nga và tiếng Anh tại đại học Ngoại Ngữ Hà Nội, Cử nhân Điện tử viễn thông từ đại học Bách Khoa Hà Nội và thạc sỹ QTKD - chương trình hợp tác Việt Bỉ giữa Đại học Kinh tế Quốc dân và đại học Bruxelles.

Ông TRẦN HOÀI NAM

Ông Trần Hoài Nam được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách thu xếp nguồn tài chính đầu tư đội tàu bay và các hoạt động tài chính khác của Công ty. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính, đặc biệt là khối doanh nghiệp ngân hàng và các định chế tài chính. Ông Nam là Phó Tổng Giám đốc HDBank, chịu trách nhiệm quản lý và phát triển và quản lý khách hàng doanh nghiệp lớn cũng như phát triển quan hệ đối tác kinh doanh giữa Ngân hàng HD và các định chế tài chính trong và ngoài nước. Ông từng nhiều năm giữ những vị trí quản lý cấp cao tại Ngân hàng Citibank và Ngân hàng Quốc tế Việt Nam. Ông tốt nghiệp Cử nhân tại Đại học Bách Khoa Hà Nội và Thạc Sỹ từ Viện Công nghệ Châu Á (Thái Lan).

Ông NGUYỄN ĐỨC TÂM

Ông Nguyễn Đức Tâm gia nhập công ty năm 2007 và là Tổng Giám Đốc đầu tiên của hãng. Ông có hơn 47 năm kinh nghiệm trong ngành hàng không. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc của Vietnam Airline trong 11 năm, Trưởng ban Công nghệ Thông tin, Phó Ban Kỹ thuật Cục Hàng không Việt Nam. Ông Tâm tốt nghiệp Kỹ sư Hàng không tại Học Viện Kỹ thuật Quân sự Harbin-Trung Quốc, Cử nhân chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Sư phạm Hà Nội, và đạt được giấy chứng nhận chuyển loại tàu bay từ trường hàng không Ulianop – Liên Bang Nga và các chứng chỉ đủ điều kiện bay và kỹ thuật hàng không.

Ông ĐỖ XUÂN QUANG

Ông Đỗ Xuân Quang là Phó Tổng giám đốc kiêm Tổng giám đốc điều hành công ty cổ phần Vietjet Air Cargo - một công ty thành viên của Vietjet Air chuyên khai thác vận chuyển hàng hoá (aircargo). Ông Đỗ Xuân Quang có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận chuyển và khai thác thương mại hàng hoá hàng không (airfreight), một chuyên gia về lãnh vực hậu cần, logistics. Ông Đỗ Xuân Quang là Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam (VLA) từ năm 2010 - 2015, hiện nay là Phó chủ tịch thường trực Hiệp hội này. Ông Quang nguyên là chủ tịch Hiệp hội giao nhận vận tải Đông Nam Á (AFFA) từ 2012 - 2015. Ông Quang là người đã xây dựng và là Tổng Giám đốc công ty Vector Aviation từ năm 2004 - 2014, một công ty chuyên về chức năng tổng đại lý (GSSA) khai thác hàng hoá và hành khách cho trên 52 hãng hàng không quốc tế tại Việt Nam trước khi tham gia Vietjet Air tháng 8/2014. Từ năm 1994 - 2000, ông Quang là giám đốc vận chuyển hàng không (Airfreight director) của tổng công ty Vinatrans trực thuộc Bộ Thương mại. Từ năm 2000 - 2004 ông Quang là Phó Tổng giám đốc công ty cổ phần Vinafreight và Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty từ năm 2009 - 2014. Ông Quang tốt nghiệp Cử nhân Luật tại Đại học Tổng hợp Ki-shi-nhốp (Liên Xô) năm 1989, Thạc sỹ Luật tại Viện nhà nước và Pháp luật Hà Nội năm 2002. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) tại Đại học Masstricht - Hà Lan năm 2004.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà TRẦN DƯƠNG NGỌC THẢO
Trưởng Ban kiểm soát

Bà Trần Dương Ngọc Thảo được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát của Công ty cho nhiệm kỳ 2017 - 2022. Bà cũng là thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn và Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh. Bà có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực kiểm toán nội bộ ngành hàng không, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc và mua bán sáp nhập. Bà có bằng Thạc sỹ quản trị kinh doanh tại Viện Công nghệ Châu Á, bằng Thạc sỹ về kinh tế Châu Âu từ trường kinh doanh EM Lyon Pháp, chứng chỉ Quản trị chất lượng hãng hàng không, chứng chỉ Kiểm toán nội bộ ngành hàng không và chứng chỉ Trưởng kiểm toán do IATA cấp.

Bà ĐOÀN THU HƯƠNG
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thu Hương là thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022, bà hiện giữ chức Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Thương mại Vĩnh Trí từ năm 2016. Bà cũng là thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vina. Trước đó, bà đã tham gia nhiều vị trí tại bộ phận tài chính kế toán của một số công ty trong nhiều lĩnh vực khác nhau như công nghệ, dược phẩm. Bà có nhiều năm kinh nghiệm là kế toán trưởng tại công ty xây dựng. Bà Đoàn Thu Hương có bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Đại học Tài chính kế toán Hà Nội, và các chứng chỉ chuyên môn khác như chứng chỉ Kế toán trưởng cấp bởi Đại học Kinh tế Hà Nội.

Ông PHẠM VĂN ĐẨU
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Phạm Văn Đẩu là thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2017 - 2022. Ông có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Ông hiện giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại Ngân hàng Phát triển Tp. Hồ Chí Minh (HDBank), ông am hiểu và nắm vững các nghiệp vụ về tín dụng, kế toán, tài chính, nguồn vốn và kế hoạch. Ông Đẩu là người nắm giữ nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực tài chính của Ngân hàng HDBank, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của HDBank. Ông là Thạc sỹ kinh tế tại Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại Cổ đông theo tính chất

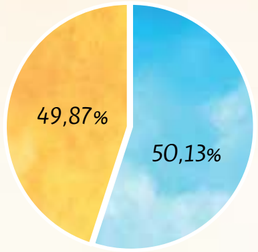

Cổ đông khác Cổ đông lớn

Phân loại Cổ đông theo Hình thức

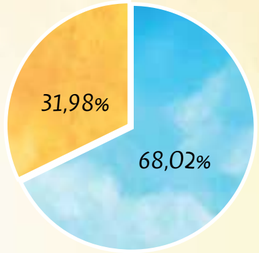

Tổ chức Cá nhân

Phân loại Cổ đông theo Lãnh thổ

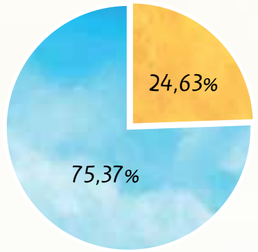

Trong nước Nước ngoài

Phân loại theo nhóm cổ đông*

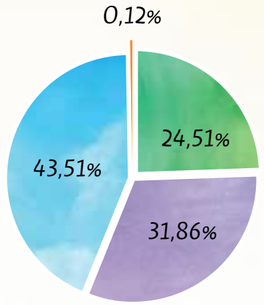

Tổ chức trong nước Tổ chức nước ngoài

Cá nhân trong nước Cá nhân nước ngoài

* Ghi chú:Tại 31/12/2018 Vietjet không có Cổ đông nhà nước và Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2018

	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẮM GIỮ	TỶ LỆ
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Hướng Dương Sunny	154.740.160	28,57%
2	Nguyễn Thị Phương Thảo	47.470.914	8,76%
3	Công ty cổ phần Sovico	41.106.000	7,59%
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	26.809.020	4,95%

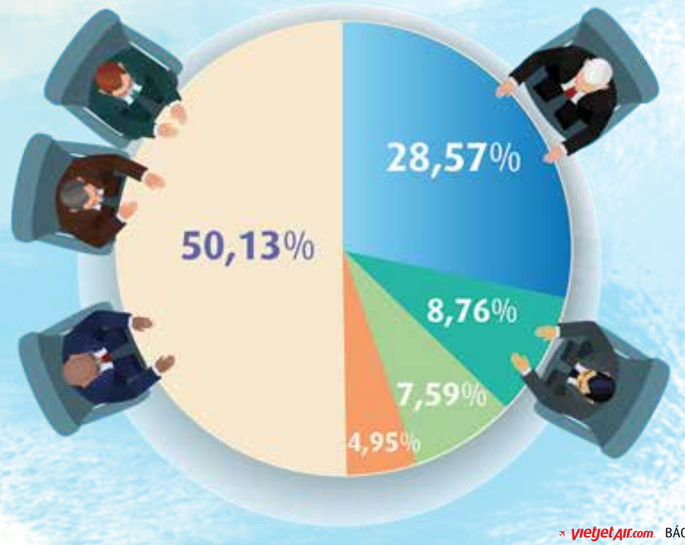

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tôi tin tưởng rằng năm 2019 và những năm tiếp theo, với đội tàu bay trẻ, hiện đại, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp năng động, dưới sự dẫn dắt của đội ngũ lãnh đạo đầy nhiệt huyết, Vietjet sẽ tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới và viết tiếp câu chuyện thần kỳ, mang đến lợi ích cao nhất cho quý cổ đông và nhà đầu tư, cho cộng động cũng như các bên liên quan.

Quý cổ đông và nhà đầu tư thân mến!

Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng với vai trò là động lực chuyển đổi cho cả ngành hàng không, Vietjet đã gặt hái được nhiều kết quả ấn tượng trong năm 2018.

Năm qua, Vietjet ghi nhận mức doanh thu hợp nhất 53.577 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 5.816 tỷ đồng; tự hào vận chuyển 23,06 triệu lượt hành khách, khai thác 64 tàu bay với 105 đường bay trong nước và quốc tế, thực hiện tổng cộng 118.923 chuyến bay an toàn. Đây chính là kết quả từ sự nỗ lực và đam mê của tập thể cán bộ nhân viên Vietjet.

Chỉ sau 8 năm, Vietjet đã thực sự làm được một cuộc cách mạng trong ngành hàng không với rất nhiều thay đổi. Thay đổi đó không chỉ mang đến giá trị bền vững cho nhà đầu tư, các đối tác; lợi ích thiết thực cho người dân, cộng đồng; tác động tích cực đối với nhà quản lý; tạo ra môi trường mới với những yếu tố mới, những vấn đề thị trường mới mà các hãng hàng không khác đang phải thích nghi. Từ đó, chúng ta đã tạo nên những chuyển biến được xem là cách mạng trong ngành hàng không Việt Nam. Câu chuyện thành công của Vietjet được cả ngành Hàng không quan tâm, chia sẻ ở các diễn đàn trong khu vực và gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn bè quốc tế.

Đặc biệt, theo nhiều đánh giá, sự thành công của Vietjet đã tạo nên sự hứng khởi, quyết tâm của rất nhiều nhà đầu tư trong lĩnh vực vận tải hàng không bởi tại thời điểm Vietjet tham gia thị trường vận tải, các nhà đầu tư vẫn còn quan ngại và e dè khi tham gia lĩnh vực này.

Năm 2019, bên cạnh việc hoàn thành các mục tiêu đã đề ra như tăng trưởng lượng khách vận chuyển 20%, tăng trưởng chuyến số chuyến bay khai thác 23%, tăng trưởng đội tàu bay 19%... mở rộng mạng bay tới các điểm đến trong khu vực và thế giới, Vietjet sẽ tiếp tục mang đến "giấc mơ hoa" tràn ngập màu sắc cho nhà đầu tư và hành khách với việc đảm bảo tuyệt đối việc khai thác các chuyến bay an toàn, không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tiếp tục khẳng định vị thế của hãng hàng không tiêu dùng "Consumer Airline".

Với khát vọng sẻ chia giá trị bền vững, chúng tôi cùng toàn thể cán bộ nhân viên sẽ tiếp tục thực hiện và lan tỏa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đẩy mạnh các công tác bảo vệ môi trường, chăm lo và san sẻ với những mảnh đời kém may mắn, mang văn hóa nghệ thuật đến với trẻ em và người dân. Trong kế hoạch nhiệm vụ năm 2019, nhiều hoạt động cộng đồng ý nghĩa, chiến dịch từ thiện xã hội sẽ được Vietjet phát động và triển khai rộng khắp Việt Nam và quốc tế.

Tôi tin tưởng rằng năm 2019 và những năm tiếp theo, với đội tàu bay trẻ, hiện đại, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp năng động, dưới sự dẫn dắt của đội ngũ lãnh đạo đầy nhiệt huyết, Vietjet sẽ tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới và viết tiếp câu chuyện thần kỳ, mang đến lợi ích cao nhất cho quý cổ đông và nhà đầu tư, cho cộng động cũng như các bên liên quan.

Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đồng hành của quý vị cho hành trình phía trước. Với giá trị và tinh thần Vietjet, "giấc mơ hoa" của năm 2019 sẽ còn rạng rỡ và ấn tượng hơn bao giờ hết.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
NGUYỄN THANH HÀ

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Quý cổ đông và nhà đầu tư thân mến!

Năm 2018 là năm chúng tôi tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường nội địa. Vị trí dẫn đầu của một ngành luôn có sự hấp dẫn đối với bất kỳ doanh nghiệp nào khát vọng vươn cao, nhưng đồng thời cũng chứa đựng nhiều áp lực và thách thức duy trì vị thế. Đến cuối năm 2018, chúng tôi vận hành 64 tàu bay, là đội tàu trẻ nhất với tuổi bình quân 2,82 năm và trở thành hãng hàng không giá trị lớn thứ 2 khu vực Đông Nam Á về vốn hoá thị trường.

Tốc độ tăng trưởng 7,08% của GDP năm 2018 đang tạo ra nền tảng để tiếp tục sức tăng trưởng mạnh mẽ trỗi dậy thần kỳ trong giai đoạn Việt Nam đang thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân trên mọi lĩnh vực. Sức tăng trưởng thần kỳ đó có sự đóng góp quan trọng một trong của những đầu tàu kinh tế tư nhân như Vietjet. Tinh thần đổi mới, sáng tạo của **Hãng hàng không thế hệ mới** đã, đang và sẽ trở thành động lực quan trọng, nắm bắt cơ hội và xu hướng tích cực trong giai đoạn phát triển của nền kinh tế thế giới và trong nước.

Vietjet đã phục vụ chuyên chở 23,1 triệu lượt khách, thực hiện 118.923 chuyến bay, phát triển mạng đường bay 39 tuyến nội địa và 66 tuyến quốc tế, hệ số sử dụng ghế đạt 88,06%. Độ tin cậy kỹ thuật đạt 99,64%, và các chỉ số an toàn khai thác bay, khai thác mặt đất như tỷ lệ đúng giờ (OTP) đạt 84,2%. Vietjet đạt doanh thu hợp nhất 53.577 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 5.816 tỷ đồng, trong đó doanh thu vận tải hàng không đạt 33.779 tỷ đồng, tăng trưởng 49,8% và lợi nhuận trước thuế vận tải hàng không đạt 3.045 tỷ đồng, tăng trưởng 48,9%.

Những con số trên là bức tranh tổng quan hoạt động kinh doanh Vietjet. Nhưng đằng sau những con số là câu chuyện của những con người Vietjet đầy nghị lực và kiên trì bám đuổi mục tiêu đề ra, bằng một tình yêu nghề và sự tự hào được mang lại những cơ hội bay đến cho hàng triệu người.

Năm 2018, tình hình tài chính của Vietjet tiếp tục thể hiện tình hình tài chính vững mạnh nhất trong những năm qua với tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2018 đạt 39.086 tỷ đồng, trong đó tài sản dài hạn đạt 20.007 tỷ đồng, tăng trưởng 43%, số dư tiền mặt đạt 7.165 tỷ đồng là kết quả của sự tích lũy tăng trưởng kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty hiệu quả, bảo đảm chất lượng dịch vụ cao nhất dựa trên nền tảng kỹ thuật công nghệ cao và tiên tiến.

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Năm 2019, chúng tôi tiếp bước với hành trình "**Bay cùng giấc mơ hoa**". Chúng tôi có một giấc mơ đẹp, giấc mơ vươn ra thế giới để trở thành Tập đoàn hàng không đa quốc gia, cùng với cam kết vận hành độ an toàn và tin cậy cao nhất, nâng cao chất lượng dịch vụ. Chúng tôi tiếp tục tập trung phát triển mạng đường bay quốc tế, chinh phục những bầu trời mới và vươn ra thế giới.

Chúng tôi cũng không quên duy trì và mở rộng thị trường trong nước thông qua các chương trình quản trị chỉ số hoạt động để ngày càng nâng cao hiệu quả vận hành. Chúng tôi cũng đang thúc đẩy triển khai các dự án xây dựng nhà xưởng kỹ thuật chứa máy bay (hangar), là một trong những mảnh ghép cuối cùng để bảo đảm trở thành một hãng hàng không kỹ thuật cao, an toàn và tin cậy.

Chúng tôi cũng từng bước triển khai chiến lược trở thành hãng hàng không chi phí thấp quốc tế trên nền tảng công nghệ số và thương mại điện tử, chúng tôi kỳ vọng Vietjet không chỉ là một hãng hàng không mà hơn thế nữa là một Tập đoàn cung cấp nhu cầu tiêu dùng cho hành khách.

Năm 2019 mở ra nhiều cơ hội và thách thức mới, đặc biệt với sự tăng trưởng mạnh mẽ của Việt Nam. Chúng tôi sẽ cùng với Quí vị cổ đông thực hiện hành trình "**Bay cùng giấc mơ hoa**", để chinh phục những bầu trời mới và lan tỏa những ước muốn, niềm tin vào một tương lai tươi sáng, mà ở đó chúng tôi luôn dành những điều tốt đẹp nhất cho hành khách, cho bản thân những con người trong đại gia đình Vietjet và cho giá trị của mỗi cổ đông, nhà đầu tư.

Trân trọng!

Tổng giám đốc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

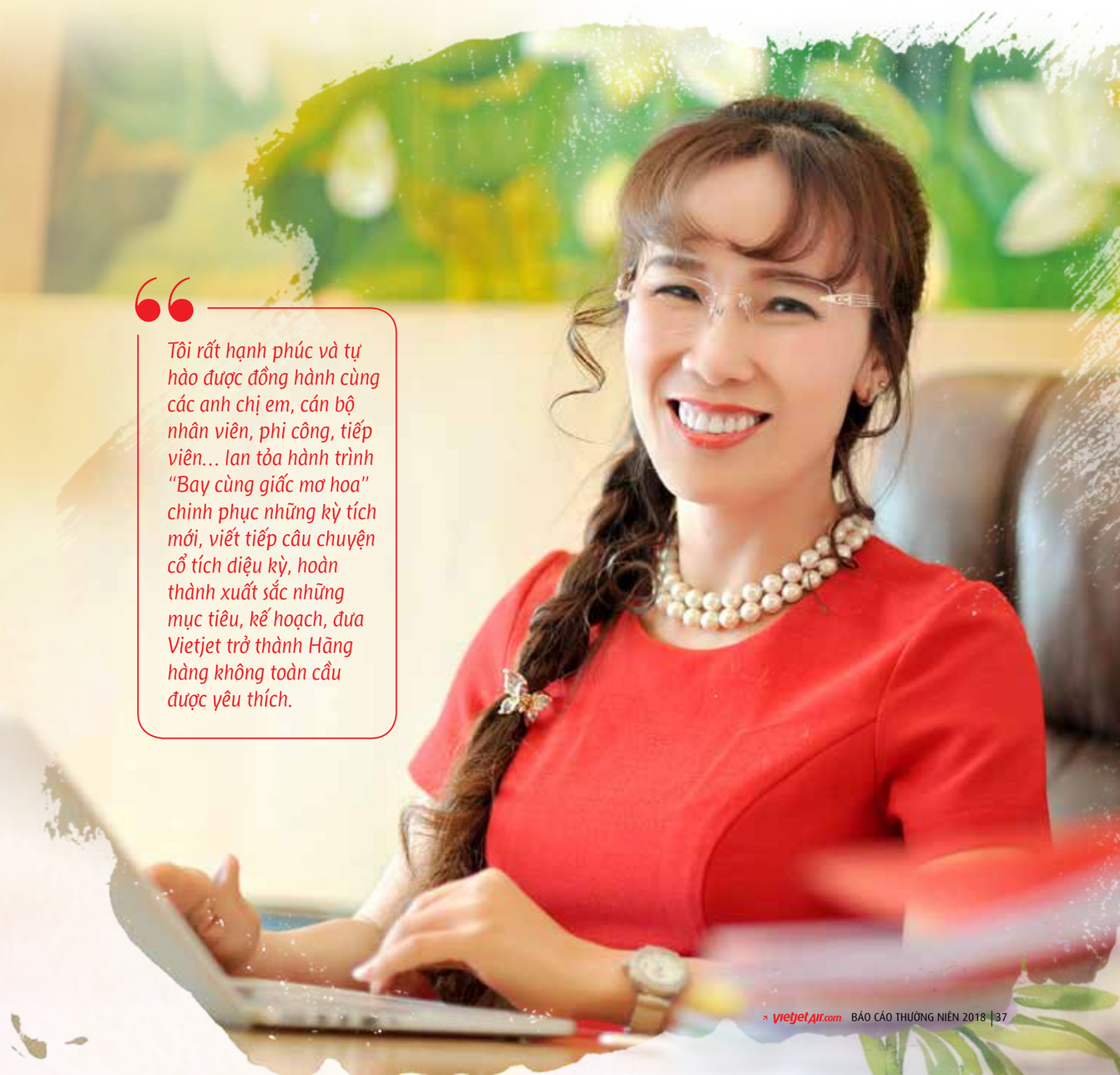

"Tôi rất hạnh phúc và tự hào được đồng hành cùng các anh chị em, cán bộ nhân viên, phi công, tiếp viên... lan tỏa hành trình "Bay cùng giấc mơ hoa" chinh phục những kỳ tích mới, viết tiếp câu chuyện cổ tích diệu kỳ, hoàn thành xuất sắc những mục tiêu, kế hoạch, đưa Vietjet trở thành Hãng hàng không toàn cầu được yêu thích.

TỔNG QUAN CHIẾN LƯỢC

BỐI CẢNH

Theo nguồn thống kê từ Euromonitor, thị trường hàng không Việt Nam có tốc độ tăng trưởng hành khách bình quân hàng năm đứng đầu khu vực. Trong giai đoạn 2012 - 2017, tốc độ tăng trưởng đạt 28,9% so với mức bình quân 8,7% của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và so với các nước trong khu vực như Thái Lan (11,1%), Malaysia (8,1%). Trong giai đoạn từ 2018 và những năm tiếp theo, Việt Nam vẫn được dự báo là một trong những thị trường hàng không phát triển nhanh nhất thế giới, với tỷ lệ tăng trưởng xấp xỉ 20%, triển vọng đạt 150 triệu lượt hành khách vận chuyển vào năm 2035 (theo IATA). Thực tiễn và triển vọng tích cực này dựa trên bức tranh toàn cảnh của Việt Nam và những tiềm năng tăng trưởng cả về kinh tế và văn hóa xã hội qua lăng kính trong và ngoài nước.

Đối với ngành hàng không, kinh tế vĩ mô cũng là yếu tố then chốt, có ảnh hưởng lớn đến tiềm năng phát triển của thị trường. Tăng trưởng GDP quốc gia qua các năm luôn được duy trì ở mức cao nhất trong khu vực (6-7%), tăng trưởng về lượng khách du lịch đạt những con số ấn tượng và còn nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành. Việt Nam còn có vị trí địa lý thuận lợi để có thể trở thành trung tâm trung chuyển hàng khách do 50% dân số thế giới nằm trong bán kính 2.500 dặm từ hai điểm chính là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, với dân số trẻ 96,5 triệu người (năm 2018) với mức thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện (2.587 Đô la Mỹ năm 2018), mức tiêu dùng cá nhân hàng năm tăng xấp xỉ 7%, Việt Nam vẫn được đánh giá là đầy tiềm năng cho ngành hàng không và ngành hàng tiêu dùng, đặc biệt khi có những thuận lợi mang tính cộng hưởng trong thị trường này.

Từ những yếu tố trên, chiến lược phát triển của Vietjet được xây dựng xoay quanh ngành hàng không và ngành hàng tiêu dùng, với định hướng trở thành **Hãng hàng không tiêu dùng** được yêu thích tại Việt Nam và khu vực.

TỔNG QUAN VỀ CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

Hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển của Vietjet bao phủ gần như toàn bộ chuỗi giá trị của ngành hàng không, các thay đổi từ thượng nguồn cho đến hạ nguồn đều có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Hãng. Do đó, việc gắn kết hoạt động kinh doanh hướng đến một chuỗi giá trị bền vững chính là mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển mà Vietjet đang theo đuổi.

Vietjet đang tập trung hoàn thiện mô hình hoạt động, liên kết mạng bay quốc tế và nội địa theo định hướng chuỗi giá trị khép kín nhằm đa dạng hóa phục vụ tốt hơn và đáp ứng yêu cầu mọi đối tượng khách hàng. Vietjet đồng thời dành các nguồn lực cần thiết cho các kế hoạch nhiệm vụ theo yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

	THƯỢNG NGUỒN				HẠ NGUỒN
	NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN	MUA HÀNG VÀ CUNG ỨNG	VẬN TẢI HÀNG KHÔNG	DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG	KÊNH PHÂN PHỐI
Các bên liên quan	• Nhà sản xuất	• Nhà cung cấp • Nhà sản xuất	• Vietjet • Thai Vietjet • Vietjet Cargo • Các Công ty liên doanh (JVs) khác đang trong quá trình thành lập... • Japan Airlines • Qatar Airways	• Cảng hàng không • Học viện hàng không • Công ty cho thuê tàu bay • Bảo hiểm • Hậu cần	• Đại lý vé • Bán vé qua mạng
Các hoạt động chính của Vietjet bao phủ chuỗi giá trị	• Nghiên cứu, đóng góp vào quá trình cập nhật các tài liệu huấn luyện đào tạo, tài liệu khai thác, các quy trình bảo dưỡng kỹ thuật với các nhà sản xuất máy bay. • Hướng đến nghiên cứu, phát triển công nghệ hàng không vũ trụ (Trung tâm đào tạo)...	• Lựa chọn nhà cung cấp có hình mẫu sản xuất và tiêu dùng đảm bảo chất lượng hướng đến tiêu chí bền vững. • Cung ứng tàu bay, thiết bị, phụ tùng và dịch vụ hàng không cho các đơn vị hàng không khác. • Cung ứng nhiên liệu bay.	• Hoạt động vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa và các dịch vụ hàng không khác... • Các hợp đồng liên danh với Japan Airlines, Qatar Airway, các dự án liên doanh hàng không nhằm mở rộng mạng lưới đường bay đến các nước ngoài khu vực Châu Á.	• Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc khai thác bay tại các cảng hàng không lớn. • Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực ngành hàng không. • Cung ứng dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật. • Kinh doanh, cho thuê tàu bay. • Cung ứng nhiên liệu Thương mại điện tử hướng đến khái niệm hệ sinh thái hàng không.	• Đặt trọng tâm phát triển kênh phân phối qua trang web và hệ thống phân phối toàn cầu (GDS).

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển của Vietjet không chỉ đơn thuần phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách mà còn hướng đến việc xây dựng một hệ sinh thái hàng không trên nền tảng công nghệ, trong đó Vietjet cùng với các đối tác tham gia chuỗi giá trị sẽ tạo lập nên một hệ sinh thái đa dạng, độc đáo và tiên tiến dành riêng cho khách hàng. Trong hệ sinh thái đó, Vietjet đóng vai trò là **Hãng hàng không tiêu dùng**, cung cấp cho khách hàng nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng, các dịch vụ du lịch, dịch vụ tài chính, bảo hiểm... thông qua trang web và các ứng dụng thương mại điện tử tiện ích.

Chiến lược phát triển **Hãng hàng không tiêu dùng** của Vietjet tập trung vào 8 nhóm hoạt động chính:

1 Mở rộng đường bay nội địa và quốc tế

- Phát triển sâu rộng mạng bay và tập trung vào các tuyến có lợi nhuận cao
- Phát triển mạng lưới đường bay rộng khắp Châu Á, gồm các chặng bay ngắn và trung bình, tăng mạng đường bay quốc tế từ 56 tuyến lên 100 tuyến vào cuối năm 2020
- Xây dựng mô hình nhượng quyền với các đối tác tại nước sở tại và tham gia các liên minh hàng không

Củng cố vị thế hãng vận tải nội địa hàng đầu và tăng cường khai thác thị trường quốc tế bằng cách tăng thêm các chặng bay ngắn và trung bình tại Châu Á

2 Mở rộng đội tàu bay trẻ, hiện đại và tiết kiệm nhiên liệu

- Kế hoạch phát triển đội tàu với các tàu bay thế hệ mới, tiết kiệm nhiên liệu từ các dòng Airbus A320/A321 và hãng Boing
- Hơn 100 tàu bay mới sẽ được giao từ năm 2019 đến 2023
- Duy trì đội tàu trẻ, hiện đại và an toàn

Tối ưu hóa tải cung ứng, giảm chi phí trên mỗi ghế và duy trì lợi thế cạnh tranh về chi phí

3 Đầu tư vào các Cảng hàng không nội địa

- Hợp tác với các nhà đầu tư trong nước để đầu tư, khai thác và cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không nội địa quan trọng

Giảm chi phí vận hành, cải thiện lịch trình bay và tăng cường dịch vụ khách hàng

4 Phát triển sản phẩm, dịch vụ phụ trợ

- Tập trung vào doanh thu phụ trợ, đặc biệt là dịch vụ trước và trên chuyến bay
- Phát triển các giải pháp thương mại điện tử bao gồm các gói sản phẩm thiết kế riêng, kết hợp các sản phẩm ngân hàng, hàng không và bán lẻ để hiệp trợ cho các bên tham gia hệ sinh thái
- Tận dụng những hiểu biết và kho dữ liệu thương mại điện tử để phát triển các sản phẩm độc đáo, phù hợp

Đây là chiến lược quan trọng nhằm đưa Vietjet trở thành một hãng hàng không tiêu dùng có sản phẩm đa dạng. Tăng tỷ lệ các dịch vụ phụ trợ vốn có biên lợi nhuận cao, theo mô hình của các hãng hàng không chi phí thấp hàng đầu trên thế giới

5 Tập trung vào quản lý chi phí và hiệu quả hoạt động trong khi vẫn duy trì các tiêu chuẩn cao về chất lượng, an toàn và an ninh

- Tăng cường hệ số sử dụng tàu bay, chủ động quản lý lượng tiêu thụ nhiên liệu và có chiến lược hedging nhiên liệu phù hợp
- VietJet cam kết an toàn vận hành, chú trọng vào các tính năng an toàn công nghệ cao và bảo trì thường xuyên
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của địa phương, tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt nhất trong ngành
- Quản lý hiệu quả hàng tồn kho và lực lượng lao động; tận dụng sự hỗ trợ dịch vụ bảo trì bảo dưỡng tàu bay và động cơ từ các nhà sản xuất

Duy trì vị thế dẫn đầu về chi phí trên mỗi đơn vị và hiệu quả hoạt động tốt nhất trong ngành trong khi vẫn duy trì cam kết với các tiêu chuẩn cao về chất lượng, an toàn và an ninh

6 Tăng cường thương hiệu Vietjet Air

- Xây dựng độ nhận biết thương hiệu và uy tín cao trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao
- Xây dựng trên hệ thống quản lý rủi ro, an toàn và thương hiệu

Tiếp tục phát triển nhóm khách hàng trung thành và tăng cường hiệu quả hoạt động tài chính

7 Đa dạng hoá các nguồn vốn tài trợ

- Tài trợ tàu bay bằng nhiều nguồn tài chính đa dạng
- Tiếp cận thị trường vốn quốc tế và xây dựng mối quan hệ với các ngân hàng quốc tế

Đa dạng hoá các phương án tài trợ vốn

8 Tập trung nguồn nhân lực

- Tăng cường các chương trình tuyển dụng và đào tạo, tiếp tục thực hiện tốt văn hóa công ty và phát triển đội ngũ kế thừa
- Không ngừng nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo của Trung tâm đào tạo và kế hoạch triển khai dự án Học viện Hàng không VietJet theo mô hình tạo lợi nhuận

Xây dựng môi trường làm việc quốc tế và chuyên nghiệp, và khuyến khích sự sáng tạo và niềm đam mê từ nhân viên

Hiện thực hóa những giấc mơ hoa

Khẳng định vị thế, nâng tầm phát triển

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2018 tiếp tục đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của Vietjet trong hoạt động cốt lõi là vận tải hàng không. Với chiến lược rõ ràng và quản trị điều hành khoa học và hiệu quả, Vietjet vượt qua mọi thách thức từ môi trường kinh doanh, đạt được những thành tựu rực rỡ: doanh thu hợp nhất đạt 53.577 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 5.816 tỷ đồng, xuất sắc vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ hàng không đạt 33.779 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 3.045 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 49,8% và 48,9% so với cùng kỳ năm trước.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thị trường hàng không

Trong những năm qua, sự sôi động của ngành hàng không đã giúp thế giới ngày càng xích lại gần nhau. Theo báo cáo của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), tổng tiêu dùng trong hoạt động vận tải hàng không năm 2018 đạt 854 tỷ USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ, chiếm 1,0% tổng GDP toàn cầu, cùng với lưu lượng khách đạt 4,3 tỷ lượt, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước.

Khu vực Châu Á Thái Bình Dương vẫn là thị trường sôi động nhất năm 2018, với 34,5% thị phần thế giới về lượng hành khách luân chuyển (RPK). Tăng trưởng lượng hành khách luân chuyển cao nhất giữa các khu vực, đạt 8,6%. Trong khi đó lượng ghế cung ứng km (ASK) cũng tăng trưởng 7,9% dẫn đến hệ số sử dụng ghế đạt mức rất cao 81,5%.

Sự năng động của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tiếp tục thể hiện trong năm 2018 với tỉ lệ tăng trưởng đạt 5,4%, cao hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế giới là 3,7% cũng như tất cả các khu vực kinh tế khác. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cũng đã thể hiện vai trò của các cơ chế hợp tác thương mại, tài chính song phương và đa phương, trong đó, ASEAN là đối tác quan trọng của các nước lớn và tổ chức khu vực được đánh giá giữ vai trò trung tâm của cấu trúc quyền lực kinh tế khu vực. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, các nước ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng cần nỗ lực nhiều hơn nữa để phát huy vai trò trung tâm của mình tại khu vực.

Mặc dù vậy, biên lợi nhuận trước thuế và lãi vay của khu vực trong năm 2018 chỉ đạt 6,1%, giảm 0,6% so với biên lợi nhuận 6,7% năm 2017 do ảnh hưởng từ việc gia tăng các chi phí hoạt động. Năm 2018, tăng trưởng doanh thu trên một đơn vị thấp hơn 2 – 3% so với biên độ gia tăng chi phí trên một đơn vị (trong đó trọng yếu là các chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng kỹ thuật, chi phí tài chính) là những thách thức lớn đối với các hãng hàng không trong công tác quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thị phần lượng hành khách luân chuyển

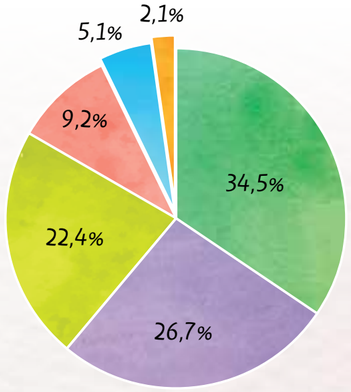

Hệ số sử dụng ghế

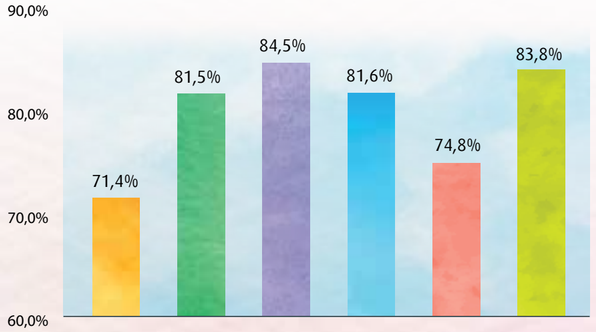

Châu Phi | Châu Á - Thái Bình Dương | Châu Âu | Châu Mỹ Latin | Trung Đông | Bắc Mỹ

Nguồn:IATA

Tăng trưởng năm 2018 so với năm 2017

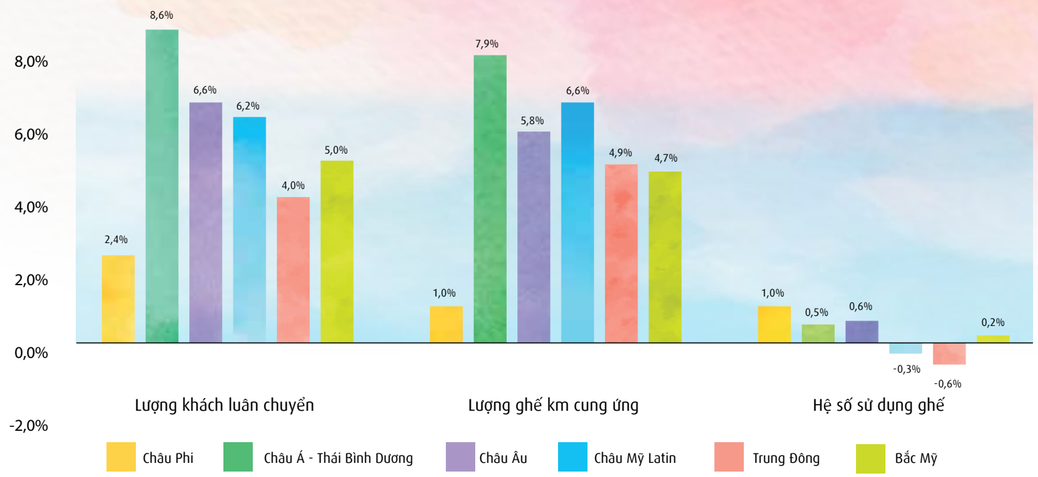

Tại Việt Nam, năm 2018 lại là một năm đặc biệt khi các hãng hàng không nội địa đều đạt mức tăng trưởng cao hơn 2 con số theo đà bùng nổ nhu cầu di chuyển của hành khách. Trong năm, vận chuyển của các hãng hàng không Việt Nam đạt gần 50 triệu lượt khách, tăng 10,1% và trên 400 nghìn tấn hàng hóa, tăng 27,2% so với năm 2017. Những con số tăng trưởng của ngành hàng không góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng GPD 7,08% chung của cả nước. Tính đến cuối năm 2018, tổng số tàu bay mang quốc tịch Việt Nam đạt 174 tàu, tăng 6% so với năm 2017. Thị trường hàng không Việt Nam có sự tham gia khai thác của 68 hãng hàng không nước ngoài đến từ 25 quốc gia và vùng lãnh thổ, và 04 hãng hàng không trong nước, bao gồm Vietnam Airlines, Jetstar Pacific, Vietjet và VASCO đang khai thác các đường bay kết nối Việt Nam tới 28 quốc gia và vùng lãnh thổ. Về chất lượng dịch vụ, Cục Hàng không Việt Nam ghi nhận các hãng hàng không trong nước có nhiều chuyển biến tích cực trong việc đảm bảo chất lượng dịch vụ, bao gồm việc duy trì tỷ lệ chuyến bay đúng giờ. Tính cả năm 2018, tỷ lệ khai thác các chuyến bay đúng giờ (chỉ số OTP) của các hãng hàng không Việt Nam đạt 86,6%, cao hơn tỷ lệ trung bình của thế giới là 75-78%.

Ngành du lịch Việt Nam hiện là ngành kinh tế mũi nhọn và du lịch Việt Nam được biết đến như "Điểm đến du lịch hàng đầu Châu Á". Năm 2018 là một năm phát triển ấn tượng với lượng khách quốc tế đạt mốc kỷ lục mới 15,6 triệu lượt khách, tăng 20% so với năm 2017. Bên cạnh đó, lượng khách du lịch trong nước đạt 80 triệu lượt, và tổng thu từ ngành du lịch đạt hơn 620 nghìn tỷ đồng, tăng 21,4% so với năm 2017. Các địa phương là trung tâm du lịch lớn của cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Đà Nẵng có tốc độ tăng trưởng mạnh cùng với công tác quảng bá, xúc tiến du lịch cũng được đẩy mạnh ở nhiều thị trường. Đặc biệt, năm 2018, Du lịch Việt Nam nhận được nhiều giải thưởng danh giá, uy tín trên thế giới, trong đó có giải thưởng Điểm đến du lịch hàng đầu châu Á tại Lễ trao Giải thưởng Du lịch Thế giới (WTA).

Bên cạnh những thuận lợi, ngành hàng không Việt Nam cũng đối diện với những khó khăn chung như biến động chi phí nhiên liệu, tỷ giá, chi phí tài chính, gia tăng chi phí hoạt động, và vấn đề biến đổi khí hậu vốn có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động khai thác hàng không.

Ứng phó trước những tác động này, Vietjet đã tập trung củng cố vững chắc những giá trị nội tại sau giai đoạn tăng trưởng mạnh những năm qua, bao gồm việc hoàn thiện các quy trình, chính sách, quy định và tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động an toàn bay, đảm bảo an ninh an toàn khai thác ở mức tối đa. Trong công tác quản trị rủi ro, Vietjet nhận diện, theo dõi, đánh giá và có kế hoạch hành động phù hợp nhằm kiểm soát, hạn chế những yếu tố trọng yếu tác động đến chi phí hoạt động như tỷ giá, lãi suất, biến động giá dầu, và chi phí bảo dưỡng, bảo trì.

PHÁT TRIỂN MẠNG ĐƯỜNG BAY, ĐỘI TÀU BAY, SỐ KHÁCH VẬN CHUYỂN

Mạng bay

Tổng số đường bay khai thác trong năm 2018 là 105 đường bay, bao gồm 39 tuyến nội địa rộng khắp Việt Nam và 66 tuyến quốc tế phủ khắp các địa điểm nổi tiếng của Châu Á như Nhật Bản, Hong Kong, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar, Malaysia, Campuchia... Vietjet cũng đã đưa tàu bay sang khai thác tại các thị trường Oman, Pakistan, Ấn Độ, Dubai và Doha. Việc đẩy mạnh phát triển mạng bay quốc tế mang lại lợi ích kép cho hãng do có thể tăng nguồn thu bằng ngoại tệ đồng thời giá nhiên liệu máy bay tra nạp tại các thị trường quốc tế có thể thấp hơn 20% so với nội địa, giúp tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2018 đã mở mới:

- Nội địa: Cam Ranh – Đà Nẵng
- Quốc tế: 05 đường bay Hà Nội – Đài Trung (Đài Loan); Đà Nẵng – Daegu (Hàn Quốc); Hà Nội – Osaka (Nhật Bản); Tp. Hồ Chí Minh – Osaka (Nhật Bản); Phú Quốc – Incheon (Hàn Quốc) và 17 đường bay đến Trung Quốc.

Cuối năm 2018, Vietjet mở thêm 3 đường bay quốc tế: Phú Quốc – Seoul (Hàn Quốc) từ ngày 22/12/2018 và 2 đường bay đến Nhật Bản gồm Hà Nội – Osaka từ 8/11/2018 và TP.HCM – Osaka khai thác từ 14/12/2018. Theo kế hoạch, Vietjet cũng mở thêm đường bay Hà Nội – Tokyo từ giữa tháng 1/2019. Doanh thu từ các đường bay quốc tế ước tính sẽ tăng trưởng nhanh và chiếm tỉ trọng hơn 60% tổng doanh thu của Vietjet trong những năm tiếp theo.

Đội tàu bay

Vietjet tự hào sở hữu đội tàu bay mới, hiện đại, và thân thiện với môi trường. Tính đến ngày 31/12/2018, hãng vận hành và khai thác 64 tàu bay thế hệ mới thuộc gia đình Airbus, gồm 23 tàu bay A320, 34 tàu bay A321 và 7 tàu bay A321 NEO, tuổi trung bình của đội tàu là 2,82 năm. Tàu bay A320 với cấu hình 180 ghế và A321 có khoang hành khách rộng với sức chứa 230 hành khách đều là các loại tàu bay có độ tin cậy kỹ thuật cao với chi phí khai thác thấp, có nhiều ưu điểm về tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường. Năm 2017, Vietjet trở thành hãng hàng không đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á vận hành thế hệ tàu bay mới nhất của Airbus là A321 NEO. Được trang bị động cơ thế hệ mới nhất GTF của Pratt & Whitney với các cải tiến khí động lực và thiết kế khoang hành khách tối ưu, tàu bay A321 NEO sẽ giảm tiêu thụ nhiên liệu ít nhất là 16% trong thời gian đầu, tiết giảm tiếng ồn tới 75% và lượng khí thải ra môi trường tới 50% theo công bố của nhà sản xuất.

THÀNH QUẢ

Năm 2018, Vietjet tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu trên thị trường nội địa với thị phần 46%. Tại thị trường nước ngoài, Vietjet thống lĩnh về số lượng chuyến bay và số khách vận chuyển đi và đến các thị trường trọng yếu và có mức tiêu dùng cao ở khu vực châu Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc...

Vietjet đã chuyên chở hơn 23,1 triệu lượt khách trên toàn mạng bay, chiếm 46% trong tổng số 50 triệu lượt khách hàng không của Việt Nam, thực hiện gần 118.923 chuyến bay với 261 nghìn giờ khai thác an toàn, hệ số sử dụng ghế đạt 88,06%, độ tin cậy kỹ thuật đạt 99,64%, tỷ lệ đúng giờ (OTP) đạt 84,2% so với chỉ số OTP bình quân 78,69% của các hãng hàng không trên thế giới năm 2018 (Nguồn: Flightstats). Bên cạnh đó, tháng 9/2018, Vietjet cũng bảo vệ thành công Chứng nhận An toàn khai thác IOSA lần thứ 3. Các chỉ số an toàn khai thác thuộc nhóm các hãng hàng không dẫn đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, được trang web AirlineRatings đánh giá chỉ số an toàn đạt 7 Sao - mức cao nhất của các hãng hàng không trên toàn cầu.

Lượng khách vận chuyển qua các năm

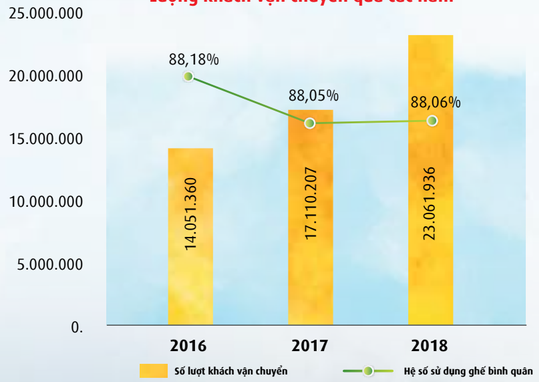

Tổng số đường bay

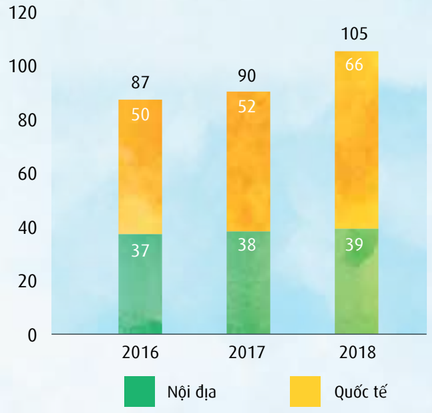

Số chuyến bay và giờ hoạt động

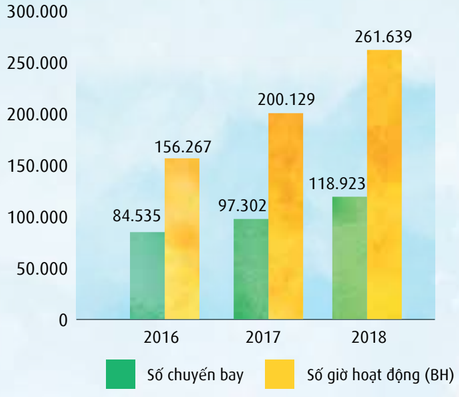

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, tổng doanh thu thuần hợp nhất bao gồm vận tải hàng không và chuyển quyền sở hữu tàu bay đạt 53.577 tỷ đồng tăng trưởng 26,7% và đạt 105,1% so với kế hoạch, trong đó doanh thu vận tải đạt 33.779 tỷ đồng, tăng 49,8% so với 2017 và đạt 112,2% kế hoạch. Tương ứng, tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 5.816 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ và đạt kế hoạch.

Doanh thu qua các năm

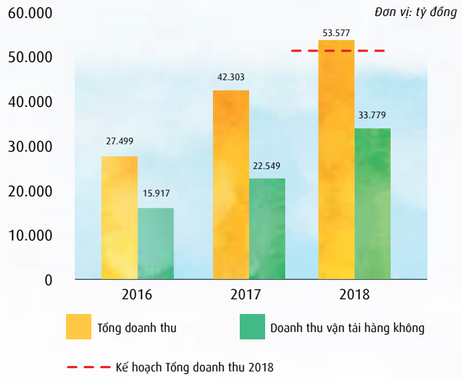

Lợi nhuận trước thuế qua các năm

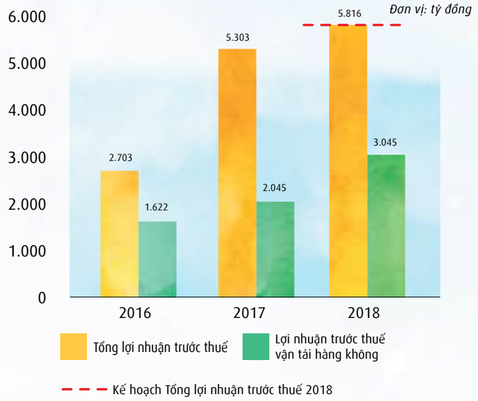

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY (HỢP NHẤT)

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

	2016	2017	2018	% 2018 so với 2017
Doanh thu thuần	27.499	42.303	53.577	126,7%
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	23.597	35.753	46.085	128,9%
Lợi nhuận gộp	3.902	6.549	7.492	114,4%
Lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao, chi phí thuê	7.473	11.082	14.630	132,0%
Lợi nhuận trước lãi vay, thuế	2.884	5.540	6.073	109,6%
Thu nhập tài chính	145	119	332	279,4%
Chi phí tài chính	654	521	918	176,3%
Lời/ (lỗ) từ liên doanh, liên kết	(15)	(44)	(89)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.703	5.303	5.816	109,7%
Lợi nhuận sau thuế	2.496	5.074	5.335	105,1%

Trong đó:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 53.577 tỷ đồng, tăng trưởng 26,7% so với cùng kỳ năm trước và đạt 105,1% Kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông.
- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 5.816 tỷ đồng, tăng trưởng 9,7% so với cùng kỳ năm trước và đạt 100,2% Kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông.

Doanh thu thuần (tỷ đồng)

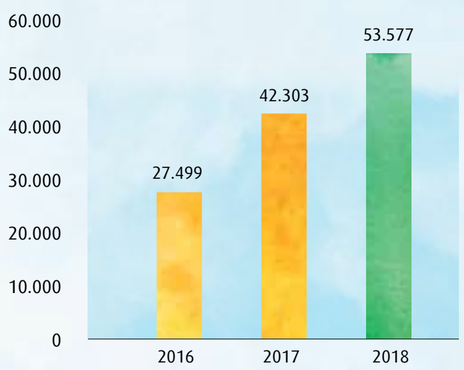

Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)

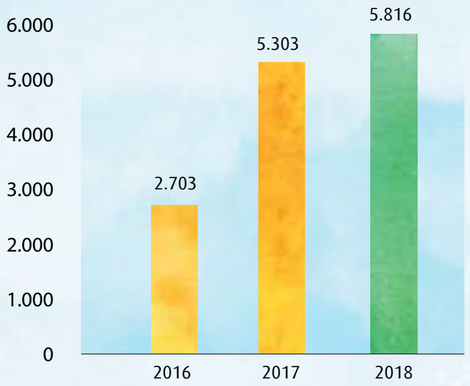

Lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao, chi phí thuê

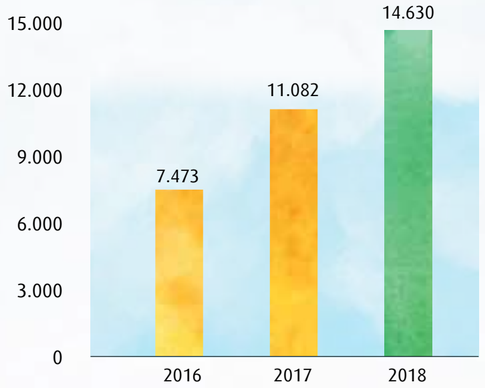

CƠ CẤU DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu

Đơn vị: tỷ đồng

	Nội dung	2016	2017	2018	% 2018 so với 2017
1	Doanh thu vận chuyển hành khách	12.168	16.854	24.681	146,4%
	Nội địa	8.646	10.783	12.827	119,0%
	Quốc tế	3.522	6.070	11.854	195,3%
2	Doanh thu phụ trợ	3.553	5.477	8.410	153,5%
3	Doanh thu vận tải hàng không khác	196	218	688	216,0%
4	Doanh thu từ bán tàu bay	11.582	19.754	19.798	0,2%
	Tổng cộng	**27.499**	**42.303**	**53.577**	**126,7%**

Cơ cấu doanh thu năm 2018

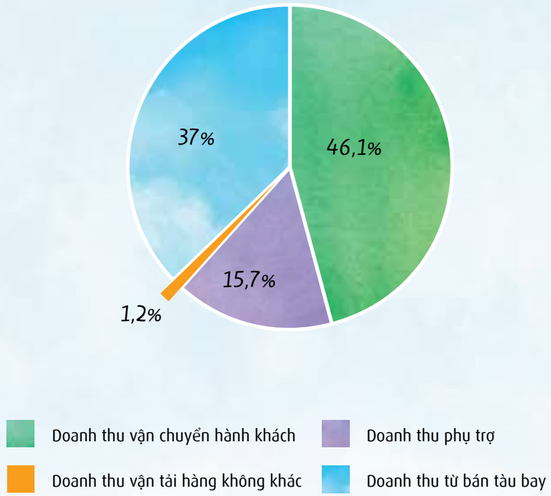

Năm 2018, Vietjet đạt doanh thu hợp nhất 53.577 tỷ đồng, đạt 105,1% kế hoạch, trong đó doanh thu vận tải hàng không (bao gồm vận chuyển hành khách, doanh thu phụ trợ và doanh thu hàng không khác) đạt 33.779 tỷ đồng, tăng trưởng 49,8% so với cùng kỳ năm trước, đồng thời ghi nhận doanh thu chuyến quyền sở hữu cho 16 tàu bay năm 2018 là 19.798 tỷ đồng, tương đương với con số cùng kỳ năm trước. Tương ứng, doanh thu bình quân trên mỗi đơn vị ghế km cung ứng (ASK) năm 2018 đạt 4,62 xu, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là mức tăng trưởng tốt đối với các hãng hàng không chi phí thấp (LCC) trên thế giới. Theo báo cáo IATA năm 2018, tăng trưởng bình quân toàn ngành đạt tăng trưởng 1 – 2% trên mỗi đơn vị doanh thu.

Có thể thấy, yếu tố chính hỗ trợ cho sự tăng trưởng mạnh mẽ của Vietjet năm 2018 là từ hoạt động cốt lõi - dịch vụ vận tải hàng không. Doanh thu từ vận chuyển hành khách đạt 24.681 tỷ đồng, tăng trưởng 46,4% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ nội địa đạt 12.827 tỷ đồng, tăng 19%, doanh thu từ quốc tế đạt 11.854 tỷ đồng, tăng 95,3% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng doanh thu quốc tế trong tổng doanh thu vận chuyển hành khách tăng từ 36% năm 2017 lên 48% năm 2018.

Tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu doanh thu quốc tế hoàn toàn phù hợp với chiến lược của Vietjet trong việc phát triển mạng bay và mở rộng hoạt động kinh doanh ở thị trường quốc tế trong điều kiện thị trường nội địa gần như đã tiệm cận với khả năng cung ứng của cơ sở hạ tầng hiện nay. Năm 2018, Vietjet đã mở rộng mạng đường bay quốc tế lên 66 đường, thực hiện 35.358 chuyến bay và chuyên chở 6,7 triệu lượt khách tuyến quốc tế, tăng tương ứng 57,9% và 79,5% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh ấn tượng còn nhờ vào chiến lược tăng trưởng doanh thu hoạt động phụ trợ, trong đó doanh thu phụ trợ đạt 8.410 tỷ đồng tăng trưởng 53,5%, bình quân doanh thu phụ trợ mỗi khách đạt 17,2 USD, tăng 19,1% so với năm trước. Cơ cấu doanh thu phụ trợ trong tổng doanh thu hành khách cũng có sự chuyển dịch, tăng từ 24,5% năm 2017 lên 25,4% năm 2018. Doanh thu phụ trợ chủ yếu bao gồm doanh thu từ ký gửi hành lý và phụ phí, doanh thu vận chuyển hàng hóa, doanh thu bán hàng trên tàu bay (thức ăn, nước uống, đồ lưu niệm) và doanh thu quảng cáo.

Chi phí hoạt động

Tổng chi phí hoạt động cho mảng vận tải hàng không là 30.911 tỷ đồng, bao gồm chi phí kỹ thuật, khai thác bay và mặt đất (27.061 tỷ đồng), chi phí khấu hao và phân bổ (2.160 tỷ đồng), chi phí tài chính và lãi/lỗ từ công ty liên kết (675 tỷ đồng), chi phí bán hàng (713 tỷ đồng) và chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác (302 tỷ đồng).

Tổng chi phí hoạt động

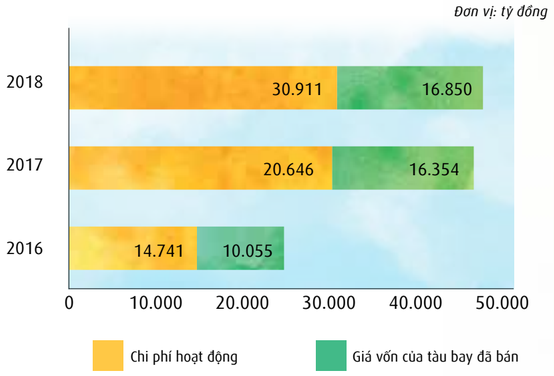

Cơ cấu chi phí hoạt động năm 2018

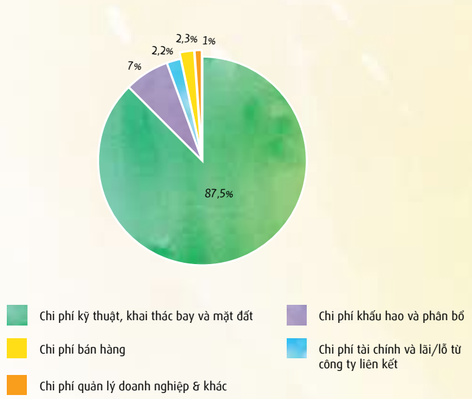

Chi phí nhiên liệu

Chi phí nhiên liệu là chi phí trọng yếu trong hoạt động vận tải hàng không, chiếm trung bình 40% chi phí. Trong cấu trúc chi phí nhiên liệu, ngoài các khoản chi phí liên quan đến thuế nhập khẩu, phí bảo vệ môi trường v.v... thì sự biến động giá xăng Jet A1 trên thị trường thế giới có ảnh hưởng trọng yếu và có mối quan hệ chặt chẽ với sự biến động giá dầu Brent. Với bình quân giá dầu Brent trong năm là 73 USD/thùng, tăng 33% so với năm 2017 là 54,9 USD/thùng, Vietjet đã tăng cường nhiều giải pháp để tiết kiệm nhiên liệu, tăng cường đội tàu bay A321 NEO tiết kiệm 16% mức tiêu hao nhiên liệu, chọn thị trường để tra nạp nhiên liệu... Từ đó, sau khi loại trừ nguyên nhân tăng do tăng lượng tải hoạt động, chi phí nhiên liệu chỉ tăng 15,5% do ảnh hưởng bởi yếu tố giá.

Nhờ ứng dụng chương trình tiết kiệm nhiên liệu SFCO2, đưa vào sử dụng Chương trình theo dõi dữ liệu bay (FDM) để tiến hành phân tích chi tiết hiệu suất tổ bay, xác định sớm các quản lý rủi ro, nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động quản lý an toàn trong khai thác và bảo dưỡng, Vietjet đã tiết kiệm hơn 3,4 triệu kg nhiên liệu và giảm được 10,8 triệu kg khí thải và tối ưu mạng đường bay.

Giá dầu Brent bình quân qua các năm

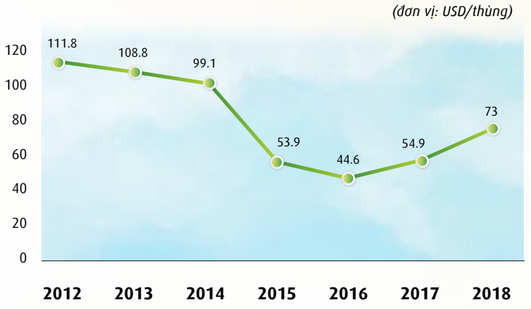

Nguồn: IATA

Chi phí hoạt động (ngoại trừ nhiên liệu) và chi phí tài chính

Các chi phí hoạt động không bao gồm chi phí nhiên liệu gồm chi phí khai thác và kỹ thuật (chi phí bảo dưỡng, bảo trì, chi phí thuê tàu bay, phí bay qua vùng trời, lương và phụ cấp cho phi công, tiếp viên...), chi phí phục vụ mặt đất (phí cất hạ cánh, phí phục vụ mặt đất...) và chi phí khấu hao phân bổ liên quan đến Quỹ bảo dưỡng tàu bay.

Năm 2018, các chi phí hoạt động trực tiếp (chi phí mặt đất, khai thác bay, kỹ thuật, cargo, an ninh an toàn & chất lượng, khấu hao, phân bổ) được ghi nhận là 16.382 tỷ đồng, tăng 48,5% so với cùng kỳ năm 2017, chủ yếu do đưa vào hoạt động thêm 16 tàu bay, tăng 30,7% số giờ hoạt động khai thác từ 200 nghìn giờ năm 2017 lên 261,6 nghìn giờ năm 2018, đồng thời tăng 22,2% số chuyến bay từ 97,3 nghìn chuyến lên 118,9 nghìn chuyến.

Về yếu tố tỷ giá, bình quân tỷ giá USD/VND năm 2018 tăng 1,5% so với năm trước, lên mức 23.024 (tỷ giá mua) và 23.095 (tỷ giá bán), trong đó khoản lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện 85 tỷ đồng, bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện 51 tỷ đồng.

Chi phí bán hàng ghi nhận 713 tỷ đồng, tăng 22,3% và chi phí khác ghi nhận 302 tỷ đồng, tăng 34,2% chủ yếu do tăng cường mở rộng các hoạt động khai thác.

Chi phí giá vốn tàu bay

Trong năm 2018, giá vốn bán tàu bay là 16.850 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm ngoái.

Chi phí bình quân trên một đơn vị ghế km cung ứng (ASK)

Chi phí bình quân trên một đơn vị ghế km cung ứng (CASK) năm 2018 là 4,19 xu, tăng 6% so với năm 2017, trong đó yếu tố chính tăng CASK là chi phí nhiên liệu. Chi phí nhiên liệu ghi nhận trên mỗi đơn vị ghế km cung ứng là 1,81 xu, tăng 15,5% so với cùng kỳ. Ngược lại, chi phí vận hành không bao gồm chi phí nhiên liệu trên một đơn vị ghế km cung ứng (CASK ex-fuel) của Viejet không thay đổi so với năm 2017, ổn định ở mức 2,38 xu nhờ đẩy mạnh các biện pháp quản lý chi phí hoạt động. So sánh với mức tăng bình quân của toàn ngành năm 2018 là 4 - 5% trên mỗi đơn vị, việc có thể duy trì chỉ số CASK ex-fuel ở mức thấp trong 2 năm liên tiếp cho thấy hiệu quả kiểm soát chi phí hoạt động của Vietjet.

Biến động chi phí vận hành trên mỗi ASK qua các năm

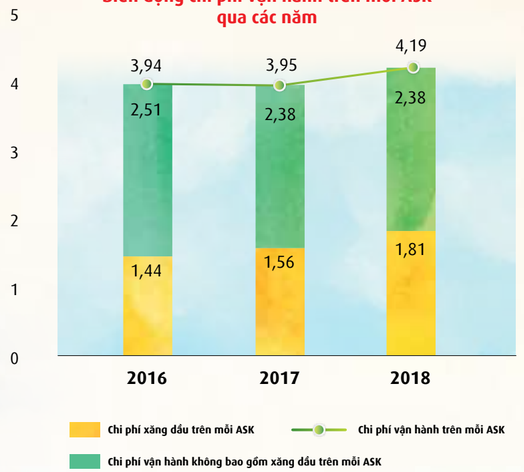

Ghi chú: ASK là đơn vị ghế km cung ứng, đơn vị tính của ngành hàng không.

Lợi nhuận hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Nội dung	2016	2017	2018	% 2018 so với 2017
1	Lợi nhuận gộp	3.902	6.549	7.492	114,4%
2	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao, chi phí thuê	7.473	11.082	14.630	132,0%
	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao, chi phí thuê điều chỉnh	6.392	7.824	11.860	151,6%
	Biên lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao, chi phí thuê điều chỉnh	40,2%	34,7%	35,1%	100,4%
3	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế	2.884	5.540	6.073	109,6%
	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế điều chỉnh	1.803	2.283	3.303	144,7%
	Biên lợi nhuận trước lãi vay, thuế điều chỉnh	11,3%	10,1%	10%	100,0%
4	Lợi nhuận trước thuế	2.703	5.303	5.816	109,7%
	Biên lợi nhuận trước thuế	9,8%	12,5%	10,8%	-1,7%
	Trong đó:				
	Lợi nhuận trước thuế vận tải hàng không	1.622	2.045	3.045	148,9%
	Biên lợi nhuận trước thuế vận tải hàng không	10,2%	9,0%	9,0%	100%

Năm 2018, lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao và chi phí thuê (EBITDAR) đạt 14.630 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ; trong đó lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao và chi phí thuê điều chỉnh (tính riêng cho hoạt động vận tải hàng không) đạt 11.860 tỷ đồng, tăng 51,6% so với cùng kỳ do mở rộng đội tàu bay từ 50 tàu lên 64 tàu, mở rộng mạng đường bay và tăng hiệu suất khai thác tàu bay. Biên lợi nhuận trước lãi vay, thuế, khấu hao, chi phí thuê điều chỉnh có sự tăng nhẹ 0,4% so với cùng kỳ, đạt 35,1%.

Tương ứng, lợi nhuận trước lãi vay, thuế (EBIT) đạt 6.073 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ, trong đó lợi nhuận trước lãi vay, thuế điều chỉnh (tính riêng cho hoạt động vận tải hàng không) đạt 3.303 tỷ đồng, tăng 44,7% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận trước lãi vay, thuế điều chỉnh đạt 10%, tương đương so với cùng kỳ. Năm 2018 tỷ lệ Biên lợi nhuận trước lãi vay, thuế của ngành hàng không thế giới đạt bình quân là 8,7%, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2017. Vietjet tiếp tục duy trì được chỉ số vượt trội so với bình quân ngành và ổn định trong 2 năm qua.

Với sự tăng trưởng của doanh thu, bù trừ với chi phí tăng do ảnh hưởng giá dầu, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Vietjet đạt 5.816 tỷ đồng, tăng trưởng tương ứng 9,7% so với cùng kỳ năm trước trong đó lợi nhuận trước thuế cho hoạt động vận tải hàng không đạt 3.045 tỷ đồng. Theo đó, biên lợi nhuận của hoạt động vận tải hàng không vẫn duy trì ở mức 9,0%, tương đương so với cùng kỳ năm trước.

So sánh Biên lợi nhuận trước lãi vay, thuế của Viejet và thế giới

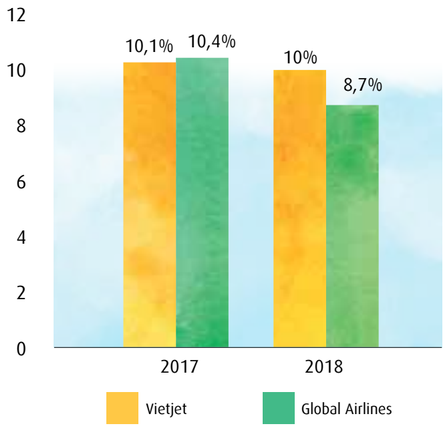

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN - CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cơ cấu tài sản

Tổng tài sản hợp nhất đạt 39.086 tỷ đồng, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Cơ cấu tài sản ngắn hạn/tài sản dài hạn có sự chuyển dịch từ 56%/44% năm 2017 sang cơ cấu 49%/51% năm 2018 cho thấy có sự chuyển dịch dần sang các nguồn tài sản dài hạn, tạo sự ổn định hơn trong cấu trúc tài chính phù hợp với chiến lược của Vietjet về việc tăng dần số lượng tàu bay sở hữu, gia tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong dài hạn.

Tài sản ngắn hạn tăng 8,0% so với cùng kỳ, chủ yếu khoản tăng tiền và tương đương tiền và khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Số dư tiền và tương đương tiền đến cuối năm 2018 là 7.165 tỷ đồng và chiếm 18,3% tổng tài sản.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác là 10.273 tỷ đồng, chiếm 26,3% tổng tài sản chủ yếu là các khoản đặt cọc để nhận tàu bay ngắn hạn và đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay.

Tài sản dài hạn là 20.007 tỷ đồng, tăng 43,0% so với cùng kỳ, chiếm 51,2% trong tổng cơ cấu tài sản. Trong đó, các khoản phải thu dài hạn 10.577 tỷ đồng, tăng 47,9% so với cùng kỳ và chiếm 27,1% trong tổng tài sản, chủ yếu do tăng các khoản đóng góp vào Quỹ bảo dưỡng tàu bay (2.565 tỷ), đặt cọc mua tàu bay nhận sau 12 tháng (278 tỷ đồng), đặt cọc thuê tàu bay (178 tỷ đồng). Đây chính là phần giá trị tài sản thuê được thể hiện trên Bảng cân đối tài sản của Vietjet.

Cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng dần tỉ lệ vốn chủ sở hữu qua từng năm nhờ tăng lợi nhuận giữ lại. Năm 2018, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng 35,9% trong tổng tài sản, tăng 2,5% so với cơ cấu 33,5% năm 2017, trong đó tăng chủ yếu từ 2.446 tỷ đồng của khoản lợi nhuận giữ lại.

Nợ ngắn hạn là 14.941 tỷ đồng, tăng nhẹ 7,4% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 38,2% tổng tài sản, chủ yếu bao gồm khoản giảm vay ngắn hạn (1.939 tỷ đồng), bù trừ với một số khoản tăng doanh thu bán vé chưa thực hiện (768 tỷ đồng), chi phí liên quan đến tàu bay (476 tỷ đồng), lệ phí sân bay (233 tỷ đồng) và các khoản dự phòng (444 tỷ đồng). Tại 31/12/2018, số dư doanh thu chưa thực hiện là 2.732 tỷ đồng, dự kiến sẽ được thực hiện và phân bổ doanh thu trong 12 tháng kế tiếp.

Cơ cấu nợ ngắn hạn có xu hướng giảm dần, từ 43,9% năm 2017 còn 38,2% năm 2018. Trong khi đó, cơ cấu nợ dài hạn tăng 3,3% từ 22,6% năm 2017 lên 25,9% năm 2018. Nợ dài hạn đến cuối năm 2018 là 10.107 tỷ đồng, tăng 41,3% so với cùng kỳ, chủ yếu tăng từ khoản trích lập dự phòng cho bảo dưỡng tàu bay.

Cơ cấu Tổng tài sản qua các năm

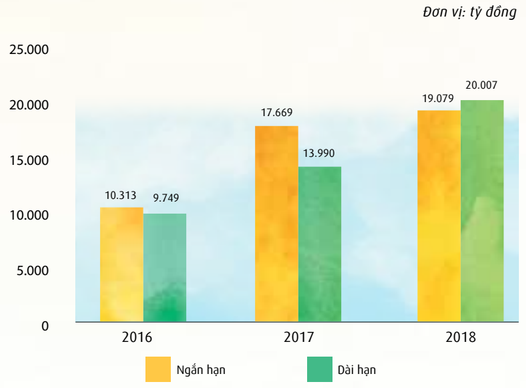

Cơ cấu nguồn vốn qua các năm

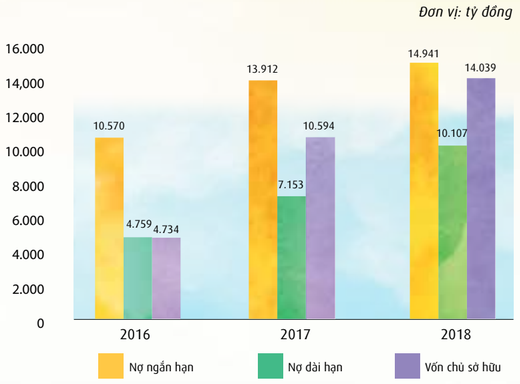

Nợ vay và các chỉ số thanh khoản

Tổng nợ vay đến cuối năm 2018 là 5.530 tỷ đồng, giảm 26,5% so với cùng kỳ, chủ yếu giảm từ các khoản vay ngắn hạn 1.939 tỷ đồng. Trong cấu trúc nợ vay, các khoản vay ngắn hạn là 4.958 tỷ đồng, chiếm 90% tổng nợ vay do Vietjet muốn tối ưu việc sử dụng hạn mức tín dụng với chi phí lãi vay thấp, giúp chủ động dòng tiền và tối ưu hóa chi phí. Năm 2018, chi phí lãi vay ròng là 37 tỷ đồng, bao gồm tổng lãi vay phải trả là 258 tỷ đồng, bù đắp với thu nhập từ tiền gửi 221 tỷ đồng.

Việc quản lý, tối ưu hóa các công cụ nợ luôn được chú trọng, do vậy dù tăng trưởng 23,5% tổng tài sản, tổng nợ vay giảm nhờ quản lý hiệu quả dòng tiền hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Vietjet đã thực hiện nhiều biện pháp tối ưu hóa nguồn vốn như đàm phán lại thời hạn thanh toán với các nhà cung cấp, lập kế hoạch dòng tiền chi tiết để từ đó có kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả nhất. Với vị thế dẫn đầu thị phần tại Việt Nam, Vietjet có lợi thế tốt hơn trong việc đàm phán điều khoản thanh toán cũng như đơn giá hợp đồng, qua đó tối ưu hóa dòng tiền.

Ngoài ra, Vietjet cũng kiểm soát chặt chẽ rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các giải pháp dự báo dòng tiền và nhu cầu thanh toán ngoại tệ, sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính phái sinh như hợp đồng hoán đổi ngoại tệ chéo, hoán đổi lãi suất để nâng cao lợi nhuận hoạt động tài chính. Kế hoạch dòng tiền phù hợp và chính sách quản lý công nợ hiệu quả đã giúp Vietjet phần nào quản trị được rủi ro lãi suất, tối ưu hóa việc sử dụng vốn vay theo từng thời điểm.

Nợ vay và các chỉ số thanh khoản qua các năm

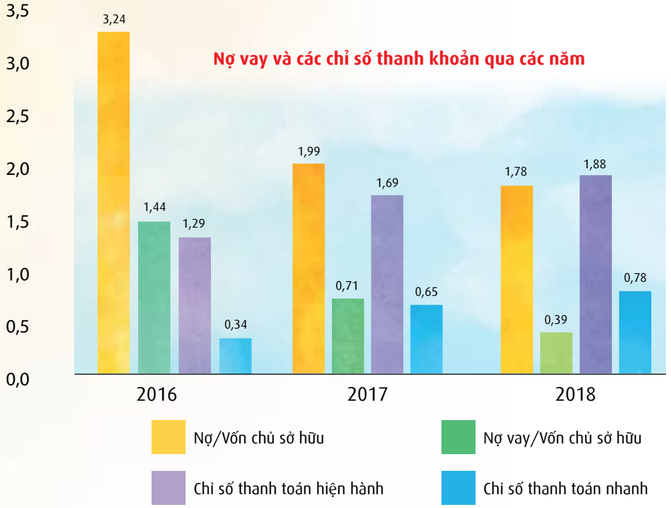

Cấu trúc vốn có sự cải thiện qua các năm, hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm dần, tương ứng 1,78 lần năm 2018, thấp hơn 1,99 lần năm 2017. Tương tự, hệ số Nợ vay / Vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 0,71 lần năm 2017 xuống còn 0,39 lần năm 2018.

Hệ số thanh toán hiện hành năm 2018 là 1,88 lần so với 1,69 lần năm 2017 và 1,29 lần năm 2016, cho thấy có sự cải thiện trong việc bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán hiện hành bao gồm tài sản lưu động so với các khoản nợ ngắn hạn (đã loại trừ các khoản nợ không bằng tiền như dự phòng ngắn hạn do đánh giá giá trị thời gian dòng tiền và doanh thu bán vé chưa thực hiện).

Với mức độ tín nhiệm chỉ tiêu tốt về thanh khoản và hệ số Nợ/Vốn rất thấp, khả năng huy động vốn quốc tế dài hạn với chi phí tài chính thấp chính là thế mạnh của Vietjet trong việc phát triển đội tàu bay phục vụ sản xuất kinh doanh đồng thời bảo đảm duy trì lợi nhuận của mảng thương mại chuyển giao quyền sở hữu tàu bay, mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và cho Cổ đông.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Với chiến lược phát triển dài hạn, Vietjet luôn chú trọng đến công tác đầu tư và tái đầu tư, nhằm cải thiện chuỗi cung ứng, vận hành, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh một cách chủ động và đảm bảo hiệu quả kinh tế cao. Trong đó, các lĩnh vực đầu tư trọng yếu đóng vai trò chủ chốt bao gồm: đầu tư phụ tùng, thiết bị tàu bay, đầu tư Học viện Hàng không Vietjet, và đầu tư tài chính vào các công ty liên kết nhằm cải thiện chuỗi cung ứng.

Năm 2018, Vietjet đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 và đưa vào sử dụng Học viện Hàng không Vietjet tại Khu công nghệ cao, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án có vốn đầu tư ban đầu là 170 triệu đô-la Mỹ, khi đưa vào vận hành sẽ giúp Vietjet chủ động được nguồn nhân lực toàn diện với tiêu chuẩn quốc tế bao gồm Phi công, tiếp viên, kỹ thuật viên và các nhân sự hỗ trợ khác. Điểm nhấn của Dự án chính là Hệ thống buồng lái mô phỏng hợp tác với nhà sản xuất tàu bay hàng đầu thế giới Airbus. Trong tương lai gần, Học viện Hàng không Vietjet không chỉ tạo sự chủ động cho nguồn nhân lực của Vietjet mà còn mang lại lợi ích kinh tế cho hãng thông qua việc cung cấp nhân sự hàng không chất lượng cao cho thị trường Việt Nam và khu vực.

Bên cạnh việc tiếp tục đầu tư cho đội bay trẻ và hiện đại, Vietjet luôn chú trọng đến công tác phát triển, bảo trì, bảo dưỡng tàu bay, đảm bảo các tiêu chuẩn cao nhất theo chuẩn mực quốc tế. Trong năm 2018, Vietjet đã đầu tư tổng cộng hơn 500 tỷ đồng cho trang thiết bị, vật tư phụ tùng tàu bay. Đây cũng là một lĩnh vực được quan tâm đầu tư trong thời gian tới, phù hợp với định hướng phát triển của Vietjet để trở thành hãng hàng không hàng đầu khu vực.

Đối với ngành hàng không nói chung và Vietjet nói riêng, quản trị chi phí nhiên liệu luôn đóng vai trò then chốt trong hoạt động vận hành, khai thác. Nhằm đảm bảo hoạt động khai thác hiệu quả, chủ động, trong năm 2018 vừa qua, Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính vào Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) để nắm giữ 4,59% cổ phần. Đây được xem là một bước đi quan trọng của Vietjet trong lộ trình củng cố, cải thiện chuỗi cung ứng vận hành mà nhiên liệu đóng vai trò quan trọng. Với vai trò, vị thế và tiềm năng của PVOIL trên thị trường, Vietjet tin tưởng vào sự đóng góp tích cực của khoản đầu tư này đối với hoạt động của Công ty trong tương lai.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Vietjet muốn hướng đến việc tạo ra những giá trị mới cho hành khách: những trải nghiệm độc đáo cho hành khách lần đầu di chuyển bằng đường hàng không, sự linh hoạt, tiện nghi hướng đến các bạn trẻ năng động, say mê khám phá, và những sản phẩm, dịch vụ cao cấp phục vụ đối tượng khách hàng doanh nhân.

Phòng chờ

Vietjet có hệ thống các phòng chờ hiện đại và sang trọng tại các sân bay phục vụ hành khách Skyboss. Hành khách có thể thư giãn giải trí, trao đổi công việc, gặp gỡ đối tác trong không gian riêng biệt và đầy đủ các dịch vụ tiện ích như: màn hình riêng cung cấp thông tin các chuyến bay, Buffet phong phú và quầy bar nhiều loại rượu đặc sắc, ấn phẩm báo/ tạp chí đa dạng, truy cập Internet / wifi miễn phí và các tiện nghi khác phục vụ cho công việc và nhu cầu giải trí.

Các dịch vụ cộng thêm:

- Dịch vụ chọn chỗ ngồi trên máy bay
- Dịch vụ đặt mua trước thức ăn
- Vận chuyển hành lý
- Mua các sản phẩm miễn thuế
- Bảo hiểm du lịch
- Web Check-in, Kiosk Check-in

Cung cấp chuyên cơ riêng

Chất lượng dịch vụ luôn được đảm bảo của Viejet không chỉ được biết đến trong nước mà còn lan tỏa rộng rãi tới các nước trong khu vực. Vietjet đã được tin tưởng lựa chọn để cung cấp dịch vụ chuyên cơ vận chuyển các nghệ sỹ, doanh nhân nổi tiếng từ Bombay đến Phú Quốc tham dự lễ cưới của một cặp đôi tỷ phú nổi tiếng người Ấn Độ.

Ẩm thực phong phú trên chuyến bay

Sự đa dạng trong ẩm thực trên các chuyến bay với thực đơn thay đổi theo mùa gồm 9 món ăn nóng, món ăn liền, snack phong phú và hơn 20 loại nước uống nóng và lạnh theo phong cách Châu Âu và Châu Á được chuẩn bị bởi các đầu bếp tại các nhà hàng 5 sao. Ngoài ra, Vietjet còn phục vụ món chay và chế độ ăn kiêng theo yêu cầu riêng của hành khách.

Giải trí không giới hạn với thiết bị công nghệ

Trang bị các thiết bị công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu của hành khách trên các chuyến bay. Hành khách có thể xem các bộ phim mới nhất, chơi các trò chơi tương tác, nghe nhạc hoặc soạn thảo văn bản, chuẩn bị nội dung các cuộc họp.

"Shopping" hàng độc & trò chuyện cùng "One 2 Fly"

Cung cấp dịch vụ quà lưu niệm độc đáo và các ấn phẩm du lịch "One 2 Fly" - một trong những ấn phẩm du lịch hàng không sang trọng đẳng cấp.

Hoạt động giải trí trên máy bay

Triển khai một số hoạt động giải trí, giao lưu cùng hàng khách trên tàu bay như Vũ điệu Carnival, vũ điệu Gangnamstyle, đám cưới trên máy bay,... với sự tham gia của các ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng. Ngoài ra, vào các dịp lễ tết, Vietjet còn triển khai các chương trình tặng quà như lì xì đầu năm, quà giáng sinh, quà dành cho phụ nữ, trẻ em, vé máy bay miễn phí,... cho khách hàng.

SKYBOSS – PHONG CÁCH NGƯỜI DẪN ĐẦU

Dịch vụ hàng không cao cấp của Vietjet, hội tụ nhiều tiện ích dành riêng cho những người dẫn đầu:

- Ưu tiên làm thủ tục check –in
- Phòng chờ sang trọng
- Chỗ ngồi ưu tiên trên máy bay
- Vé có thể thay đổi lịch trình
- Xe đưa đón riêng khách Skyboss ra máy bay
- Đồ ăn, uống miễn phí trên chuyến bay
- Miễn phí 30 cân hành lý ký gửi và 1 bộ gậy gôn.

MARKETING VÀ BÁN HÀNG

VietJet có các kênh phân phối chính bao gồm:

- Internet và điện thoại di động;
- Đại lý vé máy bay;
- Phòng vé VietJet;
- Tổng đài phục vụ khách hàng VietJet;
- Đơn vị bán lẻ và ngân hàng liên kết với hơn 3.000 điểm giao dịch.

Ngoài ra, Vietjet còn triển khai hệ thống phân phối toàn cầu (GDS) cho phép tự động hóa giao dịch giữa các bên thứ ba và các đại lý để cung cấp các dịch vụ phân phối vé máy bay, du lịch và lữ hành cho hành khách toàn cầu. Để quản lý chi phí của kênh phân phối GDS, Vietjet đã ký hợp đồng với Hahn Air (Đức) và Airlines Reporting Corporation (Mỹ) là 2 đối tác phân phối vé trên hệ thống.Để tăng cường hoạt động khai thác và thu hút khách hàng trong năm 2018, Vietjet đã tiếp tục triển khai nhiều chương trình khuyến mại và chiến dịch nhằm mang đến giá vé ưu đãi nhất cho hành khách. Nổi bật nhất là chương trình Giờ vàng Khuyến mãi mỗi ngày:

- Chương trình giờ vàng **"12h rồi Vietjet thôi"** cung cấp vé khuyến mãi từ 12h đến 14h mỗi ngày, giá vé chỉ từ 0 đồng với cam kết đem đến cho khách hàng trải nghiệm bay **An toàn – Vui vẻ - Giá rẻ - Đúng giờ.**

Trong năm 2018, Vietjet tổ chức 2 chiến dịch lớn với quy mô toàn quốc và tại tất cả các thị trường quốc tế đang khai thác.

- Chiến dịch **"Đá phải say - Hè phải bay"** được triển khai từ tháng 5 đến tháng 7 trong thời gian diễn ra World Cup 2018 đã thu hút sự chú ý trên các trang mạng xã hội và đặc biệt giúp đẩy mạnh doanh thu trên các tuyến đường bay quốc tế: hơn 4 triệu khách đặt vé và 12 triệu khách vào thăm trang web của Vietjet trong thời gian diễn ra chiến dịch. Doanh thu nội địa tăng 7% trong khi doanh thu các đường bay quốc tế tăng mạnh, biên độ 40% - 199%.
- Hành trình **"Kết nối yêu thương"** diễn ra từ tháng 11/2018 đến tháng 2/2019, mang đến cho khách hàng 17 chuyến bay khứ hồi đặc biệt và hàng triệu cơ hội bay miễn phí khắp Châu Á. Microsite thu hút 7.393 lượt đăng ký tham gia chuyến bay, hơn 7 triệu lượt yêu thích, hàng triệu vé 0 đồng vào giờ vàng khuyến mãi. Video âm nhạc **"Fly for love"** đạt 31 triệu người xem và nằm trong Top 5 video được xem nhiều nhất. Chương trình đã chắp cánh cho những giấc mơ bay, mang những chuyến bay ý nghĩa đến cho hàng triệu người dân khắp Châu Á.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH, ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Vietjet luôn chú trọng và chủ động nâng cao năng lực trong công tác An toàn – An ninh – Đảm bảo chất lượng thông qua quản lý tốt hoạt động tổ chức nguồn lực, sử dụng hiệu quả các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống phân tích dữ liệu và quản lý an toàn nhằm đảm bảo đạt mức an toàn chủ động. Xuyên suốt trong những năm qua, Vietjet tự hào là đơn vị đi đầu trong việc áp dụng hệ thống phân tích dữ liệu bay và hợp tác tích cực với Airbus nhằm triển khai áp dụng Hệ thống Quản lý an toàn (SMS) đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn hàng không phù hợp với quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), các nhà chức trách hàng không, các hiệp hội, liên minh mà Vietjet tham gia với tư cách thành viên nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn, đảm bảo ngăn ngừa sự cố xảy ra trong hoạt động khai thác bay.

Các kết quả hoạt động an toàn tiêu biểu mà Vietjet đã đạt được trong năm 2018:

- Chỉ số chất lượng phân tích của hệ thống đạt 93,72% - là mức rất cao (Khuyến cáo của Airbus là 90%).
- Bộ phận An toàn – An ninh – Đảm bảo chất lượng đã thực hiện chương trình Đánh giá An toàn khai thác (LOSA) trên buồng lái và Đánh giá An toàn khai thác (LOSA) trên cabin đối với các chuyến bay để nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro.
- Thực hiện các cuộc quan sát An toàn đối với hoạt động huấn luyện buồng lái mô phỏng cho phi công.
- Vietjet đã thực hiện các báo cáo sự cố An toàn bắt buộc gửi Cục Hàng không Việt Nam.
- Vietjet đã tiếp nhận và xử lý Báo cáo sự cố an toàn đối với toàn bộ hoạt động khai thác.
- 100% nhân viên mới được đào tạo nhận thức về Hệ thống Quản lý an toàn (SMS).
- 100% nhân viên hàng không được đào tạo ban đầu và định kỳ về Hệ thống Quản lý an toàn (SMS).
- Bộ phận An toàn – An ninh – Đảm bảo chất lượng đã ban hành các cảnh báo, khuyến cáo và chỉ thị An toàn đến toàn bộ Hệ thống khai thác của VietJet nhằm mục nâng cao nhận thức an toàn, sự tuân thủ trong hoạt động khai thác.

KỸ THUẬT VÀ BẢO DƯỠNG

Với đội ngũ kỹ thuật kinh nghiệm được đào tạo bài bản từ các trường kỹ thuật uy tín trong và ngoài nước, khối kỹ thuật của Vietjet đã góp phần đảm bảo khai thác an toàn, hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam cũng như các yêu cầu của nhà sản xuất tàu bay, nhà sản xuất động cơ hay nhà các chức trách hàng không như Cục Hàng không Liên Bang Hoa Kỳ (FAA) và Cơ quan An toàn Hàng không Châu Âu (EASA).

Song song với công tác đào tạo chuyên môn, bộ phận kỹ thuật thường xuyên rà soát đánh giá, thống kê các hỏng hóc đã xảy ra, trên cơ sở đó phân tích, nghiên cứu và đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm tăng độ tin cậy kỹ thuật cho đội tàu bay. Đội ngũ nhân sự liên tục được tăng cường cả về số lượng lẫn chất lượng thông qua công tác đào tạo bài bản và liên tục và các đợt tuyển dụng nhân sự từ các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề có uy tín để đáp ứng quy mô đội tàu bay tăng liên tục hàng năm.

Bên cạnh đó, hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến đang được áp dụng trong công tác quản lý kỹ thuật như hệ thống AMOS giúp lưu trữ dữ liệu bay, hệ thống Flight View cập nhật tình trạng chuyến bay và các phần mềm khác giúp máy bay truyền dữ liệu trong quá trình bay.

Ngoài ra, công tác quản lý vật tư, phụ tùng hợp lý giúp mang lại hiệu quả cho khai thác như: tăng khả năng sẵn sàng của tàu bay, giảm thiểu thời gian dừng bay và sửa chữa hỏng hóc, giảm chi phí vật tư.

Các phương pháp quản lý vật tư phụ tùng thường được áp dụng:

- Phương pháp sử dụng vật tư dùng chung cho các vật tư giá trị lớn, tần suất thay thế không quá nhiều.
- Phương pháp tự cung ứng: cho những vật tư có giá trị rất lớn hoặc vật tư tiêu hao giá trị nhỏ, hoặc vật tư có tần suất sử dụng nhiều mà giải pháp dùng chung là không ưu việt.

Công tác quản lý và cung cấp vật tư được xây dựng đáp ứng kế hoạch phát triển mạng bay và đội tàu bay, cụ thể:

- Nâng cao khả năng quản lý hệ thống nhằm cung ứng vật tư hiệu quả, tối ưu hóa chi phí;
- Giám sát hợp đồng thông qua các chỉ số KPI nhằm tối ưu hóa các dịch vụ được cung cấp;
- Duy trì và phát huy tốt các phương pháp quản lý hiện tại;
- Nâng cao năng lực quản lý hệ thống và hợp đồng;
- Tính toán, xoay vòng tối ưu công tác cung ứng vật tư phụ tùng, giảm thiểu lãng phí do vật tư nằm chết không tham gia vào chuỗi cung ứng;
- Đáp ứng công tác cung ứng vật tư theo tăng trưởng đội tàu bay của công ty.

NHÂN SỰ

Yếu tố con người luôn được chú trọng phát triển và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của Vietjet. Bằng chính sách đãi ngộ phù hợp và không ngừng được cải thiện, Vietjet không chỉ giúp người lao động yên tâm công tác, cống hiến mà còn thu hút được nguồn nhân sự chất lượng cao từ thị trường trong nước và quốc tế. Nhân viên của Vietjet ngoài việc được đảm bảo chế độ phúc lợi cơ bản như bảo hiểm, ngày nghỉ Lễ Tết và phép năm phù hợp, tăng lương theo định kỳ, xét thưởng theo năng lực... còn được hưởng các chính sách thể hiện sự quan tâm đến người lao động như bảo hiểm sức khỏe, chính sách vé máy bay miễn phí cho nhân viên và người thân, các hoạt động kết nối và xây dựng đội nhóm.

Năm 2018, Vietjet đã tập trung vào phát triển nguồn nhân lực theo 4 mảng:

- Phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý đủ về số lượng và chất lượng, trong đó tập trung đào tạo cán bộ quản lý theo tiêu chuẩn chức danh, đảm bảo 100% các bộ được đào tạo chuyên sâu, nâng cao kỹ năng lãnh đạo và quản lý.
- Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện có và kế thừa nhằm đảm bảo công tác phục vụ khai thác bay của hãng an toàn, chất lượng và hiệu quả.
- Tiếp tục xây dựng, đổi mới và hoàn chỉnh hệ thống quy trình, chính sách về quản lý nhân sự như: quy trình tuyển dụng, quy trình thôi việc, quy trình xử lý kỷ luật, quy chế đào tạo, chính sách lương và phúc lợi, nội quy lao động, cùng với việc đầu tư phát triển các phần mềm quản lý nhân sự.
- Xây dựng Học Viện Hàng không Vietjet hiện đại, phối hợp với hãng Airbus trang bị thiết bị huấn luyện bay, buồng lái mô phỏng đối với tàu bay Airbus A320/A321 tại Khu công nghệ cao, Quận 9, Tp Hồ Chí Minh.

ĐÀO TẠO

Công tác huấn luyện đào tạo

Trong năm 2018, Vietjet đã tổ chức 924 khóa đào tạo cơ bản, định kỳ, chuyển loại cho hơn 21 nghìn lượt học viên là Phi công, Tiếp viên hàng không, Nhân viên điều độ, khai thác bay, khai thác mặt mặt đất, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay và các nhân viên khác. Đồng thời, Vietjet đã được phê chuẩn nội bộ 7 giáo trình đào tạo và điều chỉnh 12 bộ giáo trình khác cho phù hợp với tình hình thực tế khai thác và theo các quy định mới của Cục Hàng không Việt Nam. Vietjet cũng đã tiếp tục mở rộng hình thức đào tạo trực tuyến được đánh giá là hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí với 404 khóa học, đào tạo trên 14 nghìn học viên.

Học viện Hàng không Vietjet

Vào tháng 11/2018, Vietjet đã hoàn tất việc xây dựng Học viện Hàng không Vietjet và hợp tác với Airbus lắp đặt hệ thống buồng lái mô phỏng tàu bay và các thiết bị huấn luyện khác để đưa vào hoạt động. Với trang thiết bị hiện đại và quy mô đạt tầm cỡ khu vực, việc khai trương và đưa vào sử dụng Học viện Hàng không Vietjet là cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Vietjet giúp hiện đại hóa và đảm bảo sự ổn định cho công tác huấn luyện - đào tạo, tiết kiệm chi phí, và tiết kiệm thời gian. Học viện không những giúp Vietjet chủ động nguồn nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới mà còn được kỳ vọng sẽ đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho thị trường hàng không Việt Nam và các nước trong khu vực. Một trong những điểm nhấn đặc biệt của Học viện là Hệ thống buồng lái mô phỏng tàu bay đạt tiêu chuẩn Châu Âu đã được Cơ quan An toàn Hàng không Châu Âu (EASA) và Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn trước khi đưa vào vận hành. Tính đến cuối năm 2018, Hệ thống buồng lái mô phỏng đã thực hiện hơn 910 giờ huấn luyện cho các Phi công trong và ngoài nước, giúp tăng cường hiệu quả cho công tác huấn luyện bay.

QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

Các đối tác hiện đang cung cấp dịch vụ cho Vietjet tại các sân bay trong và ngoài nước hầu hết đều là các thương hiệu lớn trong lĩnh vực hàng không với bề dày kinh nghiệm, đầy đủ năng lực phục vụ, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn/chuẩn mực của ngành hàng không. Đáng kể đến có: Tổng Công Ty Cảng Hàng không Việt Nam - Nhà quản lý và khai thác Cảng hàng đầu Việt Nam, cung cấp dịch vụ mặt đất tại 13 Cảng HK nội địa; Công ty phục vụ mặt đất Sài Gòn (SAGS) – Công ty con của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam cung cấp dịch vụ mặt đất cho Vietjet tại 3 sân bay căn cứ là Sài Gòn, Đà Nẵng, Cam Ranh, Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội (HGS) cung cấp dịch vụ mặt đất tại sân bay căn cứ Nội Bài ...

Đối với các đối tác nước ngoài Vietjet hợp tác với Công ty phục vụ mặt đất hàng đầu của thế giới tại từng sân bay như Eva Air tại 4 sân bay ở Đài Loan; Công ty phục vụ mặt đất của Asiana Airlines tại các sân bay ở Hàn Quốc...

Các nhà cung cấp dịch vụ mặt đất được lựa chọn thông qua quy trình đánh giá khắt khe để đảm bảo các yếu tố khai thác thuận lợi nhất, đảm bảo hiệu quả, đồng thời hướng tới sự phát triển bền vững cho VietJet tại các thị trường. Việc đánh giá dựa trên các yếu tố cơ bản như sau:

- Năng lực cung ứng dịch vụ tại sân bay (trong đó yếu tố an toàn và chất lượng được đặt lên hàng đầu);
- Cam kết chất lượng dịch vụ;
- Mức giá phù hợp;
- Uy tín, thương hiệu (đảm bảo khả năng phát triển lâu dài, bền vững đồng hành cùng VietJet);
- Các ảnh hưởng/tác động tới môi trường, với cộng đồng và xã hội.
- Các yếu tố khác như: khả năng hỗ trợ quảng bá hình ảnh cho VietJet, hỗ trợ quan hệ với nhà chức trách sân bay, hỗ trợ các chuyến bay trong trường hợp khẩn nguy, cứu nạn, v.v...

Sau khi được VietJet lựa chọn và ký kết hợp đồng, tất cả các Công ty cung ứng dịch vụ mặt đất đều phải được Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, đánh giá và chấp thuận theo đúng quy định của Bộ quy chế an toàn hàng không.

BÁO CÁO CÁC CẢI TIẾN MỚI VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Vietjet hiện đang sử dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến để quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác bay, tài chính kế toán... Trong năm Vietjet đã triển khai các dự án công nghệ thông tin tiên tiến giúp tối ưu hóa các nguồn lực về lịch trình chuyến bay, lịch trình của phi hành đoàn, xử lý gián đoạn các chuyến bay và kiểm soát thời gian bay, quản lý vật tư thiết bị kỹ thuật tiết kiệm và hiệu quả. Vietjet cũng đang từng bước xây dựng hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp (viết tắt là ERP), bắt đầu từ việc xây dựng ngân sách và hệ thống báo cáo quản trị trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. Vietjet hiện đang sử dụng trên 20 phần mềm tiên tiến để quản lý các hoạt động của mình, điển hình:

- Hệ thống đặt vé của Công ty được phát triển và quản lý bởi Intelisys (Canada). Nhằm quản lý rủi ro, phát hiện gian lận thẻ tín dụng và xác minh giao dịch đặt vé qua internet, Hãng sử dụng phần mềm Gatekeepers của Mastercard là một trong những nhà cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng hàng đầu trên thế giới, có khả năng xử lý khoảng 30 triệu giao dịch/1 tháng cho hơn 30.000 công ty trên 180 nước trên thế giới. Bên cạnh đó, phần mềm Aviator giúp quản trị và tối ưu hóa doanh thu các chuyến bay.
- Các hoạt động phân tích chuyến bay và an toàn bay được quản lý bởi hệ thống phần mềm Tài liệu điện tử trong buồng lái (EFB) do Airbus cung cấp. EFB giúp tổ lái được cập nhật tức thời các thông tin liên quan đến an toàn bay và điều hành bay.
- Đối với việc quản lý các hoạt động khai thác, Công ty sử dụng phần mềm Geneva. Phần mềm này giúp công ty tối ưu hóa các nguồn lực của mình về lịch trình chuyến bay, lịch trình của phi hành đoàn, xử lý gián đoạn các chuyến bay và kiểm soát thời gian bay. Công ty sử dụng hệ thống SunSystems quản lý quy trình mua sắm, tài chính kế toán. Ngoài ra công ty còn ứng dụng phần AMOS để quản lý vật tư, phụ tùng tàu bay.
- Định hướng đầu tư cho công nghệ thông tin trên nền tảng Internet, Công ty sẽ xây dựng một nền tảng công nghệ thương mại điện tử mở rộng để hỗ trợ khách hàng thuận tiện nhất trong việc mua vé và hàng hóa dịch vụ từ trang web Vietjetair.com. Bên cạnh đó Công ty sẽ tiếp tục đầu tư và triển khai các giải pháp ERP cho quản trị vận hành doanh nghiệp theo mô hình "Công ty điện tử".

Từ năm 2016, Vietjet đã xây dựng chiến lược công nghệ thông tin cho giai đoạn 5-10 năm tới. Một trong những nội dung quan trọng của dự án này là bảo mật hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là hệ thống thương mại điện tử theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài việc triển khai áp dụng công nghệ vào công tác quản lý điều hành, Vietjet luôn tiên phong trong việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong việc chăm sóc và mang đến cho khách hàng các dịch vụ hàng không hiện đại, sang trọng và chuyên nghiệp một cách dễ dàng. Cụ thể như:

- Quầy làm thủ tục tự động: máy làm thủ tục tự động đặt tại sân bay giúp hành khách chủ động làm thủ tục nhanh chóng và thuận tiện
- Làm thủ tục trực tuyến: Khách có thể làm thủ tục trực tuyến tại website: www.vietjetair.com
- Đặt vé qua ứng dụng điện thoại: Khách hàng tìm thông tin chuyến bay, mua vé trực tuyến và thực hiện các thủ tục khác bằng điện thoại di động của mình mọi nơi, mọi lúc.

Vietjet có sự đầu tư vững chắc và hợp tác với các tập đoàn lớn thế giới như nhà sản xuất tàu bay Airbus – hỗ trợ quản lý kỹ thuật tàu bay và đào tạo phi công, kỹ sư với đội chuyên gia làm việc trực tiếp tại Vietjet. Hệ thống đặt giữ chỗ được quản lý tại Canada; CyberSource (Hoa Kỳ) - nhà cung cấp dịch vụ an ninh thanh toán điện tử hàng đầu thế giới chính là đối tác cung cấp dịch vụ bảo mật thanh toán điện tử toàn cầu của Vietjet.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Với tầm nhìn và mục tiêu mang lại dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không chất lượng cao với chi phí thấp, Vietjet luôn coi trọng mục tiêu phát triển bền vững và góp phần bảo vệ môi trường sống. Tinh thần này luôn được công ty quan tâm thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp, thống nhất trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, với mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên, góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.

Vietjet đặt trọng tâm quản lý tác động môi trường vào nhiệm vụ quản lý vật liệu và nhiên liệu một cách tối ưu do mức độ ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động kinh doanh. Vietjet đã áp dụng nhiều phương pháp quản lý, giảm thiểu chi phí nhiên liệu và đạt được mức độ 97% vật tư quay vòng được tái chế quay lại sử dụng. Từ năm 2017, Vietjet đã hợp tác với Tập đoàn Safran thực hiện chương trình giảm khí thải CO2 (SFCO2) nhằm tối ưu hóa lượng nhiên liệu tiêu thụ qua các phương pháp quản lý dữ liệu bay và điều hành tàu bay. Tổng kết năm 2018, căn cứ vào chương trình SFCO2, Vietjet đã tiết kiệm hơn 3,4 triệu kg nhiên liệu và giảm được 10,8 triệu kg khí thải. Vietjet cũng đạt được độ tin cậy kỹ thuật cao nhất là 99,64% so với các hãng hàng không khác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Ngoài ra Vietjet đang từng bước xây dựng cơ sở tính toán lượng phát thải khí CO2 ra môi trường theo các hướng dẫn của Cục Hàng không Việt Nam và Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) trong xây dựng chương trình quản lý phát thải khí CO2 cho ngành hàng không Việt Nam.

Vietjet luôn chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực làm nền tảng vững chắc để đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững. Với 3.850 nhân viên trong năm 2018, tăng 24,3% so với năm 2017, nhân viên làm việc tại Vietjet luôn đảm bảo các quyền lợi và chế độ phúc lợi như cam kết đồng thời tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất để phát triển năng lực. Sự gia tăng về số lượng nhân viên sẽ chỉ hỗ trợ sự phát triển của công ty nếu chất lượng đào tạo được duy trì. Trong năm 2018, Học viện Hàng không Vietjet đã tổ chức đào tạo 924 khóa cho 21.611 lượt học viên, trong đó có 157 khoá đào tạo phi công, 127 khoá đào tạo tiếp viên, 128 khoá đào tạo khoá đào tạo kỹ sư, v.v. Nhằm tối ưu hóa chi phí và thời gian, Vietjet đã tăng cường các khoá đào tạo trực tuyến, tăng 95% số lượng so với năm 2017. Trong đó 100% nhân viên được đào tạo cơ bản về Hệ thống quản lý an toàn giúp thúc đẩy văn hóa an toàn trong Vietjet. Đây là cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Vietjet nhằm hiện đại hóa việc huấn luyện, đào tạo, góp phần đưa Học viện Hàng không Vietjet đạt tầm cỡ khu vực, quốc tế.

Bên cạnh sứ mệnh mang đến cho cộng đồng phương tiện đi lại hiện đại, vui tươi, tiết kiệm chi phí, Vietjet còn là hãng hàng không thân thiện với cộng đồng, tích cực tham gia các hoạt động tài trợ, thiện nguyện, góp phần xây dựng phát triển xã hội tươi đẹp. Vietjet được truyền thông trong nước và quốc tế biết đến qua các hoạt động bảo vệ môi trường, đồng hành cùng các sự kiện thể thao, các chương trình hỗ trợ giao lưu sinh viên, học sinh đa quốc gia, các chuyến bay miễn phí về quê Ăn Tết cho người nghèo, các chuyến bay cứu trợ người dân trong nước và quốc tế, chương trình Chắp cánh yêu thương trao tặng 10,000 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo khắp cả nước. Bằng những hành động thiết thực, Vietjet đang góp phần cùng xây dựng cuộc sống ngày càng tươi đẹp hơn.

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH PHÂN BỔ NGUỒN LỰC NĂM 2019

Thị trường hàng không hứa hẹn tiếp tục tăng trưởng bùng nổ năm 2019 và những năm sắp tới. Sự phát triển liên tục và bền vững của Vietjet trong những năm qua, kỳ vọng tăng trưởng mảng vận tải hàng không mạnh mẽ cùng với việc duy trì hiệu quả mảng kinh doanh chuyển quyền sở hữu và cho thuê tàu bay trong những năm sắp tới tiếp tục mang lại những giá trị, hiệu quả cho nhà đầu tư, là cơ sở vững chắc để Vietjet thực hiện sứ mệnh mang cơ hội bay tới tất cả mọi người và trở thành một hãng hàng không tầm vóc khu vực và thế giới.

Thị trường hàng không quốc tế

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm vì những xung đột thương mại và bất ổn về chính trị, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra những mục tiêu tổng quát kế hoạch năm 2019 nhằm tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Đồng thời, tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ứng dụng công nghệ khoa học tiên tiến, và đẩy mạnh ngành du lịch dịch vụ.

Theo dự báo của Hiệp hội vận tải hàng không Quốc tế (IATA), trong giai đoạn 2017 – 2036, vận tải hành khách và hàng hoá trong lĩnh vực hàng không tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương sẽ tăng trưởng với tốc độ bình quân lần lượt là 4,7% và 4,2% mỗi năm. IATA cũng dự báo Việt Nam sẽ là thị trường hàng không phát triển nhanh thứ 5 thế giới và nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á, dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng trung bình gần 14% trong 5 năm tới và cán mốc 150 triệu lượt hành khách vận chuyển vào năm 2035.

Thị trường hàng không nội địa

Tại Việt Nam, ngành hàng không đang trong quá trình phát triển và dự báo tăng trưởng mạnh thời gian tới. Việt Nam nằm trong khu vực hàng không năng động cùng với sự phục hồi của hàng không thế giới, đầu tư cho du lịch tăng mạnh, mức sống người dân ngày càng nâng cao. Theo Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV), năm 2019 dự báo sản lượng hành khách qua các cảng hàng không sẽ đạt hơn 112 triệu lượt, tăng hơn 8 triệu lượt khách so với năm 2018.

Năm 2019, ngành hàng không Việt Nam tiếp tục triển khai đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng như nhà ga hành khách, mở rộng sân đỗ tàu bay tại các cảng hàng không, đặc biệt là những cảng hàng không mang tính chiến lược nhằm thu hút khách du lịch cũng như đáp ứng nhu cầu đi lại của đại đa số người dân. Cụ thể, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam triển khai các bước chuẩn bị đầu tư cho các dự án trọng điểm như xây dựng mới nhà ga hành khách T3 tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, nhà ga hành khách - Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng; nhà ga hành khách Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh; mở rộng nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài; xây dựng nhà ga hành khách T2 tại các Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi, Vinh, Phú Bài, Đồng Hới, Thọ Xuân. Cùng với đó sẽ triển khai đầu tư các dự án mở rộng sân đỗ tàu bay tại các cảng có tần suất khai thác cao như: Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Cam Ranh, Liên Khương, Cát Bi, Vinh, Phú Bài. Ngoài ra, ACV cũng sẽ đầu tư hệ thống thiết bị, công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và khai thác cảng theo chuẩn quốc tế.

Phù hợp với những dự báo thuận lợi về khả năng tăng trưởng và phát triển của ngành, Vietjet cũng đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, với lượng hành khách phục vụ và lượng ghế cung ứng tăng 20%, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận vận tải hàng không xấp xỉ 25%. Hãng sẽ tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo, nắm vững thị phần vượt trội trên hầu hết các đường bay, đa dạng hóa chuyến bay, đường bay nhằm đáp ứng mọi nhu cầu đi lại của khách hàng như thăm người thân, du lịch, kinh doanh, học tập...

Mục tiêu hoạt động 2019

- Duy trì vị thế dẫn đầu lượt khách vận chuyển tại thị trường nội địa và mở rộng phát triển vững chắc và hiệu quả các đường quốc tế
- Đảm bảo an toàn bay theo yêu cầu Chứng nhận An toàn khai thác (IOSA) với các chỉ số dẫn đầu các hãng hàng không khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Duy trì các tiêu chuẩn chất lượng khai thác ngành hàng không chi phí thấp.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ đặc biệt là khối dịch vụ mặt đất, dịch vụ Skyboss và khoang hành khách.
- Tổ chức công tác tài chính tàu bay hiệu quả theo các mô hình tiên tiến trên thế giới. Duy trì các chỉ số tốt nhất về sức khoẻ tài chính, dự trữ lượng tiền mặt lớn. Triển khai các phương án thu xếp tài chính tàu bay, giảm chi phí thuê và chi phí khấu hao tàu bay vận tải hàng không.
- Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hoá và tự động hoá các quy trình hoạt động, 100% các hoạt động khai thác, quản lý dựa trên các quy trình tiên tiến. Vận hành hệ thống quản trị rủi ro công ty và các đơn vị thành viên, triển khai toàn diện và đồng bộ chiến lược công nghệ số trên toàn công ty.
- Nâng cao năng lực cán bộ quản lý điều hành. Tiếp tục triển khai dự án chiến lược về nguồn nhân lực, triển khai Học viện Hàng không.
- Tiết giảm chi phí trên mỗi giờ bay, gia tăng hiệu quả hoạt động.
- Quản lý hiệu quả các công ty thành viên và liên kết.

Kế hoạch kinh doanh 2019

	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2019 so với 2018
Đội tàu khai thác đến cuối năm	64	76	119%
Số chuyến bay khai thác (toàn mạng bay)	118.923	145.870	123%
Lượng ghế cung ứng	26.188.889	31.455.800	120%
Tổng số hành khách (toàn mạng bay)	23.061.936	27.700.000	120%
Hệ số sử dụng ghế bình quân	88,06%	88,06%	100%
Doanh thu vận tải hàng không (tỷ đồng)	33.779	42.250	125%
Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	53.577	58.393	109%
Lợi nhuận trước thuế vận tải hàng không (tỷ đồng)	3.045	3.800	125%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (tỷ đồng)	5.816	6.219	107%

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, Vietjet tiếp tục đổi mới sáng tạo, tập trung các nguồn lực cho kế hoạch hành động và các nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả, quản trị theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế cho các công tác quản lý điều hành hoạt động.

Phát triển đội tàu bay

Tiếp tục duy trì và nâng cấp đội tàu mới, hiện đại nâng tổng số lượng tàu bay lên 76 chiếc (2019) với độ tuổi bình quân dưới 3 năm.

Quản lý an toàn khai thác và đảm bảo chất lượng

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Hệ thống Quản lý An toàn (SMS) của Vietjet, tăng cường giám sát và giảm thiểu các rủi ro an toàn có thể xảy ra.
- Triển khai áp dụng hệ thống Quản lý Mệt mỏi trong toàn hệ thống khai thác của Vietjet.
- Triển khai hiệu quả chương trình Đánh giá An toàn khai thác (LOSA) đối với hoạt động khai thác bay, bao gồm các hoạt động trên buồng lái mô phỏng; nghiên cứu áp dụng chương trình Đánh giá An toàn khai thác (LOSA) đối với lĩnh vực kỹ thuật.
- Hợp tác với Airbus/Navblue trong công tác phân tích dữ liệu bay - FDM, đảm bảo nhận diện, quản lý các rủi ro và mối nguy một cách hiệu quả.
- Tiếp tục triển khai thực hiện Nhận diện mối nguy hiểm và Quản lý rủi ro - HIRA hiệu quả trong toàn hệ thống (03 tổ Hành động An toàn).
- Đảm bảo tất các nhân viên của Vietjet được đào tạo/huấn luyện về Hệ thống Quản lý an toàn (SMS) theo kế hoạch đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.
- Xây dựng và khuyến khích Văn hóa An toàn vững mạnh trong toàn hệ thống thông qua công tác đào tạo và tuyên truyền về văn hóa an toàn.
- Tăng cường hợp tác quốc tế (Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), Hiệp hội Hàng không Châu Á – Thái Bình Dương (AAPA), Airbus....) về công tác an toàn.
- Triển khai thực hiện chương trình Đánh giá Hệ thống quản lý An toàn nội bộ cho toàn bộ các phòng ban nội bộ của Vietjet.

Nguồn nhân lực

Để phục vụ kế hoạch khai thác và tăng trưởng về doanh thu lợi nhuận đã đề ra, Vietjet đã xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực chi tiết và cụ thể, đặc biệt là nhân sự phi công và thợ kỹ thuật có tay nghề vốn đang rất thiếu và có mức độ cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế. Tổng số nhân sự theo kế hoạch năm 2019 dự kiến là 5.698 người trong đó bao gồm 2.742 tiếp viên và phi công, 1.691 nhân viên kỹ thuật, điều phối bay và phục vụ mặt đất, và 1.265 nhân viên khác.

Vietjet tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển nguồn nhân lực năm 2019 như sau:

Tăng cường công tác phát triển nguồn nhân lực:

- Tuyển dụng phi công thông qua chính sách xã hội hóa, liên kết với các công ty cung cấp dịch vụ cho thuê phi công, tuyển dụng trực tiếp, tiếp tục duy trì chính sách chi trả hoàn toàn cho các khóa đào tạo huấn luyện chuyển loại, định kỳ cho đội ngũ phi công.
- Xây dựng chương trình hợp tác với các trường đại học, cao đẳng, trung tâm đào tạo trong và ngoài nước đồng thời có chính sách đầu tư, bồi dưỡng các sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng nhằm cung ứng kịp thời nguồn nhân lực kỹ sư, thợ kỹ thuật có chất lượng. Ngoài ra, Vietjet còn phối hợp với các tổ chức nước ngoài khác trong việc tuyển dụng chuyên gia lành nghề.

Nâng cao năng lực và đầu tư phát triển tổ chức đào tạo:

- Phát triển Trung tâm đào tạo để đạt chứng nhận "Tổ chức huấn luyện hàng không mức 2" – tổ chức sử dụng thiết bị mô phỏng đạt yêu cầu và được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn. Tuyển dụng và phát triển đội ngũ giáo viên đủ năng lực đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Vietjet.
- Đối với đào tạo phi công/tiếp viên: tiếp tục đầu tư thêm 2 buồng lái mô phỏng tàu bay đào tạo phi công phục vụ cho đào tạo chuyển loại, huấn luyện định kỳ và nâng bậc cho phi công, đầu tư 1 mô hình khoang hành khách thoát hiểm trên nước, thiết bị huấn luyện cửa máy bay A320/321, khu vực đào tạo thực hành chữa cháy cho tổ bay thực hành khẩn nguy, dự kiến sử dụng vào giữa năm 2019.
- Đối với đào tạo kỹ thuật: xây dựng khu xưởng đào tạo thực hành cho kỹ sư sửa chữa bảo dưỡng tàu bay B1/B2 (dự kiến đầu tư từ năm 2019), tiếp tục đầu tư giảng đường đào tạo trung tâm, phòng học tiêu chuẩn, trang thiết bị dạy học hiện đại đạt tiêu chuẩn cơ sở đào tạo của Cơ quan An toàn Hàng không Châu Âu (EASA).
- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện "Đề án tổ chức đào tạo phi công cơ bản" nhằm cung cấp nguồn lao động chủ yếu cho Vietjet nói riêng và ngành hàng không nói chung (2019 - 2020).

Tăng cường công tác quản lý nguồn nhân lực:

- Chuẩn hóa các quy trình tuyển dụng, đào tạo, thuyên chuyển, bổ nhiệm, đánh giá thành tích, theo nguyên tắc thị trường và trọng dụng người tài.
- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ, đánh giá và khen thưởng người lao động bao gồm: chính sách và hệ thống lương để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường lao động, hệ thống đánh giá theo năng lực nhân viên (từ điển năng lực), đánh giá kết quả thành tích công việc (KPIs), chính sách tiền lương, quy chế trả lương, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao chất lượng công việc tại Vietjet.
- Chú trọng vào việc đào tạo, đào tạo định kỳ, chuyển loại, nâng bậc cho nhân viên và nâng cao trình độ của đội ngũ quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế, tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ và kỹ năng xử lý với khách hàng đi tàu bay đặc biệt đối với các nhân viên trực tiếp.

Duy trì văn hóa doanh nghiệp, tạo ra sức mạnh từ sự gắn kết:

Bên cạnh chiến lược kinh doanh thì sức mạnh từ văn hóa doanh nghiệp cũng là một yếu tố quan trọng mang lại lợi thế cạnh tranh cho Vietjet, đặc biệt là trong ngành hành không khi mà văn hóa doanh nghiệp luôn đi cùng văn hóa an toàn hàng không. Bên cạnh đó, sự tận tụy và trung thành của từng nhân viên trong công ty, tinh thần đồng đội gắn kết trong từng công việc và sự tin tưởng của nhân viên vào các quyết định và chính sách của Ban lãnh đạo sẽ tạo những động lực mạnh mẽ để phát huy sức mạnh nội tại, tăng hiệu quả hoạt động và tạo ra những giá trị khác biệt.

Nguồn lực tài chính

Để đáp ứng nhu cầu phát triển đội tàu bay, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, và đầu tư phát triển, nhu cầu vốn năm 2019 dự kiến tương đương hơn 18 nghìn tỷ đồng, bao gồm các khoản đầu tư để sở hữu tàu bay. Vietjet đã hoàn tất xây dựng kế hoạch dòng tiền, kế hoạch thu xếp vốn giai đoạn 2019 với mục tiêu duy trì sức khỏe tài chính lành mạnh, đảm bảo nguồn vốn hoạt động và nguồn vốn đầu tư phát triển với chi phí cạnh tranh nhất. Các giải pháp nhằm đảm bảo nguồn tài chính bao gồm:

- Tối ưu hóa nguồn vốn lưu động và lưu chuyển tiền tệ thông qua việc triển khai các giải pháp tích hợp thanh toán và quản lý dòng tiền toàn diện, tiên tiến dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại của các ngân hàng quốc tế hàng đầu.
- Sử dụng linh hoạt các công cụ của thị trường vốn (cổ phiếu, trái phiếu, vay nợ...) nhằm đa dạng hóa các phương án thu xếp vốn ngắn, trung và dài hạn phục vụ nhu cầu vốn của Vietjet.
- Triển khai các phương án tài trợ tàu bay hiệu quả theo các mô hình tiên tiến trên thế giới như SLB, JOLCO, ECA, tài trợ bảo hiểm từ các nhà sản xuất... thông qua các ngân hàng, định chế tài chính quốc tế có uy tín cao và lịch sử hoạt động lâu đời như JPM, Citibank, HSBC, Credit Union, ING, SMBC, MUFG...
- Hướng tới thu hút vốn từ thị trường quốc tế thông qua các hình thức huy động vốn chủ sở hữu, trái phiếu quốc tế và vốn vay.

Phát triển thương hiệu

Tập trung phát triển thương hiệu Vietjet gắn liền với chất lượng dịch vụ vượt trội và giá vé hợp lý. Vietjet tiếp tục truyền cảm hứng cho hành khách trải nghiệm dịch vụ hàng không thuận tiện, nhiều thú vị, vui tươi, cùng nhiều chương trình khuyến mãi mỗi ngày. Hình ảnh thương hiệu thể hiện cá tính, phong cách sống cho thế hệ khách hàng tiêu dùng thông minh, luôn hướng đến cuộc sống tươi đẹp, kết nối yêu thương, đó chính là "thế hệ Vietjet".

Vietjet đã, đang và sẽ mãi mãi tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo và năng động trở thành Hãng hàng không thế hệ mới được yêu thích và là sự lựa chọn của nhiều hành khách tại không chỉ tại Việt Nam mà còn trong khu vực. Vietjet sẽ tiếp tục sứ mệnh hiện thực hóa giấc mơ bay của cộng đồng, trở thành Hãng hàng không của người dân bằng chiến lược giá siêu tiết kiệm thiết thực dành cho hành khách, không ngừng đóng góp vào sự phát triển ngành hàng không Việt Nam & khu vực.

Nâng tầm doanh nghiệp, ***đón đầu xu thế***

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong quản trị nội bộ và thực tế hoạt động, Vietjet luôn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty phù hợp với thông lệ tốt nhất và các quy định hiện hành bao gồm quy chế niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán. Đây cũng là tiếp cận cốt lõi và yêu cầu then chốt đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, khẳng định thương hiệu và giúp Vietjet hội nhập thành công.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC TIỂU BAN

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2018, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị Vietjet đã hoạt động rất tích cực và có những đóng góp không nhỏ vào thành quả phát triển của Công ty. Không chỉ tham gia định hướng chiến lược phát triển, rà soát và phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị còn nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty một cách rất sâu sát nhằm có những quyết định kịp thời về mặt chủ trương, định hướng và hỗ trợ Ban điều hành trong việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như tuân thủ các quy định đối với công ty niêm yết. Tiến trình tổ chức Đại hội đồng Cổ đông được triển khai chặt chẽ, bao gồm: thông báo chốt danh sách cổ đông; thông báo mời họp; công bố các tài liệu sẽ trình tại Đại hội, công bố Báo cáo tài chính và công bố thông tin các Nghị quyết và biên bản họp sau Đại hội theo đúng quy định.

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tiến hành các cuộc họp, ban hành Nghị quyết để thông qua các chủ trương, quyết sách quan trọng phù hợp định hướng chiến lược phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị đã công bố thông tin gồm có:

Nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông			
1	01-18/VJC-ĐHCĐ-NQ	09/01/2018	Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
2	02-18/VJC-ĐHCĐ-NQ	26/04/2018	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
3	03-18/VJC-ĐHCĐ-NQ	11/10/2018	Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị			
1	01-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	09/01/2018	Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức 10% của năm 2017 bằng tiền mặt.
2	02-18/VJC-Hội đồng Quản trị-QD	23/01/2018	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc – Ông Đỗ Xuân Quang
3	04-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	05/03/2018	Công bố Điều lệ Sửa đổi, bổ sung lần thứ 5
4	10-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	13/03/2018	Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018
5	11-18/VJC-Hội đồng Quản trị-QD	30/03/2018	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc – Ông Nguyễn Thanh Sơn
6	14-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	03/04/2018	Tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên 2018
7	17-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	23/04/2018	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2017 bằng tiền
8	18-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	08/05/2018	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017
9	23-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	21/05/2018	Ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức bằng cổ phiếu và chi tiết phương án xử lý cổ phiếu lẻ
10	35-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	16/08/2018	Bổ nhiệm kế toán trưởng
11	36-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	16/8/2018	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2018 bằng tiền
12	38-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	31/8/2018	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
13	43-18/VJC-Hội đồng Quản trị-NQ	03/11/2018	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính – Bà Hồ Ngọc Yến Phương.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Ủy ban An toàn Hàng không

Ủy ban An toàn Hàng không chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về công tác đảm bảo An toàn hàng không của Hãng. Trong năm 2018, Ủy ban này đã phối hợp tốt với các bộ phận liên quan để giám sát và thực hiện tốt các quy định trong tài liệu Hệ thống quản lý An toàn (SMS) của Công ty. Cụ thể như:

- Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên về công tác đảm bảo an ninh hàng không cho Cục Hàng không và Ủy ban An toàn Hàng không Quốc gia; tích cực triển khai chỉ đạo tất cả các đơn vị quán triệt tuyệt đối tuân thủ các quy định, quy trình đảm bảo khai thác và bảo dưỡng tàu bay theo các qui định của bộ Quy chế An toàn Hàng không, Luật Hàng không Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành; chú trọng triển khai các hoạt động giám sát và nâng cao nhận thức an toàn trong các hoạt động khai thác.
- Chỉ đạo và giám sát chương trình huấn luyện, đào tạo của tổ bay, tiếp viên và nhân viên kỹ thuật được thực hiện theo các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn tại các cơ sở được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn;
- Chỉ đạo các hoạt động giám sát an toàn bao gồm:
  - Đánh giá an toàn khai thác trên không (Buồng lái)
  - Đánh giá an toàn trên không (khoang hành khách)
  - Phân tích dữ liệu bay,
  - Điều tra an toàn các hoạt động khai thác làm dữ liệu đầu vào nhằm thực hiện nhận định mối nguy, đánh giá rủi ro an toàn để nghiên cứu đưa ra các giải pháp an toàn, tổ chức bình giảng, rút kinh nghiệm và cải tiến các hoạt động huấn luyện.
- Chỉ đạo và điều phối các hoạt động đảm bảo an toàn nhằm tiếp tục duy trì và phát triển các tiêu chuẩn khai thác vượt qua các đợt đánh giá Chứng nhận An toàn khai thác (IOSA) định kỳ trong năm 2018.

b. Ủy ban An ninh Hàng không

Ủy ban An ninh Hàng không hỗ trợ Hội đồng Quản trị về công tác đảm bảo an ninh hàng không của Vietjet. Trong năm qua, Ủy ban đã phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan để giám sát và thực hiện tốt các quy định trong Chương trình An ninh Hàng không của Công ty, bao gồm:

- Thực hiện công tác báo cáo, phối hợp và tích cực triển khai chỉ đạo của Ủy ban An ninh Hàng không Quốc Gia, đồng thời cử cán bộ, chuyên viên tham gia các lớp tập huấn về các nội dung: nhận biết giấy tờ giả; quản lý an ninh hàng không; chống khủng bố; an ninh mạng; tập huấn và diễn tập xử lý và đối phó các tình huống khẩn nguy an ninh hàng không;
- Tăng cường các hoạt động phối hợp với các cơ quan Công an và An ninh để triển khai các hoạt động đảm bảo An ninh của Vietjet trong đó có công tác rà soát nhân thân cán bộ, nhân viên, phối hợp xử lý các trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh đồng thời tổ chức trao đổi, làm việc với các cơ quan Cảnh sát và An ninh thuộc Bộ Công An để triển khai công tác đảm bảo an ninh các hoạt động khai thác của Vietjet.
- Triển khai các Chương trình truyền thông để giáo dục, tăng cường trách nhiệm an ninh cho từng lãnh đạo đơn vị từ công tác quản lý nhân viên cho đến các công tác đảm bảo an ninh khác. Ủy ban An ninh Hàng không chỉ đạo Phòng an ninh và Trung tâm truyền thông tích cực phối hợp và tài trợ cho các Chương trình truyền thông Văn hóa an toàn, tuyên truyền nhận thức An ninh Hàng không do Ủy ban An ninh Hàng không, Cục Hàng không tổ chức.
- Xây dựng Quy chế bảo mật thông tin theo tiêu chuẩn ISO27000; đồng thời chỉ đạo Phòng Công nghệ Thông tin và các đơn vị liên quan phối hợp soạn thảo Chương trình An ninh mạng trình Ủy ban An ninh Hàng không phê duyệt để triển khai thực hiện bao gồm các biện pháp an ninh chủ động phòng ngừa tấn công mạng và Kế hoạch đối phó và dự phòng khi xảy ra tấn công mạng. Chỉ đạo phát triển Dự án ISO 27001 phần 2 của giai đoạn II để tích cực phân tích mối đe dọa và các biện pháp phòng ngừa, dự kiến dự án ISO 27001 sẽ hoàn thành vào tháng 06/2019.

c. Ủy ban Tổ chức và Nhân sự

Ủy ban Tổ chức và Nhân sự có quyền quyết định những vấn đề chiến lược liên quan đến tổ chức nhân sự của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung xem xét và điều chỉnh các vấn đề về cấu trúc tổ chức, tiền lương... cho phù hợp với tình hình phát triển của Công ty. Theo đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ủy ban này đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cụ thể, trong năm 2018 Uỷ ban đã hoạt động tích cực dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, định kỳ làm việc tối thiểu 2 lần/tháng để quyết định cơ chế tổ chức hoạt động cho các đơn vị, hệ thống chức danh, khung lương cho tất cả các nhóm nhân sự, hoạt động huấn luyện đào tạo nhân viên và tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị theo định kỳ 6 tháng/lần. Uỷ ban Nhân sự liên tục theo dõi tình hình biến động về lực lượng nhân sự Công ty, tình hình thị trường lao động để kịp thời ra các quyết định điều chỉnh các chính sách về lương thưởng, các chương trình khen ngợi, động viên người lao động cũng như các chương trình phúc lợi khác, xây dựng nên Vietjet là một trong những doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam.

d. Ủy ban Điều hành tình trạng khẩn cấp

Ủy ban Điều hành tình trạng khẩn cấp chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về công tác điều hành tình trạng khẩn cấp của Công ty, phối hợp với các bộ phận, đơn vị liên quan để giám sát và thực hiện tốt các quy định trong tài liệu Kế hoạch ứng phó trong tình trạng khẩn cấp của Công ty. Trong năm, Ủy ban đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ:

- *Huấn luyện:* Tổ chức các lớp huấn luyện Sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp cho 460 lượt Cán bộ, nhân viên Vietjet bao gồm: 1 khóa huấn luyện Ủy ban Chỉ đạo Ứng phó Khẩn nguy Vietjet, 1 khóa huấn luyện Trung tâm Điều hành Khai thác, 1 khóa huấn luyện Tổ điều tra an toàn, 2 khóa huấn luyện Tổ Hỗ trợ Đặc biệt, 1 khóa huấn luyện Truyền thông, 1 khóa huấn luyện Trung tâm dịch vụ Hành khách, 1 khóa huấn luyện giáo viên Sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp cho các Đại diện sân bay;
- Rà soát và triển khai Kế hoạch Khẩn nguy tổng thể đồng thời xây dựng mới 78 Kế hoạch khẩn nguy của Vietjet tại các đầu sân bay;
- *Diễn tập:* Tổ chức thành công 2 đợt diễn tập: Diễn tập ứng phó khẩn nguy An ninh Hàng không – Black Sky và Diễn tập ứng phó khẩn nguy An toàn Hàng không – Red Sky;
- *Xử lý sự cố:* Triển khai kích hoạt và điều hành có hiệu quả các sự cố trong năm 2018, đảm bảo giảm thiểu tối đa thiệt hại cho hành khách đồng thời nhanh chóng đưa hoạt động khai thác trở lại bình thường trong thời gian ngắn nhất.

e. Ủy ban Bảo hiểm

Ủy ban Bảo hiểm chịu trách nhiệm tổ chức chọn lựa các nhà bảo hiểm tốt nhất cung cấp dịch vụ cho Công ty, tổ chức đào tạo nghiệp vụ bảo hiểm cho toàn nhân viên và triển khai kiểm soát và theo dõi bồi thường các sự cố. Theo đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ủy ban này đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2018. Cụ thể:

- Triển khai tái tục chương trình bảo hiểm năm 2018 – 2019 với mức phí tốt nhất do các nhà tái bảo hiểm đứng đầu thị trường quốc tế;
- Tổ chức các lớp đào tạo và tham gia hội nghị: Đào tạo của Hiệp hội Vận tải hàng không Quốc tế (IATA), Huấn luyện Sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp (ERP) và huấn luyện về Hệ thống hài hòa toàn cầu về ghi nhãn và phân loại hóa chất (GHS), Đào tạo về Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO/IOS, tham gia hội nghị bảo hiểm châu Á Thái Bình Dương do Willis tổ chức hàng năm.

f. Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý Rủi ro là cơ quan hỗ trợ Hội đồng Quản trị để cải thiện hệ thống quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động kinh doanh và việc sử dụng các nguồn lực và tài sản có hiệu quả. Ủy ban xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, quy trình quản lý rủi ro và thực hiện các hoạt động kiểm tra đánh giá cần thiết để đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực thi đầy đủ. Ủy ban Quản lý rủi ro do Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo và điều hành.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2018 tiếp tục đánh dấu một năm tăng trưởng mạnh mẽ của Vietjet với vị thế số một thị trường nội địa và tất cả các chỉ tiêu đều vượt mức kế hoạch. Để đạt được sự thành công này, bên cạnh sự nỗ lực không mệt mỏi của đội ngũ lãnh đạo và nhân viên Vietjet trong các hoạt động kinh doanh khai thác, còn phải kể đến hiệu quả của công tác quản trị rủi ro. Hoạt động ngành hàng không có tính đặc thù và khác biệt cao, đi kèm những rủi ro tiềm tàng của ngành và có tác động rất lớn không chỉ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến vấn đề an ninh, xã hội và môi trường. Nhận thức được tầm quan trọng của các rủi ro, Ban lãnh đạo Vietjet luôn đề cao và đầu tư nguồn lực cho công tác quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với tiêu chuẩn thông lệ theo đặc thù ngành.

Nhận diện được các rủi ro chính yếu, Ban lãnh đạo Vietjet đã đề ra những nhóm giải pháp theo dõi và quản lý rủi ro một cách hiệu quả nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu những nguy cơ và tác động tiêu cực. Một số rủi ro hàng đầu được xác định gồm có:

a. Rủi ro về chiến lược

Chiến lược phát triển kinh doanh tại Vietjet luôn tập trung vào các hoạt động cốt lõi, được xác định một cách rõ ràng và xuyên suốt. Trong quá trình thực hiện, Vietjet đã nhận diện các rủi ro tiềm tàng tác động đến mục tiêu chiến lược và đưa ra các giải pháp quan trọng để xử lý rủi ro. Những giải pháp này có ý nghĩa quan trọng đối với Công ty trong hoàn cảnh nền kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt giữa các hãng hàng không trong nước và khu vực. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro chiến lược tập trung như sau:

- Hoạch định và tập trung nguồn lực vào hoạt động cốt lõi của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng không chất lượng và an toàn;
- Quản trị hiệu quả và áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí, một trong những hoạt động quan trọng hàng đầu của các hãng hàng không chi phí thấp;
- Xây dựng chiến lược tài chính trung và dài hạn nhằm đảm bảo dòng tiền hoạt động cho Công ty, xây dựng các phương án ứng phó với thay đổi của thị trường;
- Xây dựng và củng cố chuỗi giá trị để tạo lợi thế cạnh tranh và gia tăng giá trị cho khách hàng.
- Không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới để tối ưu hóa nguồn lực nội tại;
- Phát huy hình ảnh và thương hiệu uy tín của Vietjet trong nước và khu vực.
- Xây dựng và phát huy văn hóa Vietjet, góp phần tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

b. Rủi ro về đảm bảo an toàn

Có thể nói rằng sự tham gia vào thị trường của Vietjet đã làm thay đổi hoàn toàn cục diện của ngành hàng không Việt Nam trong những năm qua và làm thay đổi quan niệm của khách hàng về việc sử dụng phương tiện vận tải hàng không. Di chuyển bằng đường hàng không trở nên phổ biến và thuận tiện hơn bao giờ hết, đồng thời khách hàng đang ngày càng tin tưởng vào thương hiệu Vietjet. Để đạt được niềm tin đó, Vietjet luôn đặt vấn đề an toàn và chất lượng dịch vụ lên hàng đầu. Trong năm 2018, Vietjet được xếp hạng an toàn hàng không cao nhất với 7/7 sao bởi AirlineRatings.com, trang web uy tín chuyên đánh giá về an toàn và sản phẩm của các hãng hàng không trên toàn thế giới. Để đạt được những thành quả trên, Vietjet đã triển khai áp dụng các giải pháp quản lý rủi ro về an toàn chất lượng như sau:

- Thành lập Ủy ban an toàn chất lượng bao gồm các nhân sự có kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu, chịu trách nhiệm và sẵn sàng xử lý mọi tình huống khẩn cấp;
- Tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), Cục Hàng không Việt Nam và các quy định của các nhà chức trách hàng không khác có liên quan;
- Công tác quản lý An toàn – An ninh – Đảm bảo chất lượng được tập trung đầu tư trong đó triển khai áp dụng các hệ thống quản lý an toàn chất lượng hiện đại và tiên tiến nhất của ngành;
- Xây dựng Sổ tay an toàn, các chính sách và quy trình hoạt động chuẩn về an toàn, chất lượng; thường xuyên tổ chức diễn tập các tình huống sự cố; tổ chức các khóa đào tạo và truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về an toàn tới toàn thể nhân viên Vietjet.
- Chủ động thực hiện và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm thông qua các tổ chức bảo hiểm uy tín trong ngành hàng không.

c. Rủi ro về tuân thủ

Do tính chất đặc thù của ngành, hoạt động của các hãng hàng không nói chung và Vietjet nói riêng đều được quản lý chặt chẽ bởi các quy định nghiêm ngặt của Việt Nam, các tổ chức hàng không quốc tế, và các cơ quan chức năng. Các quy định cũng liên tục được cập nhật, thay đổi để bảo vệ người tiêu dùng; đảm bảo vấn đề về an ninh, môi trường; đảm bảo sự cạnh tranh công bằng, minh bạch... Do đó, Ban lãnh đạo Vietjet luôn quan tâm đến việc đáp ứng và tuân thủ các quy định trong khuôn khổ pháp lý. Những giải pháp hữu hiệu được Vietjet triển khai phải kể đến như:

- Ban lãnh đạo thường xuyên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật, các quy định quốc tế và chỉ đạo triển khai thực hiện một cách mạnh mẽ;
- Tuân thủ và đáp ứng tất cả các quy định của ngành và luật pháp, thông qua việc được cấp các chứng chỉ hoạt động khai thác, an toàn, giấy phép kinh doanh.
- Phòng Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ và Pháp chế gồm các chuyên gia có hiểu biết chuyên sâu về ngành hàng không và pháp luật, thường xuyên cập nhật những quy định mới, tạo cơ chế cảnh báo cho Ban lãnh đạo đối với các dấu hiệu vi phạm tính tuân thủ;
- Trong trường hợp cần thiết, Vietjet tham khảo ý kiến tư vấn pháp lý từ các công ty luật quốc tế, các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp về lĩnh vực hàng không.

d. Rủi ro về biến động giá nhiên liệu

Trong cơ cấu chi phí của một hãng hàng không, chi phí nhiên liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Sự biến động của giá nhiên liệu sẽ ngay lập tức ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh của các hãng. Trong khi đó, giá nhiên liệu luôn bị ảnh hưởng đáng kể bởi các yếu tố kinh tế, chính trị trên thế giới và đã trải qua nhiều thời kỳ biến động ngoài dự đoán của các chuyên gia nhiều kinh nghiệm nhất. Nhằm giảm thiểu những tác động của rủi ro từ biến động giá nhiên liệu, Vietjet đã và đang thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu, điển hình như:

- Sử dụng đội tàu bay có mức tuổi bình quân thấp nhằm tối ưu hóa nhiên liệu tiêu hao.
- Triển khai chương trình tiết kiệm nhiên liệu cùng nhà sản xuất động cơ CFM International.
- Khai thác và vận hành đội tàu bay thế hệ mới Airbus A321 NEO, giúp tiết kiệm tới 16% tiêu hao nhiên liệu.
- Ban hành các chính sách sử dụng công cụ phái sinh hàng hóa để phòng ngừa rủi ro.

e. Rủi ro về mất thị phần và cạnh tranh

Việt Nam đang trở thành quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng và có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Do đó, xu thế hội nhập mở cửa là tất yếu và tạo ra những thách thức cạnh tranh to lớn cho cả nền kinh tế nói chung và ngành hàng không nói riêng. Từ năm 2015, với việc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ban hành chính sách Bầu trời mở về tự do hóa và nâng giới hạn quy định trên tần số hoặc năng suất của các chuyến bay giữa các nước thành viên, Vietjet cũng như các hãng hàng không trong khu vực càng đứng trước thử thách phải nâng cao năng lực cạnh tranh trên các đường bay quốc tế. Trong khi đó, vị thế số một của Vietjet tại thị trường trong nước luôn phải đối mặt với sự cạnh tranh của các đối thủ lâu năm trong ngành và cả những hãng hàng không mới gia nhập thị trường.

Đối với Vietjet, tính cạnh tranh cao trong ngành không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội lớn để môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện lành mạnh và bình đẳng, đem lại chất lượng dịch vụ tốt nhất cho hành khách. Nhằm giảm thiểu rủi ro, Vietjet đã và đang triển khai mạnh mẽ các giải pháp hữu hiệu như sau:

- Giữ vững lợi thế cạnh tranh thông qua việc duy trì sự an toàn và chất lượng, không ngừng nâng cao tính hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp, tối ưu hóa chi phí, tăng năng suất lao động;
- Liên tục tìm kiếm cơ hội nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa dịch vụ nhằm đem lại trải nghiệm và tiện ích tốt nhất; triển khai mạnh mẽ các chương trình khuyến mãi nhằm đem lại cơ hội bay với chi phí hợp lý cho hàng triệu khách hàng;
- Đầu tư các thế hệ tàu bay mới, nhiều tiện ích, tiết kiệm nhiên liệu và được trang bị các hệ thống an toàn tối tân nhất;
- Tìm kiếm các đối tác nhằm hợp tác kinh doanh hay tham gia các liên minh hàng không, qua đó tận dụng cơ sở hạ tầng của đối tác để giảm thiểu chi phí hoạt động và tăng cường vị thế trên thị trường.

f. Rủi ro về quản trị nguồn nhân lực

Một trong những yếu tố then chốt tạo nên sự thành công của Vietjet đến từ đội ngũ lãnh đạo và nhân viên có năng lực cao, kỹ thuật chuyên sâu và kinh nghiệm lâu năm trong ngành. Cùng với tinh thần đoàn kết và đồng lòng, lãnh đạo và nhân viên Vietjet đã chinh phục được rất nhiều thử thách, từng bước hiện thực hóa giấc mơ "Bay cao, bay ra, vươn ra thế giới". Ban lãnh đạo Vietjet nhận định công tác quản trị nguồn nhân lực có nhiệm vụ rất quan trọng trong việc triển khai các nhiệm vụ chiến lược, từ đó đề ra các giải pháp như sau:

- Rà soát và hoàn thiện bộ khung năng lực cho các cấp từ công nhân, kỹ sư, chuyên viên cho đến cán bộ quản lý;
- Xây dựng và vận hành Học viện Hàng không Vietjet nhằm chủ động xây dựng lực lượng phi công và tiếp viên chất lượng, giỏi tay nghề và đáp ứng nhu cầu phát triển của Vietjet.
- Rà soát và phân bổ khối lượng công việc hợp lý, tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực;
- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên viên; đề cao tinh thần đào tạo, chia sẻ nội bộ, làm việc theo nhóm;
- Xây dựng chế độ lương thưởng cạnh tranh và hấp dẫn; áp dụng các chính sách giữ chân nhân tài và xây dựng đội ngũ kế thừa;
- Ban lãnh đạo thường xuyên tiếp xúc trao đổi với người lao động để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, từ đó có những hỗ trợ cần thiết.

g. Rủi ro về tài chính

Trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ và hiện thực hóa các chiến lược đã đề ra, Vietjet luôn đứng trước thử thách về nguồn lực tài chính cho việc đầu tư phát triển đội tàu bay, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, các rủi ro trong công tác thu xếp vốn, quản trị kế hoạch ngân sách, quản lý dòng tiền trong điều kiện lãi suất, tỷ giá biến động liên tục cần được quản lý và đánh giá thường xuyên. Các biện pháp quản trị rủi ro hoạt động tài chính đã, đang và sẽ được Vietjet tiếp tục thực hiện bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch tài chính trung và dài hạn, quản lý chặt chẽ ngân sách thông qua dự báo dòng tiền theo tuần/tháng/quý/năm nhằm quản lý tốt dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu hóa nguồn vốn, tiết giảm chi phí cơ hội và gia tăng thu nhập từ hoạt động tài chính;
- Áp dụng chặt chẽ quy trình và hệ thống hoạch định ngân sách thông qua hệ thống báo cáo kế toán quản trị bài bản và ngày càng được hoàn thiện;
- Rà soát và cập nhật các Quy chế, chính sách tài chính phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; xây dựng các tiêu chuẩn, định mức nhằm kiểm soát tài chính , có định hướng và quy định chi tiết các giới hạn về chỉ số tài chính;
- Đàm phán, thương lượng với các tổ chức tín dụng uy tín nhằm có lãi suất, chi phí vốn tối ưu nhất;
- Theo dõi chặt chẽ biến động của thị trường và lãi suất để đưa ra các cảnh báo và đề xuất biện pháp ứng phó thông qua sử dụng các công cụ tài chính phái sinh nhằm giảm thiểu rủi ro lãi suất, rủi ro tỉ giá và đảm bảo nguồn ngoại tệ.

h. Rủi ro về đáp ứng cơ sở hạ tầng hàng không

Trong những năm gần đây, Vietjet luôn duy trì hiệu suất sử dụng tàu bay bình quân ở mức cao và chú trọng khai thác đội tàu bay một cách có hiệu quả nhất. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Vietjet cũng đối mặt với không ít khó khăn đến từ những hạn chế về cơ sở hạ tầng tại các sân bay, cảng hàng không trong nước. Những hạn chế về hạ tầng gây kéo dài thời gian quay đầu của tàu bay, ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tối đa hóa hiệu suất sử dụng tàu bay của Hãng. Để giảm thiểu rủi ro này, Viejtet chủ động triển khai những công tác sau:

- Phát triển đội tàu và phân bổ lịch bay hợp lý trong quá trình khai thác tại 5 căn cứ khai thác chính;
- Hợp tác với các công ty cung ứng dịch vụ mặt đất nhằm cải thiện quy trình hoạt động, phối hợp các bộ phận chức năng;
- Trực tiếp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại các sân bay nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác vận hành;
- Liên doanh với các đối tác trong việc xây dựng, mở rộng các cảng hàng không mới.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã có chủ trương và định hướng rõ ràng trong việc đầu tư, nâng cấp mở rộng các cảng hàng không, nâng cao năng lực khai thác. Cơ sở hạ tầng phục vụ ngành hàng không sẽ được cải thiện trong thời gian tới, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khai thác, kinh doanh của Vietjet và các hãng hàng không.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 03 thành viên:

- Bà Trần Dương Ngọc Thảo – Trưởng Ban Chuyên trách;
- Bà Đoàn Thu Hương – Thành viên;
- Ông Phạm Văn Đẩu – Thành viên.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát, trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tiến hành nhiệm vụ của mình với những hoạt động cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Hội đồng Quản trị thông qua việc kiểm tra trực tiếp các hồ sơ, chứng từ tại Công ty và rà soát gián tiếp thông qua các báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Giám sát hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị mở rộng để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.
- Phối hợp với Kiểm toán Nội bộ và Kiểm toán độc lập KPMG để đánh giá hoạt động tài chính kế toán cũng như Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018.

Năm 2018, Ban Kiểm soát tổ chức 03 phiên họp thường kỳ với 100% số thành viên tham dự. Ngoài ra các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email, nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề chuyên môn liên quan.

Phiên họp	Thành viên tham dự	Nội dung chính
Phiên họp 1: 16/01/2018	3/3	• Rà soát đánh giá hoạt động kiểm soát kiểm toán nội bộ năm 2017
		• Thông qua kế hoạch kiểm soát kiểm toán nội bộ 2018
Phiên họp 2: 06/04/2018	3/3	• Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2017
		• Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018
		• Phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát
Phiên họp 3: 09/01/2019	3/3	• Rà soát đánh giá hoạt động kiểm soát kiểm toán nội bộ năm 2018
		• Tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng Quản trị
		• Hoạt động TCKT trong năm 2018
		• Hoạt động công bố thông tin

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Công ty hoàn tất việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, phân phối lợi nhuận.

- Trong năm 2018 Công ty đã triển khai thành công đợt tăng vốn điều lệ lên 5.416.133.340.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20% vào tháng 06/2018 theo đúng nghị quyết được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Công ty đã tạm ứng cổ tức 2018 đợt 1 tỷ lệ 20% bằng tiền mặt vào tháng 09/2018, theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Doanh thu hợp nhất đạt 53.577 tỷ đồng, hoàn thành 105,1% kế hoạch năm 2018 và tăng 26,7% so với năm 2017; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 5.335 tỷ đồng, tăng 5,1% so với năm 2017; vốn chủ sở hữu đạt 14.038 tỷ đồng, tăng 32,5% so với năm 2017.
- Thực hiện uỷ quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị thảo luận với Ban Kiểm soát, đã lựa chọn ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm với Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Năm 2018 Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo đúng ngân sách Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.
- Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.

Giám sát tình hình tài chính năm 2018

Ban Kiểm soát đã xem xét các Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty, đồng thời thường xuyên trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập đánh giá tình hình kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro của Công ty.

Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của chế độ kế toán hiện hành; đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam, phản ánh hợp lý tình hình tài sản và hoạt động của Công ty đến thời điểm 31/12/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2018.

Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát hoạt động kinh doanh Công ty thông qua công tác chỉ đạo hoạt động Kiểm soát & kiểm toán nội bộ của Công ty, kịp thời phản ánh các điểm tồn tại và nhận diện các rủi ro cho Ban Điều hành để chỉ đạo các hoạt động khắc phục, phòng ngừa.

Trong năm 2018, Công ty không hề vi phạm bất cứ trường hợp sai phạm pháp luật nào. Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành kế hoạch kiểm tra, kiểm toán được phê duyệt:

- Hoàn tất kiểm tra định kỳ hoạt động các phòng ban và các đơn vị trực thuộc, ghi nhận trong năm 2018, Công ty tuân thủ tốt hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập ra.
- Các quy chế hoạt động của các đơn vị đã được hoàn tất trong năm 2018, quy chế phân quyền tài chính và các quy trình nghiệp vụ cũng được cập nhật và ban hành mới trong năm.
- Kết quả công tác kiểm tra định kỳ ghi nhận số lượng các phát hiện ước tính giảm 30% so với năm 2017 do các đơn vị được kiểm toán thực tốt công tác khắc phục các điểm rủi ro được nêu ra của kiểm toán nội bộ.
- Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã đề xuất cải tiến, cập nhật các quy trình, sổ tay kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát chặt chẽ các rủi ro và nâng cao tính hiệu quả trong hệ thống quản lý hoạt động toàn Công ty.

Phí kiểm toán và tư vấn

Trong năm 2018, Vietjet đã lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam để thực hiện dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2018, bao gồm báo cáo tài chính riêng lẻ của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam (VSA).

Ban lãnh đạo Vietjet luôn chú trọng xây dựng một hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả, không chỉ tuân thủ các quy định của pháp luật mà còn đáp ứng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Các dịch vụ tư vấn đã được Vietjet sử dụng trong năm gồm có các gói tư vấn và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong hoạt động khai thác, dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp, và các dịch vụ tư vấn luật với chi phí phát sinh trong năm như sau:

Dịch vụ tư vấn và kiểm toán	Triệu đồng
Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp và công nghệ thông tin	13.843
Dịch vụ kiểm toán độc lập	3.400
Dịch vụ tư vấn luật	2.090
Tổng cộng	**19.333**

KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ đúng Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty:

- Hoàn tất việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và các nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong năm 2018.
- Triển khai các cuộc họp Hội đồng Quản trị và các cuộc họp mở rộng với Ban điều hành, để thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để đạt các mục tiêu kinh doanh theo Kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của các Uỷ ban An toàn Hàng không, An ninh Hàng không, Uỷ ban Quản lý rủi ro, Uỷ ban Tổ chức & Nhân sự...kịp thời đưa ra các chỉ đạo để đảm bảo an toàn khai thác.
- Ban hành Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban Giám đốc trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các hoạt động đầu tư, phát triển kinh doanh.

Kết quả giám sát hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành đã trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định. Trên cơ sở các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đã thực hiện các công việc sau:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo các kế hoạch và chỉ tiêu kinh doanh (KPI) đã được Hội đồng Quản trị giao phó.
- Tổ chức các cuộc họp giao ban khai thác hàng ngày, giao ban điều hành hàng tuần, kịp thời cập nhật tình hình khai thác và kinh doanh, ra các quyết định điều hành hoạt động kinh doanh mang tính chiến lược và theo sát diễn biến thị trường ngành hàng không.
- Chỉ đạo công tác xây dựng quy trình, quy chế của Công ty đảm bảo mọi hoạt động tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật; triển khai áp dụng công nghệ hoá cho tất cả các hoạt động khai thác và kinh doanh của Công ty.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban Giám đốc.

Năm 2018, Ban Kiểm soát không ghi nhận dấu hiệu bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Điều hành và các chức danh quản lý của Công ty.

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và cổ đông

- Trong quá trình triển khai hoạt động kiểm tra giám sát, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các phòng ban Công ty đã hỗ trợ và phối hợp tốt với Ban Kiểm soát, tài liệu yêu cầu được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát.
- Ban Kiểm soát cũng thường xuyên góp ý cho công tác quản trị doanh nghiệp, công tác công bố thông tin và hệ thống quy trình, quy chế của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, từ đó góp phần cùng giải quyết các khó khăn phát sinh.
- Trong năm 2018, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu nại của cổ đông về hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty.

Kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát năm 2019

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành của Công ty trên cơ sở giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của ngành hàng không, Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Kiểm tra, xem xét các báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm. Duy trì liên lạc thường xuyên với Kiểm toán độc lập để nâng cao chất lượng công tác kiểm toán báo cáo tài chính.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác quản lý rủi ro, tập trung kiểm soát, phát hiện các yếu tố rủi ro trọng yếu, tiềm ẩn để Công ty kịp thời áp dụng các biện pháp phòng ngừa.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành.
- Hỗ trợ Công ty hoàn chỉnh hoạt động kiểm toán nội bộ theo đúng Nghị định về Kiểm toán nội bộ số 05/2019/NĐ-CP ban hành ngày 22/01/2019.
- Chỉ đạo hoạt động kiểm soát & kiểm toán nội bộ, cải thiện các quy trình và thủ tục kiểm toán và đẩy mạnh công tác kiểm toán hệ thống các ứng dụng đang vận hành toàn Công ty, áp dụng các giải pháp tự động hóa hoạt động kiểm toán nhằm tăng hiệu quả công tác kiểm tra giám sát.
- Tham gia thường xuyên các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để tư vấn về mặt kiểm soát rủi ro nhằm tăng thêm hiệu quả cho công tác quản lý điều hành.

Ngoài Ban kiểm soát có chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, để tăng cường chức năng quản trị hoạt động và quản trị rủi ro của Công ty theo đặc thù của ngành hàng không, Vietjet còn tiên phong xây dựng Phòng Kiểm toán và kiểm soát nội bộ ngay từ những ngày đầu thành lập công ty. Phòng Kiểm toán và kiểm soát nội bộ hoạt động độc lập và báo cáo trực tiếp cho Tổng giám đốc/ Giám đốc điều hành nhằm thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tính tuân thủ trong hoạt động của các đơn vị/phòng ban trong Công ty, hỗ trợ các đơn vị/phòng ban xây dựng các hệ thống quản trị rủi ro, và kiểm tra, kiểm soát các hoạt động có tính rủi ro cao.

Phòng Kiểm toán và kiểm soát nội bộ bao gồm 6 thành viên kiểm toán viên có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các Công ty kiểm toán Quốc tế Big4, có chứng chỉ Kiểm toán trưởng, được đào tạo hệ thống quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ theo chuẩn COSO và hàng năm được đào tạo cấp chứng chỉ chuyên ngành kiểm toán hàng không theo chuẩn Hiệp hội Hàng không Vận tải Quốc tế (IATA).

PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT & KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Phương pháp thực hiện Kiểm soát kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm soát "định hướng theo rủi ro", ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm tra, kiểm soát các Đơn vị, Bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao.
- Trưởng Bộ phận Kiểm soát kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm làm việc với Ban điều hành Vietjet và các lãnh đạo Khối/Phòng/Ban để xác định, phân tích, đánh giá những rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro cho từng hoạt động của Vietjet. Hồ sơ rủi ro bao gồm toàn bộ các rủi ro tiềm tàng, tác động có thể có của các rủi ro đó đối với hoạt động của Vietjet và khả năng xảy ra những rủi ro đó.
- Kết quả đánh giá rủi ro sẽ là căn cứ để Trưởng Bộ phận Kiểm soát kiểm toán nội bộ làm việc với Ban điều hành và Hội đồng Quản trị trong quá trình lập kế hoạch kiểm soát, kiểm toán hằng năm. Căn cứ vào quy mô, sự tăng trưởng, mức độ rủi ro của các hoạt động và nguồn lực hiện có (nhân lực, tài chính), Giám đốc Kiểm soát kiểm toán nội bộ xây dựng kế hoạch Kiểm soát kiểm toán nội bộ hàng năm (chia theo tháng, quý).
- Kế hoạch Kiểm soát kiểm toán nội bộ hàng năm của Vietjet phải đáp ứng các yêu cầu sau:
  - Định hướng theo mức độ rủi ro: Dựa trên đánh giá về tác động, khả năng xảy ra rủi ro của các quy trình, bộ phận, rủi ro được phân thành rủi ro cao, trung bình hoặc thấp. Những hoạt động được coi là có rủi ro cao sẽ được ưu tiên tập trung nhiều nguồn lực, thời gian hơn để kiểm soát trước và thường xuyên để hạn chế thấp nhất mức độ rủi ro. Đối với những hoạt động có tính rủi ro trung bình hoặc thấp sẽ được kiểm soát mang tính định kỳ.
  - Đảm bảo tính toàn diện: Tất cả các quy trình nghiệp vụ, đơn vị, bộ phận của Vietjet đều được kiểm soát. Đối với các quy trình, bộ phận được đánh giá là có rủi ro thấp nhất nhìn chung phải được kiểm soát ít nhất một (01) năm một lần.
- Phải dự phòng quỹ thời gian đủ để thực hiện được các cuộc kiểm tra, kiểm soát đột xuất ngay khi có yêu cầu của Ban điều hành, Hội đồng Quản trị; hoặc khi có các thông tin về dấu hiệu sai phạm, dấu hiệu rủi ro cao ở các đối tượng kiểm soát.
- Kế hoạch Kiểm soát kiểm toán nội bộ phải được cập nhật, thay đổi, điều chỉnh phù hợp với các diễn biến, thay đổi trong hoạt động của Vietjet và sự thay đổi của các rủi ro đi kèm.

VỀ CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT & KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2018

- Hoạt động kiểm soát liên tục.
- Xây dựng và hoàn thiện các bộ sổ tay kiểm toán nội bộ dành cho các hệ thống, ứng dụng vận hành tại Công ty. Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hàng tháng nhằm giúp cải thiện và nâng cao tính tuân thủ, phòng ngừa và hạn chế tối đa các rủi ro.
- Các hệ thống, ứng dụng thường xuyên được cập nhật nhằm hạn chế khắc phục các rủi ro từ hệ thống và nâng cao tính bảo mật, an ninh mạng bắt kịp xu hướng công nghệ 4.0.
- Đánh giá, kiểm soát chất lượng dịch vụ hàng tháng tại các sân bay cũng như dịch vụ trên tàu bay nhằm đảm bảo các quy trình hoạt động được tuân thủ triệt để. Số lượng các trường hợp chưa tuân thủ giảm 60% so với 2017.
- Tổ chức các đợt kiểm tra giám sát công tác tra nạp nhiên liệu nhằm đảm bảo các chương trình tiết kiệm chi phí hoạt động một cách hiệu quả.
- Hoàn tất đầy đủ công tác kiểm toán định kỳ hoạt động tại các phòng ban/bộ phận nhằm đảm bảo các quy trình/quy định hoạt động được tuân thủ triệt để. Thông qua các báo cáo kiểm toán nội bộ, thống kê các điểm chưa tuân thủ giảm 30% so với năm 2017.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2019.

- Hoàn thiện, cập nhật và ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát kiểm toán nội bộ bám sát theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP Quy định về công tác của Kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp quy định rõ ràng, chi tiết về cơ cấu, tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm soát kiểm toán nội bộ.
- Đảm bảo các hoạt động kiểm toán thực hiện theo chuẩn COSO. Các sổ tay Kiểm soát kiểm toán nội bộ được cập nhật hàng năm nhằm ghi nhận đầy đủ các thủ tục kiểm soát kiểm toán phục vụ cho công tác kiểm soát kiểm toán được đầy đủ và hạn chế tối đa các rủi ro về hoạt động có thể xảy ra
- Định hướng xây dựng Hệ thống Quản trị Rủi ro theo chuẩn Quốc tế (ERM) cùng với việc áp dụng công nghệ 4.0 vào công tác Kiểm soát kiểm toán nội bộ bằng việc xây dựng và áp dụng các hệ thống/ứng dụng kiểm toán tự động hoá vào thực tế nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác Kiểm soát kiểm toán nội bộ.

Phát triển và nâng cao nguồn nhân lực kiểm toán viên hiện tại thông qua các chương trình đào tạo theo chuẩn IATA hàng năm cũng như xây dựng chính sách, phúc lợi, đãi ngộ hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty luôn phối hợp các các đối tác nhằm tìm kiếm nguồn nhân lực phù hợp trên thị trường lao động.

BÁO CÁO LƯƠNG THƯỞNG

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2018 công ty đã chi trả tổng lương thưởng và thù lao cho Hội đồng Quản trị là 16.553.903.476 đồng, cho Ban Điều hành 13.574.775.808 đồng, cho Ban Kiểm soát là 803.931.735 đồng. Tỷ lệ chi tiết như sau:

Hội đồng Quản trị	Chức danh	Lương	Thù lao
Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT		100%
Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	100%	
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT		100%
Lưu Đức Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành	100%	
Đinh Việt Phương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	100%	
Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT		100%
Ban Tổng Giám đốc	**Chức danh**	**Lương**	**Thù lao**
Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc	100%	
Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc	100%	
Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc	100%	
Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	100%	
Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	100%	
Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	100%	
Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	100%	
Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc	100%	
Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc kiêm GĐ Tài Chính	100%	

Ban Kiểm soát	Chức vụ	Lương	Thù lao	Tổng cộng
Trần Dương Ngọc Thảo	Trưởng ban	78%	22%	100%
Đoàn Thu Hương	Thành viên		100%	100%
Nguyễn Văn Đẩu	Thành viên		100%	100%

SỐ LƯỢNG SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Họ tên	Chức vụ tại Vietjet	Số lượng Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	297.984	0,06%
Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	47.470.914	8,76%
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	5.358.076	0,99%
Lưu Đức Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành	1.054.440	0,19%
Đinh Việt Phương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	672.000	0,12%
Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	168.000	0,03%
Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc	110.091	0,02%
Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc	230.400	0,04%
Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc	480.000	0,09%
Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	420.000	0,08%
Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	336.000	0,06%
Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	168.000	0,03%
Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	134.400	0,02%
Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc	30.320	0,01%
Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc kiêm GĐ Tài Chính	-	0,00%
Hoàng Mạnh Hà	Kế Toán trưởng	50.400	0,01%
Trần Dương Ngọc Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	40.320	0,01%
Phạm Văn Đẩu	Thành viên Ban kiểm soát	50.400	0,01%
Đoàn Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	253.680	0,06%

BÁO CÁO GIAO DỊCH NỘI BỘ NĂM 2018

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số lượng (cp)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (cp)	Tỷ lệ (%)	
Trần Dương Ngọc Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	56.000	0,01	40.320	0,01	Bán sử dụng cá nhân
Lê Việt Anh	Con CT.HĐQT	700.000	0,155	420.182	0,078	Bán sử dụng cá nhân
Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám Đốc	210.000	0,047	230.400	0,043	Mua đầu tư
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí – Petechim	Công ty liên quan Ông Nguyễn Thanh Hùng – Phó CT. HĐQT	92.570	0,02	251.400	0,046	Mua đầu tư
Lưu Đức Khánh	TV. HĐQT kiêm GĐ. Điều hành	378.700	0,08	1.054.440	0,19	Mua đầu tư
Công ty Cổ phần Sovico	Nguyễn Thị Phương Thảo - Phó CT.HĐQT kiêm TGĐ	20.580.000	4,56	41.106.000	7,59	Tăng sở hữu
Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám Đốc	33.600	0,007	30.320	0,006	Bán sử dụng cá nhân

BÁO CÁO VÀ PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ

Thẻ điểm Quản trị công ty dựa theo tiêu chuẩn của Thẻ điểm Quản trị công ty Việt Nam (VCGS) được phát triển bởi Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) kết hợp với Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN (ACGS) được xây dựng dựa trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và các thông lệ quản trị công ty tốt nhất của các nước trong khu vực.

Trong năm đầu tiên thực hiện đánh giá, Vietjet đã thực hiện tốt 105 tiêu chuẩn, thực hiện một phần nhưng chưa đầy đủ đối với 01 tiêu chuẩn và có 06 tiêu chuẩn chưa đáp ứng thông lệ trong tổng cộng 112 tiêu chí được đánh giá.

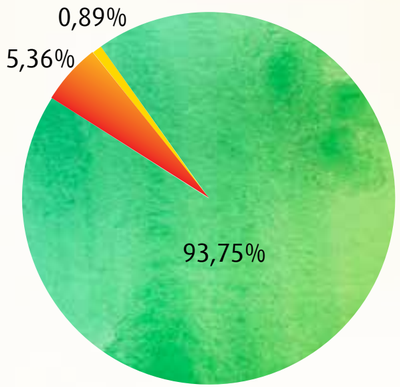

- Thực hiện tốt thông lệ
- Thực hiện một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ
- Chưa đáp ứng được thông lệ

		A - QUYỀN CỔ ĐÔNG	Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
1	A.1	Công ty có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên?	Có	
2	A.2	Công ty có thông qua tại ĐHĐCĐ hằng năm về: a) Mức cổ tức cho năm vừa qua b) Kế hoạch kết quả kinh doanh năm tới	Có	
3	A.3	Công ty có công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng không?	Có	
4	A.4	Công ty có gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ?	Có	
5	A.5	ĐHĐCĐ thường niên của Công ty có được tổ chức trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng nếu có xin gia hạn không?	Có	
6	A.6	Công ty có quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông và hướng dẫn cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông không?	Có	
7	A.7	Website công ty có công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHCĐ không (bộ tài liệu tiêu chuẩn) bao gồm: (1) Thư mời họp có chương trình họp, (2) Mẫu chỉ định đại diệsn theo ủy quyền dự họp, (3) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, (4) Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Báo cáo của Ban Kiểm soát/Tiểu ban kiểm toán (file phải mở được, có nội dung)	Có	
8	A.8	Cổ đông có được hướng dẫn để đóng góp ý kiến về (các) vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	Có	Thể hiện trong Quy chế làm việc tại ĐHCĐ
9	A.9	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có cung cấp thông tin về các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (nếu có) (tối thiểu: tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm, ngày bổ nhiệm lần đầu, vị trí thành viên Hội đồng Quản trị đang tại vị ở DNNY khác, tính độc lập) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc đại hội không?	Có	Đã công bố thông tin trên website, các trang công bố thông tin, trong BCTN

A - QUYỀN CỔ ĐÔNG			Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
10	A.10	Có bằng chứng cho thấy đại hội đồng cổ đông có thông qua thù lao, chi phí, các khoản lợi ích do công ty thanh toán cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (nếu có) không?	Có	
11	A.11	Công ty có áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác?	Không	
12	A.12	Công ty có công bố đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia Ban kiểm phiếu bầu tại ĐHĐCĐ không?	Có	Mời cổ đông tham gia
13	A.13	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	
14	A.14	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	
15	A.15	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Có	
16	A.16	Công ty có xây dựng và công bố chính sách liên quan đến việc khiếu nại của cổ đông không?	Có	
17	A.17	Công ty có công bố danh sách thành viên Hội đồng Quản trị tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	
18	A.18	Công ty có công bố công khai chính sách/thông lệ nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	Có	
19	A.19	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Có	
20	A.20	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	Có	

B - ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG			Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
21	B.1	Công ty có công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ không?	Có	
22	B.2	Công ty có quy định nội bộ về Người nội bộ/ Người có liên quan của công ty phải CBTT về việc giao dịch cổ phiếu của công ty tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện giao dịch hay không?	Có	
23	B.3	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị, ban điều hành và nhân viên công ty kể từ đầu năm tài chính đến nay?	Không	Không vi phạm
24	B.4	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu kể từ đầu năm tài chính đến nay không?	Không	Tuân thủ đầy đủ
25	B.5	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập rà soát GDBLQ không?	Có	
26	B.6	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia họp Hội đồng Quản trị trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	Có	Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty
27	B.7	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện hợp lý và theo cơ chế thị trường?	Có	Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty
28	B.8	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các GDBLQ, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	Có	Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty

C - VAI TRÒ VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN			Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
29	C.1	Công ty có công bố Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội không?	Có	Báo cáo thường niên 2017, 2018
30	C.2	Công ty có công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tích hợp các yếu tố về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo thúc đẩy phát triển bền vững?	Có	Báo cáo thường niên 2017, 2018
31	C.3	Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Có	Điều lệ vận chuyển và các chính sách khách hàng được công bố website
32	C.4	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	Có	Nội quy lao động, chính sách khám sức khoẻ, chính sách vé SFC
33	C.5	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	Có	Chính sách đào tạo
34	C.6	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	Có	Chính sách thưởng KPI, CS điều chỉnh lương...
35	C.7	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Có	
36	C.8	Công ty có lập và công bố Báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB)?	Chưa	Báo cáo thường niên tích hợp báo cáo phát triển bền vững
37	C.9	Công ty có công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	Có	Có quy trình mua hàng đấu thầu nội bộ, công bố ở đâu?
38	C.10	Công ty có công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	Có	Nội quy lao động, Chính sách chống tham nhũng
39	C.11	Công ty có công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	Không	
40	C.12	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?	Có	Nội quy lao động, Chính sách chống tham nhũng

D - CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH			Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
41	D.1	Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc không?	Có	
42	D.2	Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của cổ đông lớn không?	Có	
43	D.3	Báo cáo Thường niên có cung cấp thông tin về cơ cấu cổ đông của công ty không?	Có	
44	D.4	Báo cáo thường niên có công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị không?	Có	
45	D.5	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	Có	
46	D.6	Báo cáo thường niên có công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và hoặc Ban kiểm soát (nếu có) không?	Có	
47	D.7	Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác (tối thiểu Kế toán trưởng) có được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên không?	Có	
48	D.8	Công ty có công bố thông tin Báo cáo thường niên đúng thời hạn theo quy định?	Có	
49	D.9	Công ty có công bố thông tin về Báo cáo Tài chính năm được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét đúng thời hạn không?	Có	
50	D.10	Công ty có công bố thông tin Báo cáo tình hình QTCT định kỳ 6 tháng và năm đúng thời hạn không?	Có	
51	D.11	Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Báo cáo thường niên	Có	
52	D.12	Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): BCTC quý, bán niên và năm gần nhất	Có	

D - CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH			Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
53	D.13	Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Điều lệ công ty & Qui chế QTCT	Có	
54	D.14	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	Có	
55	D.15	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	Có	
56	D.16	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?	Có	
57	D.17	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên Hội đồng Quản trị nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên Hội đồng Quản trị	Có	
58	D.18	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên Hội đồng Quản trị trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị đã thực hiện trong năm	Có	Các thành viên đều tham dự đủ
59	D.19	Công ty có công bố phí kiểm toán và phí phi kiểm toán (phí thu được từ các dịch vụ khác mà công ty kiểm toán cung cấp)?	Có	Báo cáo thường niên
60	D.20	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	Có	
61	D.21	Công ty có bị SGDCK/UBCKNN nhắc nhở, xử lý vi phạm liên quan đến CBTT hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác của công ty niêm yết hay không?	Không	
62	D.22	Công ty có nhận được "ý kiến ngoại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập không có giải trình kèm theo?	Không	
63	D.23	Công ty có phát hành lại Báo cáo Tài chính kiểm toán trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	Không	

E - VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
64	E.1	Hội đồng Quản trị có đủ số lượng thành viên theo quy định không?	Có	
65	E.2	Hội đồng Quản trị của công ty có đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập không?	Không	Thiếu 01 TV Hội đồng Quản trị độc lập và đã được bầu bổ sung trong ĐHĐCĐ thường niên 2019
66	E.3	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị nào đồng thời nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của trên 05 Doanh nghiệp khác không?	Không	
67	E.4	Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự đa dạng giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty	Có	
68	E.5	Cơ cấu Hội đồng quản trị có đảm bảo sự cân đối về giới không?	Có	
69	E.6	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên Hội đồng Quản trị mới trên mức cơ bản luật định?	Có	Theo đúng Luật DN và Điều lệ
70	E.7	Hội đồng Quản trị có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách quản trị công ty hay không?	Có	
71	E.8	Hội đồng quản trị có tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần?	Có	
72	E.9	Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm có phải do Thành viên Độc lập đánh giá không?	Có	
73	E.10	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị có bao gồm Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị không?	Có	
74	E.11	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị có bao gồm Các kế hoạch trong tương lai?	Có	
75	E.12	Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc?	Không	Không kiêm nhiệm
76	E.13	Chủ tịch có phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập?	Có	

E - VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
77	E.14	Công ty có thành lập các tiểu ban sau: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng không?	Có	
78	E.15	Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng) có phải do Thành viên độc lập làm chủ tịch tiểu ban không?	Có	
79	E.16	Trưởng Ban kiểm soát/Chủ tịch Tiểu ban Kiểm toán có đảm bảo tính độc lập không? (Quy định về tính độc lập của Ban Kiểm soát tương tự như quy định cho thành viên Hội đồng Quản trị)	Có	
80	E.17	Trưởng Ban kiểm soát/Chủ tịch Tiểu ban kiểm toán có chuyên môn/ kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán hoặc tài chính không?	Có	
81	E.18	Có bằng chứng cho thấy Hội đồng Quản trị thực hiện đánh giá Tổng Giám đốc/Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc hàng năm hay không?	Có	
82	E.19	Công ty có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức không?	Có	Nội quy lao động
83	E.20	Thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty trong năm vừa qua không?	Có	
84	E.21	Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán có đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc/ Ban Giám đốc không?	Có	
85	E.22	Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán thực hiện đánh giá về Công ty Kiểm toán độc lập và Báo cáo Tài chính không?	Có	
86	E.23	Sự tham gia của từng thành viên trong các cuộc họp của Ban kiểm soát/Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai?	Có	Trong Báo cáo thường niên và Báo cáo Ban Kiểm soát
87	E.24	Ban kiểm soát /Tiểu ban Kiểm toán có tổ chức họp ít nhất 2 lần trong năm vừa qua?	Có	
88	E.25	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	Có	Trong Báo cáo thường niên
89	E.26	Báo cáo của Hội đồng Quản trị có bao gồm nội dung về vai trò lãnh đạo của Hội đồng Quản trị trong quá trình xây dựng, theo dõi/giám sát thực thi chiến lược của công ty?	Có	

E - VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			Tình hình tuân thủ tại Vietjet	Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
90	E.27	Thành viên Ban Kiểm soát/Tiểu ban kiểm toán có làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty không?	Không	Không làm việc
91	E.28	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	Có	
92	E.29	Thành viên Hội đồng Quản trị có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	Có	
93	E.30	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	Có	
94	E.31	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí Hội đồng Quản trị mà một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	Có	Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty
95	E.32	Họp Hội đồng Quản trị có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	Có	
96	E.33	Thành viên Hội đồng Quản trị có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	Có	
97	E.34	Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp Hội đồng Quản trị trong năm?	Có	
98	E.35	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên Hội đồng Quản trị đối với các cuộc họp cần ra quyết định của Hội đồng Quản trị?	Có	
99	E.36	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	Có	
100	E.37	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên Hội đồng Quản trị mới?	Có	Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty
101	E.38	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên Hội đồng Quản trị điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	Có	
102	E.39	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	Có	
103	E.40	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	Có	Quy trình, quy chế KSNB công bố nội bộ

F - TIÊU CHÍ CỘNG THÊM			Tình hình tuân thủ tại Vietjet		Ghi chú/ Kế hoạch cải thiện
104	E.41	Báo cáo thường niên/Báo cáo QTCT có công bố rằng thành viên Hội đồng Quản trị đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	Có		Báo cáo thường niên phần Báo cáo Ban kiểm soát
105	E.42	Báo cáo thường niên/Báo cáo QTCT có trình bày tuyên bố của thành viên Hội đồng Quản trị hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	Có		Báo cáo thường niên phần Quản trị rủi ro
106	A.21	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	Không		
107	E.43	Công ty có tối thiểu một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là nữ?	Có		
108	E.44	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của Hội đồng Quản trị và báo cáo tiến độ đạt được?	Không		
109	E.45	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên Hội đồng Quản trị do các viện thành viên Hội đồng Quản trị hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên Hội đồng Quản trị?	Có		Công ty có tìm kiếm các ứng viên độc lập bên ngoài thông qua giới thiệu hoặc các công ty cung ứng nhân lực
110	E.46	Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên Hội đồng Quản trị với chủ tịch là thành viên độc lập?	Không		
111	E.47	Hội đồng Quản trị có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm hoạ, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho hội đồng quản trị?	Có		Hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISMS) theo tiêu chuẩn ISO 27001
112	C.13	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	Không		

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Global Reporting Initiative™

Đây là lần đầu Vietjet xây dựng Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp trong Báo cáo Thường niên, báo cáo được thực hiện theo tiêu chuẩn GRI. Báo cáo này cung cấp thông tin về các khía cạnh phát triển bền vững trọng yếu trong hoạt động của Vietjet cho năm tài chính 2018. Các chủ đề trọng yếu được xác định mức độ quan trọng với Vietjet đồng thời cũng phản ánh sự quan tâm của các bên liên quan.
Phạm vi báo cáo giới hạn ở Vietjet và các công ty con mà Vietjet nắm giữ trên 50% cổ phần. Thông tin chi tiết về tình hình tài chính và quản trị của Vietjet sẽ được công bố trong các chương của bản Báo cáo Thường niên.
Báo cáo được cấu trúc gồm 2 phần: Công bố tiêu chuẩn chung với tóm tắt về chiến lược, tiếp cận và quản trị phát triển bền vững của Vietjet và phần 2 là Công bố Tiêu chuẩn cụ thể trên các chủ đề đã chọn lựa trên các hạng mục Kinh tế, Xã hội và Môi trường.

Khát vọng vươn tới ngày mai

Hướng tới những giá trị bền vững

TIẾP CẬN CHIẾN LƯỢC VÀ KHUNG QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TẦM NHÌN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIETJET

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Vietjet nhận thức rất rõ tầm quan trọng và những ảnh hưởng tích cực của việc tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào tổng thể hoạt động của doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị và Ban điều hành xác định nhiệm vụ quản trị hoạt động theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế bao gồm việc công bố thông tin, minh bạch các hoạt động phi tài chính cũng chính là cơ hội để doanh nghiệp tự nhìn lại mình và cải thiện khả năng quản lý rủi ro của hệ thống, từ đó có những điều chỉnh phù hợp với tầm nhìn, chiến lược phát triển và kế hoạch phân bổ nguồn lực.

Kinh tế bền vững: Hiệu quả kinh tế và tăng trưởng bền vững

Môi trường bền vững: Quản lý tác động môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thích ứng với Biến đổi khí hậu

Xã hội bền vững: Đầu tư phát triển con người, Văn hóa doanh nghiệp, Chia sẻ giá trị

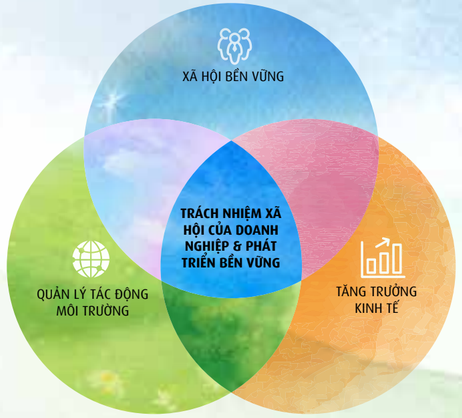

Vietjet đã và đang dành các nguồn lực cho chiến lược phát triển bền vững trong đó đặt mục tiêu tạo sự gắn kết giữa các yếu tố bền vững với các định hướng, chiến lược phát triển của công ty. Đây không phải là một công việc có thể đạt được một sớm một chiều chiều mà cần nhiều thời gian chuẩn bị cũng như sự chung tay của toàn thể lãnh đạo và nhân viên Vietjet, trong đó quan trọng nhất là sự cam kết và các chỉ đạo có tính xuyên suốt của lãnh đạo Công ty. Chiến lược phát triển bền vững của Vietjet bắt đầu từ việc tăng cường thúc đẩy sự gắn kết các bên liên quan, nâng cao nhận thức và minh bạch thông tin, hướng đến hiện thực hóa các mục tiêu PTBV của Việt Nam theo khung 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TRỌNG YẾU

Sự phát triển lâu dài của Vietjet dựa trên nền tảng là mối quan hệ đối tác gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan. Vietjet luôn đề cao trách nhiệm giải trình và giao tiếp minh bạch, thiết lập các cơ chế đảm bảo đáp ứng yêu cầu của các bên trên cơ sở đối thoại mang tính xây dựng. Vietjet đã nhận diện các bên liên quan chủ yếu trong tổng thể hoạt động của chuỗi giá trị dựa trên tác động và sự phụ thuộc nhằm nắm bắt các phản hồi mong đợi và xây dựng kế hoạch đáp ứng từng yêu cầu cụ thể của các bên.

Đánh giá bên liên quan

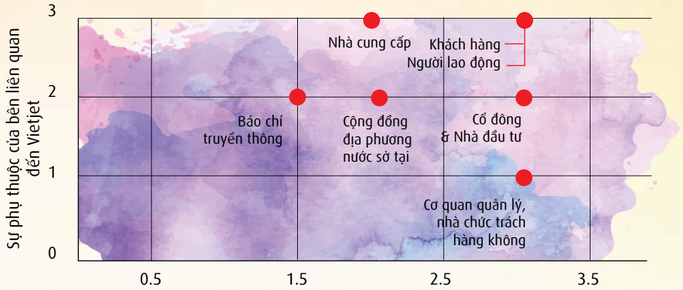

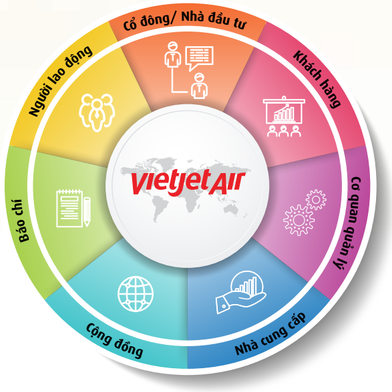

Nhằm xây dựng cơ chế trao đổi, tiếp nhận và phản hồi hiệu quả đảm bảo lợi ích của các bên" Vietjet đã phát triển nhiều kênh khác nhau để cung cấp những thông tin hoạt động quan trọng đồng thời thu thập phản hồi từ các bên liên quan.

Dựa trên các kết quả tham vấn gắn kết Vietjet thực hiện phân tích các chủ đề trọng yếu đồng thời là cơ sở để Viejet tập trung đáp ứng kỳ vọng của các bên

CÁC BÊN LIÊN QUAN	CÁC CHỦ ĐỀ VÀ MỐI QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN	PHẢN HỒI CỦA VIETJET VỀ CÁC CHỦ ĐỀ VÀ MỐI QUAN TÂM
Người lao động	- Môi trường làm việc. - Cơ hội học tập và đào tạo chuyên nghiệp nâng cao kỹ năng chuyên môn - Vấn đề phúc lợi, tăng lương, cơ chế nghỉ phép - Những hoạt động khác ngoài Vietjet dành cho xã hội và môi trường.	- Môi trường làm việc chuyên nghiệp, đa văn hóa giúp nâng cao cơ hội học hỏi - Tổ chức định kỳ các hoạt động ngoại khóa, giúp tạo nên văn hóa "gia đình Vietjet" - Chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn - Chương trình khen thưởng định kỳ nhằm ghi nhận sự đóng góp của nhân viên - Xét thưởng KPI 2 lần/năm - Chế độ phúc lợi và nghỉ phép ưu đãi/ cạnh tranh, chính sách vé máy bay ưu đãi - Tổ chức các chương trình vì cộng đồng và khuyến khích nhân viên tích cực tham gia.
Khách hàng	- Chính sách giá - Chính sách ưu tiên - Bồi hoàn - Công tác giải quyết khiếu nại - Công tác an toàn vận hành	- Tổ chức chương trình, chiến dịch với giá vé ưu đãi - Chính sách đổi trả, chính sách hoàn vé được công bố minh bạch trên website - Hoạch định rõ phương thức xử lý tình huống trong đó đặt lợi ích và quyền lợi của khách hàng lên hàng đầu - Thành lập nhiều Ủy ban như Ủy ban An toàn, Ủy ban An ninh, Ủy ban quản lý rủi ro... và liên kết chặt chẽ với Cục Hàng không 24/24 giải quyết các vấn đề có liên quan.
Cổ đông / nhà đầu tư	- Minh bạch hóa thông tin - Tình hình kinh doanh - Mong muốn đầu tư, hợp tác phát triển - Báo cáo kịp thời, hiệu quả những thông tin yêu cầu từ phía cơ quan quản lý.	- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm - Công bố thông tin tình hình hoạt động kinh doanh trên trang web hàng quý và qua báo chí, phát hành các bản tin hàng tháng trên trang web cho cổ đông nhằm cung cấp các thông tin hoạt động nổi bật của Vietjet. - Tiếp đón những nhà đầu tư tổ chức muốn gặp gỡ trao đổi thông tin. - Tiếp nhận và nhận phản hồi trực tiếp thông qua số điện thoại và email từ bộ phận Quan hệ nhà đầu tư.
Cơ quan quản lý	- An toàn khai thác bay. - Minh bạch thông tin - Tuân thủ các quy định pháp luật	- Thành lập bộ phận chuyên trách quản lý rủi ro và bộ phận ứng phó tình huống khẩn cấp để đảm bảo công tác an toàn khai thác bay và báo cáo thông tin một cách nhanh chóng, đầy đủ cho các cơ quan chủ quản. - Đảm bảo nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán HCM và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
Nhà cung cấp	- Đảm bảo quyền lợi và cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà cung cấp, nhà thầu, minh bạch tiêu chí đánh giá lựa chọn. - Công tác giải quyết khiếu nại.	- Xây dựng quan hệ đối tác hiệu quả với nhà thầu / nhà cung ứng - Quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp và các tiêu chí đảm bảo công bằng minh bạch. Các nhà cung cấp dịch cụ cho Vietjet đều phải ký Cam kết chống hối lộ, các hành vi hối lộ sẽ bị xử lý nghiêm khắc. - Đảm bảo nhà thầu / nhà cung ứng tuân thủ chính sách đảm bảo chất lượng của Công ty và thực hành tốt trong ngành.
Cộng đồng địa phương trong nước/ nước sở tại	- Lợi ích chung cho cộng đồng tại địa phương - Đóng góp cho sự phát triển cộng đồng. - Hỗ trợ và đồng hành trong việc phát triển kinh tế quốc gia.	- Phân phối thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát cho những hoạt động cộng đồng được thông qua ĐHĐCĐ như Chuỗi chương trình cùng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam - Sự kiện cứu trợ động đất tại Indonesia, lũ lụt miền trung - Thường xuyên tổ chức các chương trình thăm trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, làng trẻ SOS, tổ chức trung thu cho trẻ em
Báo chí	- Thông tin chính xác - Trao đổi thường xuyên - Sự kiện tiêu biểu, nổi bật	- Xác nhận thông tin trên các kênh chính thống. - Chia sẻ cởi mở, chủ động và thường xuyên để báo chí có thể phản ánh chân thực, khách quan về những sự kiện, công tác điều hành hay những hoạt động của doanh nghiệp đến công chúng.

Quy trình xác định trọng yếu

Vietjet đã bước đầu xác định các vấn đề phát triển bền vững chính liên quan đến chiến lược kinh doanh hiện tại, xuyên suốt chuỗi giá trị dựa trên phân tích các yêu cầu luật định và thông lệ quốc tế theo đặc thù ngành vận tải hàng không. Quá trình xem xét ưu tiên được dựa trên phân tích mức độ ảnh hưởng đến hoạt động, thương hiệu và uy tín của Vietjet và mức độ quan tâm của các bên liên quan.

Xác định

Thu thập thông tin, phân tích thông tin đặc thù ngành, nhận thức của các Khối trong nội bộ Vietjet, các buổi hội thảo tọa đàm cập nhật xu hướng hội nhập.

1

Xem xét ưu tiên

Sàng lọc đánh giá ưu tiên các chủ đề dựa trên mức độ ảnh hưởng đến hoạt động, thương hiệu và uy tín doanh nghiệp đồng thời phản ánh mức độ quan tâm của các bên liên quan theo các cấp độ thấp trung bình cao.

2

Xác nhận

Xác nhận và thông qua kết quả đánh giá ưu tiên các chủ đề thông qua tham vấn nội bộ với các cấp quản lý.

3

Rà soát

Kiểm tra rà soát điều chỉnh cho phù hợp với Chiến lược phát triển của Vietjet trong giai đoạn tiếp theo.

4

Ma trận trọng yếu và các chủ đề trọng yếu được xác định

KINH TẾ

- Hiệu quả hoạt động kinh tế
- Tác động kinh tế gián tiếp

XÃ HỘI

- Việc làm
- Quan hệ lao động
- Giáo dục đào tạo
- Đa dạng hóa cơ hội và bình đẳng
- Chất lượng sản phẩm dịch vụ
- An toàn sức khỏe khách hàng
- Sự hài lòng của khách hàng
- An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- Đầu tư phát triển cộng đồng

MÔI TRƯỜNG

- Vật liệu
- Năng lượng và phát thải
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tham chiếu đến Khung 17 Mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên Hợp Quốc, Vietjet nhận diện các mục tiêu chính phản ánh đặc thù hoạt động và cũng là các ưu tiên chính của các bên liên quan.

Ma trận các chủ đề lĩnh vực trọng yếu

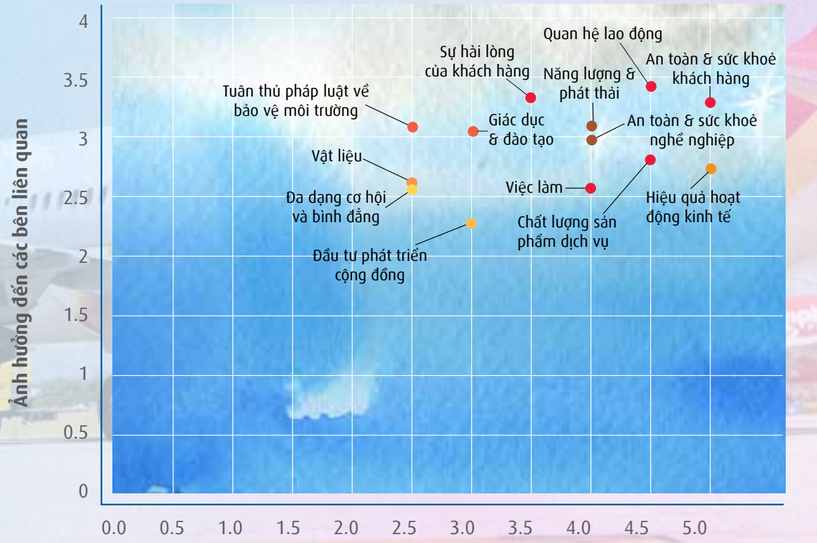

	Mục tiêu SDGs	Diễn giải	Tham chiếu
1 XOÁ NGHÈO	1 – Xóa bỏ đói nghèo	Xóa bỏ đói nghèo dưới mọi hình thức ở mọi nơi	Đầu tư phát triển cộng đồng
3 CUỘC SỐNG KHOẺ MẠNH	3 – Cuộc sống khỏe mạnh hạnh phúc	Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy hạnh phúc cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi	Phát triển nguồn nhân lực
4 CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	4 – Giáo dục chất lượng	Bảo đảm giáo dục chất lượng toàn diện và công bằng thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người	Phát triển nguồn nhân lực
5 BÌNH ĐẲNG GIỚI	5 – Bình đẳng giới	Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái	Phát triển nguồn nhân lực
8 VIỆC LÀM ĐÀNG HOÀNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	8 – Việc làm đầy đủ và tăng trưởng	Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục, tạo việc làm đầy đủ và năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người	Phát triển nguồn nhân lực
10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG	10 – Giảm bất bình đẳng	Giảm bất bình đẳng trong và giữa các quốc gia	Hiệu quả kinh tế và tăng trưởng bền vững
12 TIÊU DÙNG & SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM	12 – Mô hình sản xuất tiêu dùng bền vững	Bảo đảm mô hình sản xuất tiêu dùng bền vững	Quản lý tác động môi trường
13 HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	13 – Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu	Hành động khẩn cấp để ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và tác động	Quản lý tác động môi trường
17 XÂY DỰNG QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHO CÁC MỤC TIÊU	17 – Tăng cường quan hệ đối tác	Tăng cường các quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững	Đầu tư phát triển cộng đồng

BÁO CÁO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC

Hiệu quả kinh tế và tăng trưởng bền vững

GRI 201-1 Hiệu quả kinh tế – Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ

Vietjet đã tiếp tục một năm hoạt động tăng trưởng cao và bền vững với kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đề ra, doanh thu đạt kỷ lục 53.577 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 5.816 tỷ đồng. Đáng chú ý, trong bối cảnh giá dầu thô tăng tới 33% (giá dầu Brent), doanh thu và lợi nhuận vận tải hàng không vẫn tăng trưởng tốt, đạt 33.779 tỷ đồng doanh thu và 3.045 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tương ứng tăng 49,8% và 48,9% so với cùng kỳ năm trước. Đây là minh chứng cho khả năng thúc đẩy doanh thu và quản lý chi phí hiệu quả đối với mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty. Doanh thu phụ trợ, mảng kinh doanh có biên lợi nhuận cao, đạt 8.410 tỷ tăng trưởng tới 53,5% so với năm trước. Cơ cấu mảng doanh thu phụ trợ trong tổng doanh thu vận tải hành khách cũng chuyển dịch từ 24,5% năm 2017 lên 25,4% năm 2018.

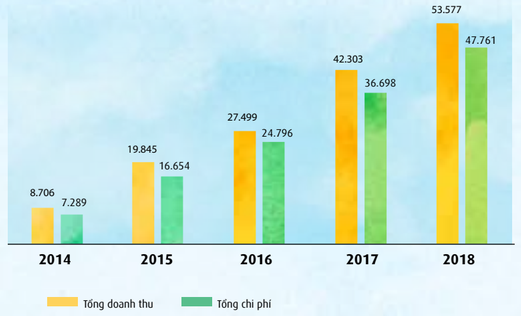

Vietjet luôn thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính khác theo đúng quy định hiện hành và thuộc nhóm các Doanh nghiệp đóng góp cho Ngân sách nhà nước lớn nhất cả nước với số tiền thuế và phí lên đến 7.730 tỷ đồng năm 2018, tăng 84,2% so với cùng kỳ năm 2017.

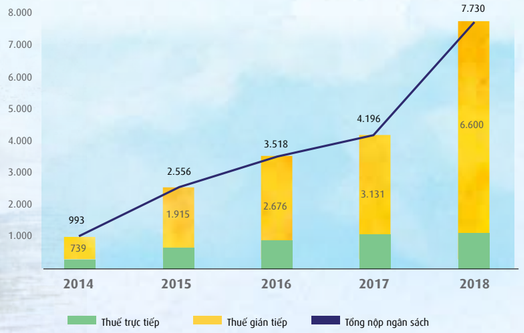

GRI 203-2 Tác động kinh tế gián tiếp

Ngành hàng không đã có những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP hàng năm và được xem là hàn thử biểu phản ánh sức sống của nền kinh tế. Với việc liên tục mở các đường bay để kết nối giao thương, du lịch giữa các điểm đến trong nước và quốc tế, Vietjet đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Năm 2018, Vietjet tiên phong mở các đường bay quốc tế tới các sân bay khu vực duyên hải Miền Trung - Tây Nguyên, góp phần phát triển đột phá về du lịch và kinh tế địa phương.

Bên cạnh đó, thông qua việc tạo dựng một hệ sinh thái hiệu quả bền vững, đóng góp trở lại cho nền kinh tế, Vietjet đang đẩy mạnh các chương trình mục tiêu cho tăng trưởng bền vững thông qua thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động thương mại du lịch xuyên quốc gia, xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng cho phát triển kinh tế địa phương. Hoạt động hàng không giúp mang lại các cơ hội kết nối các địa phương nhanh chóng, thuận tiện, đảm bảo các nhu cầu dịch vụ thiết yếu mà các phương thức vận tải truyền thống như đường bộ đường sắt không đáp ứng được.

Bên cạnh các chính sách tuyển dụng, đào tạo, cơ chế đãi ngộ tương xứng cho nhân sự làm việc trực tiếp tại các địa phương, Vietjet đồng thời giúp tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp thông qua mạng lưới các đối tác, các nhà cung cấp trong chuỗi giá trị, góp phần thu hẹp khoảng cách, bất bình đẳng giữa các vùng miền.

Với nỗ lực không ngừng Vietjet đang và sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế, khẳng định vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Trách nhiệm sản phẩm dịch vụ, đảm bảo chất lượng

GRI 403-1: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

GRI 416-1: Sức khỏe và an toàn của khách hàng – Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm dịch vụ.

Việc tổ chức quản lý an toàn của Vietjet tuân thủ các quy định tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt nhất bao gồm Quy chế An toàn hàng không của Cục Hàng không và quy định tiêu chuẩn hoạt động của Tổ chức Hàng không thế giới (ICAO) và các thông lệ quốc tế.

Hệ thống quản lý an toàn của Vietjet được xây dựng phù hợp với các quy định của ICAO, theo đó công tác an toàn được tổ chức triển khai như một phần trọng yếu trong hoạt động điều hành và tập trung vào phòng ngừa thông qua xác định mối nguy hiểm và quản lý rủi ro trong toàn bộ hoạt động.

Ủy ban An toàn của Vietjet đứng đầu là Tổng Giám đốc là cơ quan cao nhất chịu trách nhiệm giám sát đánh giá việc thực hiện các mục tiêu an toàn, đưa các định hướng chỉ đạo thực hiện nhằm cải thiện liên tục hiệu quả quản lý an toàn cũng như đảm bảo triển khai các hành động khắc phục cần thiết trong các tình huống khẩn nguy đe dọa an toàn trong khai thác bay. Vietjet đã xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn có khả năng nhận diện các mối nguy hiểm trong hoạt động khai thác, đánh giá mức độ rủi ro để đưa ra các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro an toàn cũng như nguy cơ xảy ra tai nạn sự cố. Hệ thống quản lý an toàn liên tục được xem xét cập nhật cải tiến đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn quốc tế.

CHÍNH SÁCH VÀ MỤC TIÊU AN TOÀN

Mục đích an toàn: cung cấp một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh cho tất cả nhân viên và cải thiện chất lượng của các quy trình và dịch vụ bảo trì liên quan đến an toàn hàng không bằng cách xác định, giảm thiểu rủi ro và loại bỏ các yếu tố nguy hiểm.

Mục tiêu an toàn: được đo lường và giám sát bằng việc sử dụng các chỉ số hiệu suất an toàn có liên quan đến các mục tiêu an toàn. Vào đầu mỗi năm tài chính, dựa vào kết quả hiệu suất của năm trước, các mục tiêu an toàn cho công ty sẽ được đề xuất và phê duyệt bởi Ủy ban an toàn VietJet.

QUẢN LÝ RỦI RO AN TOÀN

Để đạt được mục đích và mục tiêu đã đề ra, Vietjet xác định công tác nhận diện mối nguy hiểm và quản lý rủi ro (HIRA) là một hoạt động cốt lõi, quan trọng và phải được vận hành liên tục trong Hệ thống quản lý An toàn. Quy trình HIRA của Vietjet hiện nay đã được cập nhật và vận hành trên nền tảng lý thuyết, mô hình mới nhất về quản lý rủi ro trên thế giới, mà các hãng hàng không lớn đang vận dụng, như Air France, Vietnam Airlines.

ĐẢM BẢO AN TOÀN

- Chương trình giám sát dữ liệu bay
- Chương trình đánh giá an toàn khai thác bay
- Bộ chỉ số an toàn
- Hệ thống báo cáo an toàn
- Quản lý sự thay đổi

THÚC ĐẨY AN TOÀN

- Đào tạo an toàn
- Trao đổi thông tin an toàn nội bộ
- Trao đổi thông tin an toàn bên ngoài

Giám sát đảm bảo an toàn bay

Năm 2018, Vietjet đã hoàn thành chương trình công nhận và đánh giá gia hạn chứng chỉ Nhà khai thác tàu bay (AOC), hoàn thành chương trình đánh giá gia hạn Chứng chỉ an toàn khai thác của IATA (IOSA), từng bước hoàn thiện hệ thống chất lượng – an toàn – an ninh vào hoạt động một cách có hiệu quả, và nâng cao văn hóa an toàn trở thành ý thức tự giác, trách nhiệm của mỗi cán bộ lãnh đạo và từng nhân viên Vietjet.
Vietjet đã tăng cường nền tảng an toàn vững chắc thông qua hoạt động trong quản lý rủi ro an toàn, các chương trình đảm bảo an toàn và thúc đẩy an toàn. Các chương trình trọng tâm trong năm 2018 cụ thể bao gồm:

Về quản lý rủi ro an toàn:

Công tác nhận diện mối nguy hiểm và quản lý rủi ro trong toàn hệ thống khai thác của Vietjet, bao gồm: Khai thác bay, Khai thác mặt đất và Kỹ thuật. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý an toàn của Vietjet luôn đảm bảo tất cả vấn đề an toàn và các sự việc/sự cố xảy ra trong hệ thống (nếu có) luôn luôn được xác định, phân tích, xử lý kịp thời và đưa ra các hành động ngăn ngừa và tiên liệu cho toàn hệ thống khai thác. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện tuân thủ nghiêm các quy trình, quy định trong hoạt động và nhiệm vụ; Kiểm soát tình trạng mất tập trung và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của phi công trong khi bay và tiếp tục triển khai chương trình Quản lý sự mệt mỏi. Thực hiện được 2 khóa đào tạo chuyên sâu về nhận diện mối nguy hiểm và quản lý rủi ro (HIRA) cho cán bộ quản lý và thực hiện công tác An toàn của Vietjet đồng thời phát triển được thêm 02 giảng viên chuyên gia về Hệ thống Quản lý an toàn (SMS) và Chương trình theo dõi dữ liệu bay (FDM) được Airbus/Navblue chấp thuận.

Về quản lý an toàn bay:

Vietjet hiện đang triển khai 5 hệ thống phân tích giám sát dữ liệu bay hiện đại – Airfase từ nhà sản xuất Airbus cho hệ thống khai thác bay. Năm 2018, chỉ số chất lượng phân tích của hệ thống đạt 93,72% - cao hơn 3,72% so với khuyến cáo của Airbus là 90%.
Vietjet xây dựng quy định, quy trình và danh mục về Quản lý sự thay đổi trong hoạt động khai thác, bao gồm: khai thác đường bay, sân bay mới, khai thác loại tàu bay mới, gia tăng đội tàu bay, thay đổi quy trình/ hướng dẫn khai thác, thay đổi về tổ chức ảnh hưởng đến khai thác và các thay đổi khác. Thông qua công tác quản lý sự thay đổi, Vietjet đã chủ động xác định được các vấn đề/ rủi ro (nếu có) cho hoạt động khai thác của mình và có các biện pháp ngăn chặn/phòng ngừa thích hợp.

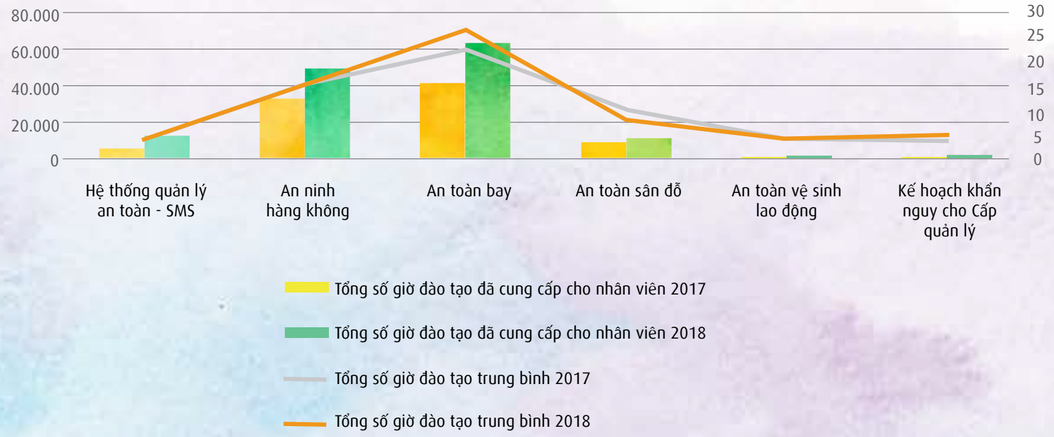

Vietjet thúc đẩy an toàn qua tổ chức đào tạo và trao đổi thông tin an toàn nội bộ và bên ngoài

Việc phổ biến đào tạo an toàn được thực hiện thông qua các khóa học An toàn hàng không trong đó có khóa học về Điều tra sự cố an toàn hàng không do giảng viên IATA giảng dạy và khóa Phân tích dữ liệu bay (FDA). Trong năm 2018, 100% nhân viên mới và nhân viên hàng không được đào tạo ban đầu và định kỳ về Hệ thống Quản lý an toàn (SMS).

Bên cạnh đó, bản tin An toàn định kỳ hàng Quý về các vấn đề an toàn quan trọng trong hoạt động khai thác cũng được phổ biến cho toàn thể cán bộ nhân viên thông qua kênh truyền thông nội bộ. Năm 2018, Bộ phận An toàn – An ninh – Đảm bảo chất lượng đã ban hành các cảnh báo, khuyến cáo và chỉ thị An toàn đến toàn bộ Hệ thống khai thác của Vietjet nhằm nâng cao nhận thức an toàn và sự tuân thủ. Vietjet cũng đã tiến hành triển khai thực hiện kịp thời Chương trình ứng phó khẩn nguy theo tài liệu Huấn luyện sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp (ERP) đối với các sự cố khẩn cấp. Để đảm bảo cập nhập đầy đủ các thông tin an toàn, Vietjet chủ động tham gia mạng lưới Hiệp hội các hãng hàng không Châu Á – Thái Bình Dương và hợp tác trao đổi thông tin với các Nhà chức trách hàng không Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,....

Đảm bảo chất lượng dịch vụ

Hiện nay Vietjet đang ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ mặt đất với các đơn vị trong nước và quốc tế. Hệ thống quản lý giám sát việc cung cấp dịch vụ của các công ty phục vụ mặt đất được thực hiện thông qua nhiều cấp. Trước hết, đối với các hoạt động khai thác hàng ngày, Vietjet có đại diện tại các sân bay trực tiếp giám sát hoạt động theo các hợp đồng và cam kết chất lượng dịch vụ đã ký kết. Hàng ngày, đại diện Hãng tại các sân bay đều báo cáo về Văn phòng Khối khai thác – Dịch vụ mặt đất tình hình khai thác, kết quả vận hành khai thác theo các chỉ số chính (KPIs), các vụ việc bất thường, các vụ việc có nguy cơ uy hiếp an toàn, an ninh. Ngoài ra, để đảm bảo giám sát chặt chẽ các Công ty phục vụ mặt đất hơn nữa, hàng năm Khối An toàn – An ninh – Đảm bảo chất lượng đều triển khai đánh giá đối với từng nhà cung ứng để đảm bảo sự tuân thủ các hệ thống tổ chức, tài liệu, đào tạo, kiểm tra, giám sát, hệ thống đánh giá... Ngoài các chương trình kiểm tra, đánh giá của Vietjet, Cục Hàng không Việt Nam cũng tổ chức các đợt kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ các đối tác cung cấp dịch vụ mặt đất để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn/yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hàng không dân dụng.

Quản lý các tác động môi trường

GRI 301-1: Vật liệu – Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng
GRI 302-1: Năng lượng – Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức
GRI 302-4: Năng lượng – Giảm tiêu hao năng lượng
GRI 305-1: Phát thải – Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (phạm vi 1)
GRI 307-1: Tuân thủ về môi trường – Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

Vật liệu

Quản lý tác động môi trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Vietjet trong hoạt động phát triển bền vững trên phương diện giảm thiểu tác động môi trường, quản lý vật liệu tối ưu và tiết kiệm nhiên liệu. Đây là những yếu tố có tác động trực tiếp tới chi phí hoạt động và đảm bảo an toàn trong khai thác. Việc duy trì đội tàu bay mới cũng là một chiến lược giúp Vietjet đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, cắt giảm chi phí bảo dưỡng cũng như những vật liệu được sử dụng.

Vật liệu đầu vào sử dụng tại Vietjet được xác định là vật tư, phụ tùng phục vụ công tác bảo dưỡng máy bay. Vietjet đang sử dụng các phương pháp khác nhau nhằm tối ưu hóa chi phí, cũng như đảm bảo tốt khả năng cung ứng vật tư phụ tùng trong đó vật tư được phân thành 2 loại: vật phụ tùng quay vòng và vật tư tiêu hao sử dụng 1 lần.

Vật phụ tùng quay vòng là vật tư xoay vòng sửa chữa dùng lại, không thải ra môi trường. Dữ liệu phần mềm AMOS của bộ phận Kỹ thuật sẽ theo dõi tỷ lệ giữa vật tư quay vòng gửi sửa chữa và vật tư hủy được quản lý theo mức kho vật tư, kế hoạch bảo dưỡng. Trong năm 2018, số lượng thiết bị xoay vòng trung bình trong kho là 2.400 thiết bị, với tần suất sử dụng vật tư xoay vòng khoảng 11.900 lượt xuất dùng. Trong đó, Vietjet đã có 11.556 lượt sửa thành công, tương đương với 97% vật tư quay vòng được tái chế quay lại sử dụng.

Vật tư phụ tùng tiêu hao sử dụng một lần là nguồn chính tạo ra chất thải rắn cần xử lý. Chất thải sẽ được thu gom và đưa đi xử lý theo hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn tại các đầu sân bay.

Vật tư thay thế được quy định và tham chiếu theo tài liệu của nhà sản xuất tàu bay và được mua từ nhà cung cấp nước ngoài. Năm 2018, Vietjet đã xuất dùng 100.000 mục hàng vật tư tiêu hao xuất dùng.

Đối với rác thải phát sinh trong hoạt động khai thác hàng ngày của Vietjet, tại các sân bay Vietjet đều ký Hợp đồng xử lý rác thải với các Cảng Hàng không. Theo đó, sau chuyến bay, rác thải được tập kết về khu vực theo quy định, sau đó sẽ được xử lý theo Hợp đồng giữa Cảng với các Công ty môi trường đô thị. Ngoài các yếu tố như giá cả, chất lượng, uy tín, thương hiệu..., Vietjet yêu cầu các nhà cung cấp phải xuất trình các phương án xử lý rác thải và bảo vệ môi trường, đồng thời chịu trách nhiệm về vấn đề này.

Năng lượng

Với đặc thù ngành hàng không, năng lượng tiêu thụ trong Vietjet xuất phát từ tiêu thụ nhiên liệu bay JetA1. Nhiên liệu bay chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động của các hãng hàng không. Trong cơ cấu chi phí của Vietjet, chi phí nhiên liệu qua các năm chiếm bình quân 40% tổng chi phí hoạt động của công ty. Do đó việc kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả lượng tiêu thụ không chỉ giúp giảm thiểu phát thải ra môi trường mà còn mang lại lợi ích kinh tế đáng kể.

Không chỉ dựa vào các biện pháp giảm thiểu rủi ro từ giá nhiên liệu như phụ phí xăng dầu hay các chương trình phái sinh hàng hóa (Đến 31/12/2018 Vietjet chưa triển khai chính sách phụ phí xăng dầu trên giá vé), Vietjet chú trọng hơn cả đến mục tiêu việc xây dựng một chương trình tiết kiệm nhiên liệu toàn diện, lâu dài, và hiệu quả. Từ năm 2017 Vietjet đã hợp tác cùng Tập đoàn Safran (Pháp) triển khai thực hiện Chương trình tối ưu hoá lượng nhiên liệu tiêu thụ của tàu bay (viết tắt là SFCO2). Đây là một chương trình toàn diện bao gồm nhiều giải pháp khác nhau, trong đó có việc đưa ra những hướng dẫn cụ thể và chi tiết cho phi công điều khiển hoạt động của các động cơ từ lúc lăn bánh ra đường băng, cất cánh, khi cần tăng/giảm độ cao trong quá trình bay, cho đến khi hạ cánh và lăn vào bãi đỗ. Những chỉ dẫn này giúp tối ưu công suất hoạt động của động cơ, cho phép phi công lựa chọn chương trình điều khiển phù hợp nhằm giảm lực cản khi hạ, cất cánh từ đó giúp giảm tiêu hao nhiên liệu mà vẫn đảm bảo an toàn trong vận hành khai thác. Bên cạnh đó, các phần mềm của chương trình cũng giúp thông báo chính xác trọng tải của hành khách, hành lý cũng như lượng nhiên liệu dự phòng còn trong buồng xăng để tính toán chính xác nhất lượng nhiên liệu cần tra nạp thêm. Thông qua chương trình SFCO2, Vietjet đã có thể theo dõi và tối ưu hóa lượng nhiên liệu tiêu thụ cho từng chuyến bay, giúp nâng cao hiệu suất khai thác của đội tàu bay. Năm 2018, ước tính chương trình SFCO2 đã tiết kiệm được 3,4 triệu kg nhiên liệu đồng thời nâng cao ý thức tiết kiệm chi phí đến toàn thể cán bộ công nhân viên của Vietjet.

Kết quả tiết kiệm nhiên liệu

Kết quả chương trình tiết kiệm nhiên liệu SFCO2

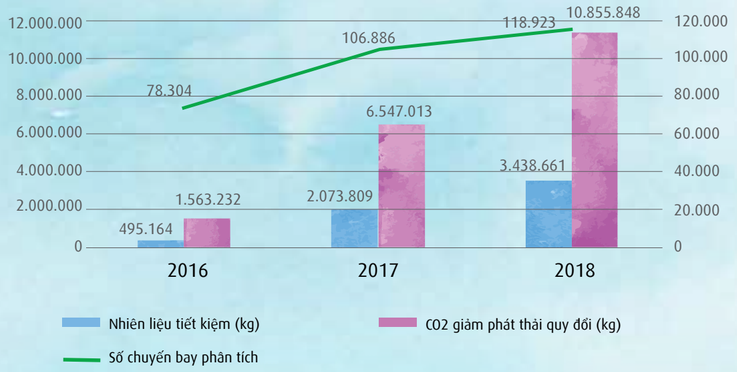

Phát thải

Triển khai chương trình đánh giá phát thải khí nhà kính (CO2) từ hoạt động vận tải hàng không của Tổ chức Hàng không thế giới (ICAO), Cục Hàng Không Việt Nam hiện đang phối hợp với các hãng hàng không xây dựng chương trình quản lý phát thải khí cho hoạt động vận tải hàng không tại Việt nam. Trước đó, Vietjet đã chủ động theo dõi tính toán phát thải dựa trên lượng nhiêu liệu tiêu thụ theo các tài liệu tiêu chuẩn của ICAO, đây là cơ sở phương pháp tính toán lượng phát thải phù hợp. Tham gia chương trình SFCO2 chính là bước chuẩn bị sẵn sàng của Vietjet trong chiến lược giảm thiểu phát thải khí nhà kính góp phần ứng phó với vấn đề nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu. Với chương trình SFCO2 khởi động từ năm 2017, Vietjet đã tiến hành đo lường lượng phát thải hàng năm dựa trên lượng khí CO2 thải ra môi trường. Dựa trên phương pháp tính toán theo lượng nhiên liệu thực tế tra nạp lên tàu bay, lượng khí thải cụ thể như sau: 1,51 triệu tấn khí CO2 năm 2017 và 2,04 triệu tấn khí CO2 năm 2018.

Tiêu thụ năng lượng và phát thải CO2

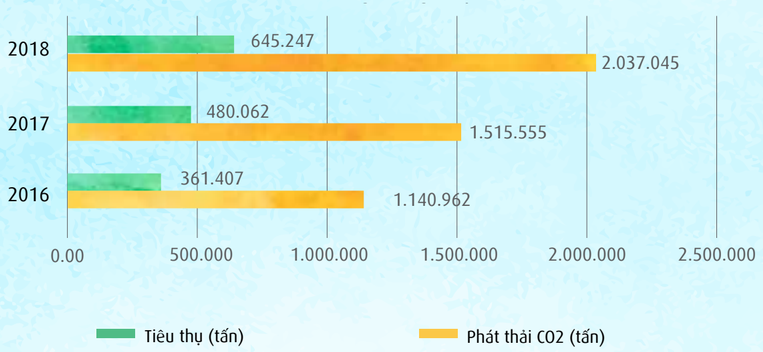

Trong kế hoạch nhiệm vụ tiếp theo, Vietjet sẽ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chương trình kiểm soát lượng phát thải thông qua các giải pháp:

- Quản lý số liệu tự động, chính xác và trực tiếp từ tàu bay đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng của dữ liệu tiêu hao thu nhận được.
- Thành lập các bộ phận chuyên trách quản lý lượng nhiên liệu tiêu thu, trên cơ sở phân tích và tổng hợp sẽ có những khuyến cáo nhằm tăng cường công tác tiết kiệm nhiên liệu tiêu thụ cũng như giảm phát thái khí CO2 ra môi trường.
- Phối hợp với Cục hàng không tham gia và xây dựng chương trình quản lý, kiểm soát lượng phát thải CO2 theo khuyến nghị của ICAO.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chương trình tiết kiệm nhiên liệu SFCO2.

Bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động Vietjet luôn đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường không để xảy ra sự việc hay vi phạm nào liên quan đến chấp hành pháp luật dẫn đến xử phạt của cơ quan quản lý chuyên ngành.

Ngoài ra, Vietjet thực hiện quản lý việc sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả, giám sát chặt chẽ các vấn đề nước thải chất thải phát sinh từ hoạt động bay được xử lý theo quy định, giảm thiểu tác động đến môi trường.

Vietjet cũng đồng thời tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Kết quả, các chương trình sáng kiến về môi trường được tổ chức thường xuyên như sử dụng năng lượng tiết kiệm, tái sử dụng văn phòng phẩm, chương trình 5S tại các khu vực văn phòng, nhà xưởng kho bãi..

Phát triển nguồn nhân lực

GRI 401-1: Việc làm – Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc
GRI 401-2: Việc làm – Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian
GRI 402-1: Mối quan hệ lao động/quản lý – Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động
GRI 404-1: Giáo dục và đào tạo – Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên
GRI 404-3: Giáo dục và đào tạo – Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp
GRI 405-1: Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng – Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Nguồn nhân lực

Nhằm xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ chiến lược và đón đầu cơ hội, Vietjet đã chủ động hoạch định nhân sự các cấp thông qua tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chính sách và chế độ đãi ngộ, nâng cao đời sống tinh thần vật chất cho toàn thể cán bộ nhân viên nhằm tạo một môi trường làm việc lành mạnh và chuyên nghiệp cho người lao động, thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước. Vietjet cũng tích cực triển khai các chương trình đào tạo chuyên nghiệp và các chương trình thực tế trau dồi kinh nghiệm quản lý đồng thời xây dựng mối quan hệ đối tác với các trường đại học chất lượng cao như Đại học Bách Khoa Tp. HCM, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Học viện Hàng không Việt Nam nhằm chủ động tuyển dụng nguồn nhân sự đã tốt nghiệp từ các trường đại học này.

Tổng số nhân sự của Vietjet đến 31/12/2018 là 3.850 nhân viên, tăng 24,3% so với năm 2017. Trong năm, Vietjet đã tuyển mới 998 nhân sự bao gồm 180 phi công, 595 tiếp viên và các nhân sự khác ở cấp Giám đốc, quản lý và nhân viên đồng thời phát triển nguồn nhân lực nội bộ thông qua bổ nhiệm mới 108 chức danh.

Phân loại nhân viên

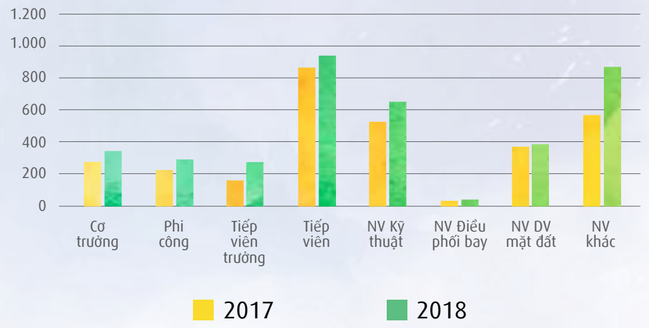

Phân loại theo vị trí công việc

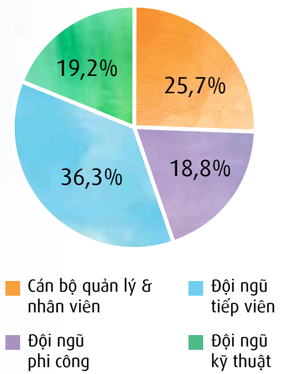

Trình độ nhân viên

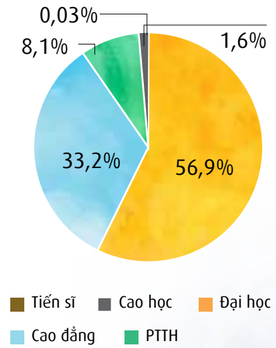

Phân loại nhân lực

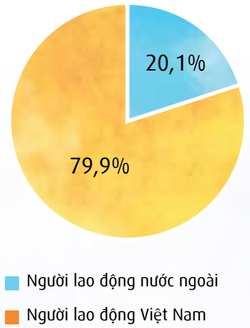

Tỉ lệ lao động nước ngoài chiếm 20% tổng số nhân sự tại Vietjet. Họ là đội ngũ phi công, tiếp viên và các chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực, cùng tham gia làm việc, hợp tác và học hỏi trong môi trường Vietjet, tạo nên tính đa dạng về quốc tịch, về văn hóa cho nguồn nhân lực. Đây cũng là nguồn nhân lực được Vietjet chú trọng phát triển nhằm tận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, góp phần tích cực cho các mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của Hãng.

Nhân lực chất lượng cao cho ngành vận tải hàng không, đặc biệt là phi công và cán bộ kỹ thuật có tay nghề đang rất thiếu và có mức độ cạnh tranh cao trong nước và quốc tế kéo theo tình trạng người lao động nhảy việc. Vì vậy, để tránh tình trạng thiếu hụt nhân lực, Vietjet đã tổ chức triển khai hàng loạt các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản trị nguồn nhân lực bao gồm xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ, đánh giá và khen thưởng người lao động, thực hiện chuẩn hóa các quy trình tuyển dụng, đào tạo, thuyên chuyển, bổ nhiệm, đánh giá thành tích, theo nguyên tắc thị trường và trọng dụng người tài. Tỷ lệ người lao động nghỉ việc bình quân tại Vietjet đã được cải thiện tốt hơn qua các năm.

Theo dõi tỷ lệ nghỉ việc nhân viên

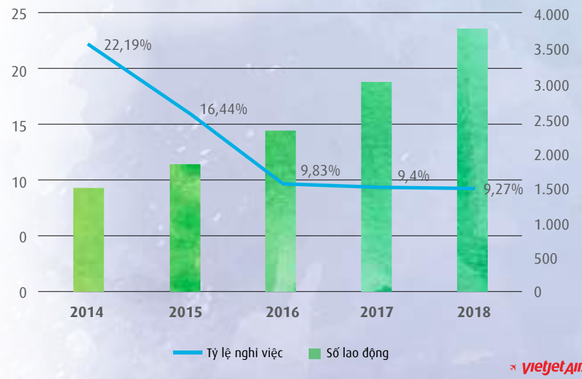

Cân bằng giới trong cơ cấu nhân sự

Vietjet đặc biệt chú trọng đảm bảo thúc đẩy sự đa dạng và bình đẳng cơ hội trong quá trình hoạt động trong đó lao động nữ luôn được quan tâm, khuyến khích học tập nâng cao trình độ hoàn thành nhiệm vụ. Trong cơ cấu lực lượng lao động, tỷ lệ lao động nữ chiếm 34%, nữ giới cũng chiếm xấp xỉ 30% trong đội ngũ quản lý điều hành của Vietjet.

Vietjet đồng thời triển khai các hoạt động nhằm đảm bảo môi trường làm việc công bằng, không phân biệt đối xử, mọi nhân viên đều có cơ hội phát triển thăng tiến không phân biệt giới tính, xuất phát điểm, thành phần xã hội, vùng miền. Chế độ lương thưởng, thù lao dựa trên thành tích trong công việc giúp tạo động lực cho nhân viên phát huy tối đa năng lực.

Phân loại giới

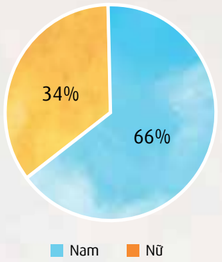

Tỷ lệ cán bộ nữ theo các năm

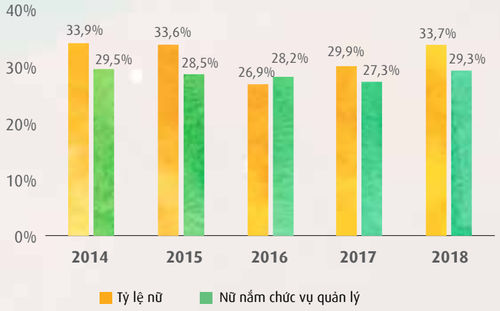

Thu nhập và Chế độ phúc lợi

Các chính sách lương thưởng, thu nhập tại Vietjet đảm bảo đãi ngộ tương xứng cho người lao động theo mặt bằng quốc tế. Nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản trị nguồn nhân lực, Vietjet đang xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ, đánh giá và khen thưởng người lao động bao gồm: chính sách và hệ thống lương để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường lao động, hệ thống đánh giá theo năng lực nhân viên. Các chế độ chính sách phúc lợi của Vietjet được cải thiện liên tục bao gồm phúc lợi cơ bản như bảo hiểm, ngày nghỉ Lễ Tết và phép năm phù hợp, tăng lương theo định kỳ. Đặc biệt Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty, xét thưởng theo thành tích 6 tháng một lần... Ngoài ra Vietjet còn có các chính sách thể hiện sự quan tâm của công ty đến người lao động như chính sách vé máy bay miễn phí cho nhân viên và người thân, các hoạt động kết nối và xây dựng đội nhóm...

Thu nhập bình quân của người lao động cũng được cải thiện theo từng năm, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác, cống hiến cho sự phát triển của Vietjet.

Thu nhập bình quân qua các năm

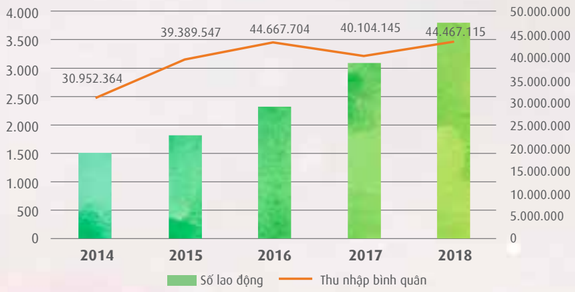

Giáo dục và đào tạo

Năm 2018 Vietjet đặc biệt chú trọng công tác đào tạo đảm bảo nâng cao chất lượng hiệu quả từng chương trình được triển khai. Tổng ngân sách dành cho công tác đào tạo 112,8 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2017.

Các chương trình và kết quả nổi bật:

- Chương trình đào tạo Hội nhập tỏa sáng: đảm bảo 100% học viên mới đều được trải nghiệm chương trình. Trong năm tổ chức được 14 khóa/ 858 học viên trong toàn Công ty.
- Đào tạo cơ bản / định kỳ cho toàn bộ nhân viên các khối khai thác theo yêu cầu của Quốc gia và IATA (IOSA)
- Tổ chức chương trình đào tạo kỹ năng giảng dạy dành cho giáo viên tiềm năng của Công ty (3 khóa kéo dài từ tháng 6-8/2018)
- Tổ chức đào tạo chuyên môn cho Trưởng đại diện và nhân viên GHAs tại các sân bay Vietjet đang khai thác
- Tổ chức khóa nâng cao Kỹ năng quản lý dành cho cán bộ quản lý các cấp (5 khóa)
- Tổ chức huấn luyện yêu cầu đặc biệt khác như Anti/ De – Icing, eQRH cho Phi Công và đối tác phục vụ cho Vietjet; đào tạo nghiệp vụ Phòng cháy và Chữa cháy tại Cảng HK Nội Bài và Đà nẵng và Học viện Hàng không.

Vietjet cũng đồng thời tăng cường tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến (tăng 195% so với năm 2017), triển khai mở rộng các khóa các khóa huấn luyện ban đầu. Đa dạng hình thức đào tạo như đào tạo trực tuyến phối hợp đào tạo trên lớp để chủ động trong lịch huấn luyện cũng như đảm bảo hoạt động khai thác.

Tổng số giờ đào tạo và số giờ đào tạo trung bình:

Số giờ đào tạo theo nhân viên

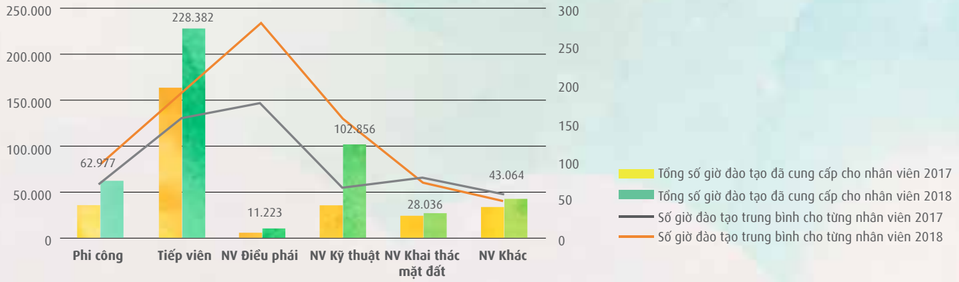

Số giờ đào tạo theo cấp bậc

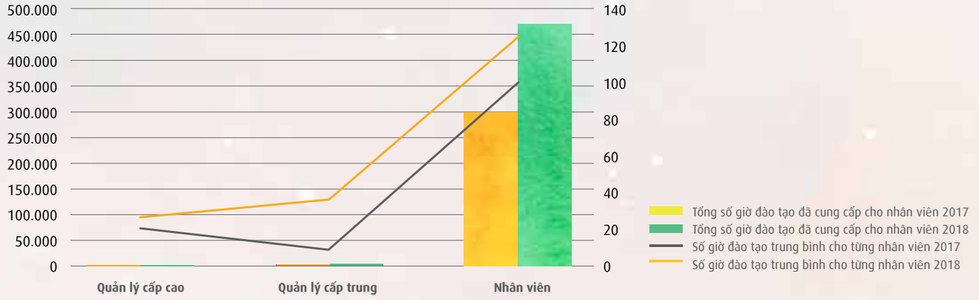

Giáo dục và đào tạo (tiếp theo)

Vietjet cũng chú trọng hoàn thiện các chương trình đào tạo nội bộ cho phi công, tiếp viên giúp chủ động hơn trong công tác đào tạo nguồn nhân lực khai thác bay.

Trong năm 2018, Trung tâm Đào tạo thuộc Học viện Hàng không Vietjet đã trình phê chuẩn mới cho 10 giáo viên, bổ sung năng định cho 15 giáo viên nội bộ, trình Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn cho 12 giáo viên mới và ký hợp đồng thỉnh giảng với 03 giáo viên để phục vụ công tác huấn luyện. Trung tâm luôn đảm bảo các Chương trình đào tạo đào tạo, giáo trình đều được phê chuẩn đáp ứng yêu cầu các tài liệu khai thác của Công ty và Cục Hàng không Việt Nam. Năm 2018 Trung tâm Đào tạo đã xin phê chuẩn nội bộ 16 bộ giáo trình chuyên ngành, điều chỉnh 12 bộ giáo trình về an ninh hàng không cho phù hợp với tình hình khai thác.

Trong kế hoạch 2019, Vietjet tiếp tục triển khai các chương trình đảm bảo công tác phát triển cán bộ/giáo viên đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo. Tiếp tục xây dựng chuẩn hóa các quy trình, tài liệu giảng dạy; biên soạn giáo trình, giáo án phục vụ công tác giảng dạy. Năm 2019, hoàn thiệt giáo trình và phối hợp với Khối trực tiếp triển khai đào tạo 2 nội dung "Quản lý sự mệt mỏi" và "Yếu tố con người" cho toàn bộ Tổ Bay, Điều phối bay và Nhân viên Kỹ thuật. tổ chức tiếp nhận và khai thác các thiết bị đào tạo thực hành khẩn nguy dành cho Tổ bay (CEET, thiết bị Mock-up, trạm chữa cháy, hồ bơi,...). Khai thác an toàn, hiệu quả các trang thiết bị huấn luyện đào tạo như hệ thống buồng lái mô phỏng, cơ sở vật chất tại Học viện tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện phần mềm "Quản lý đào tạo" và "Hệ thống học trực tuyến" để giúp cho công tác quản lý khóa học, kinh phí và nhân sự đào tạo; tiết kiệm chi phí.

Đánh giá hiệu quả công việc

Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo tiêu chuẩn giúp quản lý và đánh giá công việc từng nhân viên, từng phòng ban theo các chỉ tiêu rõ ràng tạo sự công bằng và nâng cao hiệu suất công việc. Công ty đang hoàn thiện khung từ điển năng lực là nền tảng theo dõi đánh giá sự phát triển của nhân viên góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Vietjet.

Chương trình đánh giá hiệu quả công việc được triển khai vào tháng 12 và tháng 6 hàng năm nhằm đánh giá kết quả đạt được của các phòng ban so với các chỉ tiêu đã được giao. Việc đánh giá hiệu quả công việc là cơ sở để phân phối thưởng hiệu quả công việc cho các phòng ban và bình chọn, biểu dương các nhân viên có thành tích xuất sắc.

Xây dựng Đội ngũ lãnh đạo kế thừa

Nằm trong kế hoạch đề ra, Vietjet đang tập trung phát triển đội ngũ lãnh đạo trẻ kế thừa đảm bảo sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn tới. Chương trình ưu tiên phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý đủ về số lượng và chất lượng, trong đó tập trung đào tạo cán bộ quản lý theo tiêu chuẩn chức danh, đảm bảo 100% các bộ được đào tạo chuyên sâu, nâng cao kỹ năng lãnh đạo và quản lý. Chương trình đào tạo tập trung vào các kỹ năng mềm như: kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng hoạch định kế hoạch, kỹ năng giao tiếp hiệu quả và những khóa đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn bằng lý thuyết và thực tế công việc tại Công ty.

Chương trình được xây dựng phù hợp với thực tế công việc và định hướng phát triển chuyên môn của từng vị trí chức danh. Bên cạnh các khóa đào tạo của các chuyên gia trong từng lĩnh vực là các khóa huấn luyện do các lãnh đạo cấp cao của công ty trực tiếp giảng dạy. Các lãnh đạo vừa là những chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong ngành hàng không vừa là người nắm rất rõ tình hình cụ thể của doanh nghiệp, giúp cho hoạt động đào đạo phát huy hiệu quả tốt nhất.

Đầu tư phát triển cộng đồng - Kết nối, sẻ chia yêu thương

GRI 413-1: Cộng đồng địa phương – Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển.

Xác định sứ mệnh tiên phong mang tới những giá trị mới, tốt đẹp cho cộng đồng và xã hội, Vietjet không chỉ mang tới cơ hội bay lần đầu cho hàng chục triệu khách hàng trong và ngoài nước mà còn đồng hành cùng rất nhiều những hoạt động thiện nguyện ý nghĩa, hướng về những hoàn cảnh thiệt thòi trong xã hội và tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, đồng hành cùng thanh niên Việt Nam. Các hoạt động chung tay vì cộng đồng đã trở thành một phần trong cuộc sống của toàn bộ lãnh đạo, nhân viên Vietjet. Những chương trình đầy tính nhân văn của Vietjet như các chuyến bay miễn phí về quê Ăn Tết cho người nghèo, chuyến bay cứu trợ người dân trong nước và quốc tế gặp thiên tai, chương trình Chắp cánh yêu thương trao tặng 10.000 thẻ BHYT cho người nghèo khắp cả nước... đang tiếp tục lan tỏa những giá trị tích cực, nâng cao nhận thức của cả cộng đồng và cùng góp phần xây dựng cuộc một tương lai ngày càng tươi đẹp hơn.

Chuỗi hoạt động - chương trình quốc gia cùng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam

Sau rất nhiều những chiến dịch đồng hành, năm 2018, Vietjet và Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam đã ký kết Chương trình hợp tác 5 năm giai đoạn từ 2018 đến 2023. Theo đó, hai bên phối hợp tổ chức nhiều chương trình hoạt động ý nghĩa, thiết thực hướng tới cộng đồng, đặc biệt là các hoạt động an sinh xã hội và các chương trình hỗ trợ, đồng hành với thanh niên, sinh viên... Một số các chương trình ý nghĩa mà Vietjet và Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam đã tham gia cùng nhau trong thời gian vừa qua có thể kể đến:

- Chương trình đồng hành cùng các hoạt động của "**Ngày hội Thầy thuốc trẻ làm theo lời Bác, tình nguyện vì sức khỏe cộng đồng**" hỗ trợ 5.000 cơ số thuốc khám;
- Hỗ trợ suất quà cho đối tượng chính sách và các bộ lọc nước vi sinh cho các trường mầm non, tiểu học;
- Tổ chức chuyến bay miễn phí "**Chắp cánh yêu thương**" nhân dịp Tết Nguyên Đán với biểu tượng "**Tôi yêu Tổ quốc tôi**" trên tàu bay dành cho thanh niên, công nhân, sinh viên khó khăn về quê ăn Tết...

• Chiến dịch quốc gia "**Hãy làm sạch biển**", cuộc thi thiết kế poster và sáng kiến "**Hãy làm sạch biển**" với chủ đề "**Giảm thiểu ô nhiễm rác thải sinh hoạt**" nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về vai trò của biển đối với đời sống con người, kêu gọi cộng đồng cùng chung tay hành động bảo vệ môi trường biển bằng các hoạt động thiết thực; đồng thời hỗ trợ, động viên ngư dân có hoàn cảnh khó khăn tại các tỉnh ven biển Việt Nam tiếp tục ra khơi bám biển, phát triển kinh tế. Chiến dịch thực sự đã tạo được sự lan tỏa, ghi nhận và đánh giá cao của cộng đồng và xã hội, sự quan tâm và đồng hành của các cấp chính quyền tại địa phương, góp phần không nhỏ trong việc bảo vệ môi trường biển tại Việt Nam.

• Ngày hội tình nguyện Quốc Gia 2018 "**Việc tốt mỗi ngày**", Giải thưởng tình nguyện quốc gia năm 2018 và Liên hoan các câu lạc bộ, đội, nhóm tình nguyện toàn lần thứ nhất nhằm ghi nhận, tôn vinh và thúc đẩy vai trò và sự đóng góp của các tổ chức và tình nguyện viên trong sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hỗ trợ cộng đồng. Nhân dịp này, Vietjet dành tặng nhiều quà tặng ý nghĩa cho cộng đồng bao gồm: tặng 100 triệu đồng "**Chắp cánh ước mơ**" cho 10 học sinh dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn của tỉnh Hà Giang; tặng 100 triệu đồng cho đồng chí Nguyễn Đình Tài - cán bộ Phòng chống ma tuý, Bộ đội biên phòng tỉnh Nghệ An bị đối tượng bắn vỡ đốt sống lưng gây tổn thương tuỷ; phối hợp cùng Báo Giao thông xây dựng chương trình ứng xử văn minh khi đi máy bay, trao gần 300 triệu đồng cho các tình nguyện viên có đóng góp xuất sắc trong đảm bảo an toàn giao thông.

Chuỗi hoạt động đồng hành cùng các ban nhỏ có hoàn cảnh khó khăn

"**Bay lên những ước mơ**" – Hành trình chắp cánh ước mơ cho các bạn nhỏ: Hướng tới chung tay cùng cộng đồng để mang tới cho các bạn nhỏ có hoàn cảnh thiệt thòi được học tập, vui chơi, phát triển và chắp cánh cho những ước mơ, Vietjet đồng hành cùng Nhà hát Tuổi trẻ thực hiện chuỗi chương trình nghệ thuật "Bay lên những ước mơ" dàn dựng các buổi biểu diễn miễn phí liên tục trong suốt mùa hè phục vụ cho các bạn nhỏ.

Chương trình "**Bay lên những ước mơ**" với 3 vở nhạc kịch "**Nàng tiên cá**", "**Niềm vui của đám gà nhà**" và "**Căn bếp đại chiến**" được các nghệ sĩ tên tuổi thực hiện, dành tặng cho hơn 12.000 trẻ em, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận. Chương trình đã tiếp thêm nghị lực vượt qua khó khăn, nuôi dưỡng và chắp cánh cho những hoài bão của các bạn nhỏ, đồng thời ươm mầm cho tình yêu nghệ thuật chân chính giúp các em thêm vững tin vào tương lai.

"**Thắp sáng những ước mơ**" cho hàng ngàn em nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại 6 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung, năm thứ hai liên tiếp, Vietjet phối hợp cùng Hội Bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, UBND TP. Đà Nẵng tổ chức trao 1.000 suất học bổng, 3.000 phần quà với mong muốn sẽ giúp các em nhỏ tiếp tục đến trường, trở thành những công dân có ích cho xã hội, có được cuộc sống tốt đẹp hơn.

Đồng hành cũng Quỹ học bổng Vừ A Dính với tổng giá trị tài trợ lên đến hàng tỷ đồng và nhiều phần quà ý nghĩa cho các bạn nhỏ, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số tiêu biểu trên cả nước...Đây là năm thứ 5 liên tiếp Vietjet tham gia chương trình.

Chương trình "**Tết ấm tình thương**" và "**Trung thu đầm ấm – Chắp cánh yêu thương**" do cán bộ nhân viên Vietjet tổ chức cũng đã mang đến một mùa tết ngập tràn niềm vui cho hàng trăm em nhỏ có hoàn cảnh kém may mắn tại Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật, mồ côi Thị Nghè (Quận Bình Thạnh, TP.HCM). Gói bánh Tét, trẩy hội hoa xuân, nhận tiền lì xì, rước đèn trung thu, phá cỗ, ca hát, giao lưu... là những hoạt động đáng nhớ mà các lãnh đạo và cán bộ nhân viên Vietjet dành tặng các em.

Thực hiện Sứ mệnh quốc tế - hướng về nạn nhân động đất – sóng thần tại Indonesia

Tháng 10/2018, khi trận động đất mạnh 7,5 độ ngoài khơi đảo Sulawesi tạo ra sóng thần tàn phá khu vực ven biển Palu và thị trấn Donggala, Vietjet đã tận dụng nguồn lực và mạng lưới sẵn có tham gia công tác cứu trợ thiên tai. Chuyến bay đặc biệt số hiệu VJ2611 mang theo biểu tượng "**Kết nối yêu thương**" của Vietjet vận chuyển hàng cứu trợ nạn nhân thảm họa kép động đất - sóng thần đã cất cánh tới thủ đô Jakarta (Indonesia), với gần 7 tấn hàng cứu trợ khẩn cấp bao gồm thực phẩm đóng hộp, chăn màn, nhu yếu phẩm,... Chuyến bay đặc biệt không chỉ chuyên chở hàng cứu trợ mà còn mang theo tình cảm, sẻ chia của cán bộ nhân viên Vietjet nói riêng và người dân Việt Nam nói chung trước những mất mát, đau thương, tổn thất của người dân và quốc gia láng giềng Indonesia sau thảm họa.

Hành trình "Kết nối yêu thương"

Chương trình "**Kết nối yêu thương**" được Vietjet thực hiện với hàng triệu cơ hội bay miễn phí khắp Châu Á, với 17 chuyến bay đặc biệt, diễn ra đồng loạt tại 9 quốc gia Châu Á, không chỉ dành cho những hành khách Châu Á ít có điều kiện khám phá các vùng đất ngoài quê hương mình, truyền cảm hứng cho những bạn trẻ đam mê du lịch với trải nghiệm "**sống như dân địa phương**" mà còn tạo cơ hội để những hoàn cảnh khó khăn được đoàn tụ với người thân đang làm việc ở nước ngoài.

Bên cạnh các chiến dịch, Vietjet cũng liên tục đồng hành cùng nhiều hoạt động có ý nghĩa khác như đồng hành cùng đội tuyển U23 Việt Nam, thực hiện chuyến bay "**Chắp cánh yêu thương**" đưa 150 công nhân và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về quê đoàn tụ cùng gia đình trong dịp Tết, tham gia chương trình "**Như chưa hề có cuộc chia ly**".

Hoạt động hướng tới môi trường xanh

Bên cạnh việc phát triển đội tàu bay mới, hiện đại có mức tiêu hao nhiên liệu thấp nhất, Vietjet cùng phối hợp với nhà sản xuất tàu bay và động cơ máy bay triển khai chương trình tiết kiệm nhiên liệu, giảm khí thải đóng góp quan trọng vào việc bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Vietjet luôn nâng cao nhận thức của CBNV về bảo vệ môi trường và đối phó với biến đổi khí hậu bằng nhiều biện pháp hiệu quả và thiết thực như: tái sử dụng văn phòng phẩm, vệ sinh sạch sẽ nơi làm việc, trồng cây xanh nơi làm việc, tiết kiệm điện, sử dụng nguồn nước, áp dụng chương trình "**5S**" xây dựng môi trường công sở, trạm bảo dưỡng, kho bãi,...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Minh bạch thông tin,
kết nối vững bền

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0103018458	ngày 23 tháng 7 năm 2007
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	0102325399	ngày 19 tháng 4 năm 2011
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102325399 ngày 1 tháng 8 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	2357762445	ngày 30 tháng 12 năm 2016
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp.	
Hội đồng Quản trị	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
	Chu Việt Cường	Thành viên
	Lưu Đức Khánh	Thành viên
	Đinh Việt Phương	Thành viên
Ban Giám đốc	Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
	Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành
	Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc
	Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Đinh Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 3 tháng 11 năm 2018)
Ban Kiểm soát	Trần Dương Ngọc Thảo	Trưởng ban
	Đoàn Thu Hương	Thành viên
	Phạm Văn Đậu	Thành viên
Trụ sở đăng ký	302/3 Kim Mã Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình Thành phố Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 148 đến trang 200 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2019

KPMG

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành 05 APR 2019, được trình bày từ trang 148 đến trang 200

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00446-19-2

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG

Chang Hung Chun	Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0863-2018-007-1	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, 05 APR 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**19.079.292.916.555**	**17.668.643.983.650**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**7.164.923.007.451**	**6.861.601.955.584**
Tiền	111		3.648.963.007.451	2.824.391.955.584
Các khoản tương đương tiền	112		3.515.960.000.000	4.037.210.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**816.900.000.000**	**1.400.000.000**
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	990.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(174.500.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(c)	1.400.000.000	1.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**10.272.635.073.584**	**10.223.453.944.832**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.910.376.745.299	1.447.857.870.382
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8(a)	129.927.091.931	533.003.878.162
Phải thu về cho vay	135	9	499.804.692.000	487.333.764.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	6.732.526.544.354	7.755.258.432.288
Hàng tồn kho	**140**	**11**	**468.729.305.585**	**267.181.519.500**
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**356.105.529.935**	**315.006.563.734**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	299.977.931.264	218.686.791.604
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		976.845.974	881.949.735
Thuế phải thu Nhà Nước	153	17(b)	55.150.752.697	95.437.822.395
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**20.006.886.184.114**	**13.989.621.257.774**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.577.336.637.830**	**7.152.674.330.646**
Trả trước cho người bán dài hạn	212	8(b)	701.500.000.000	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	9.875.836.637.830	6.451.174.330.646

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản cố định	**220**		**1.646.373.479.969**	**1.528.720.840.609**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.643.191.617.368	1.523.538.521.104
Nguyên giá	*222*		*1.935.603.226.243*	*1.676.961.819.773*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(292.411.608.875)*	*(153.423.298.669)*
Tài sản cố định vô hình	227	13	3.181.862.601	5.182.319.505
Nguyên giá	*228*		*29.952.011.655*	*29.680.011.655*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(26.770.149.054)*	*(24.497.692.150)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.233.005.676.006**	**222.031.597.270**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.233.005.676.006	222.031.597.270
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**68.424.629.818**	**68.424.629.818**
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(b)	7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(c)	556.181.818	556.181.818
Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.481.745.760.491**	**5.017.769.859.431**
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	6.481.745.760.491	5.017.769.859.431
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**39.086.179.100.669**	**31.658.265.241.424**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**25.047.675.864.087**	**21.064.130.723.313**
Nợ ngắn hạn	**310**		**14.940.720.495.496**	**13.911.511.198.702**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	923.662.972.703	560.253.025.326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		688.665.229.378	456.356.000.505
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	204.549.133.354	93.848.331.921
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.937.678.519.133	1.366.768.242.056
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	2.732.382.333.601	1.964.462.207.817
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.585.059.989.261	1.105.583.155.915
Vay ngắn hạn	320	21(a)	4.957.780.032.953	6.897.226.897.293
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	1.910.942.285.113	1.467.013.337.869
Nợ dài hạn	**330**		**10.106.955.368.591**	**7.152.619.524.611**
Phải trả dài hạn khác	337		16.177.476.792	13.702.723.680
Vay dài hạn	338	21(b)	572.231.674.577	626.905.284.322
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	374.787.926.130	147.546.321.044
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	9.143.758.291.092	6.364.465.195.565
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**14.038.503.236.582**	**10.594.134.518.111**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**24**	**14.038.503.236.582**	**10.594.134.518.111**
Vốn cổ phần	411	25	5.416.113.340.000	4.513.432.840.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		245.949.492.805	245.949.492.805
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		119.103.575.688	23.916.098.372
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.255.509.576.829	5.809.062.955.579
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.827.251.260	1.773.131.355
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**39.086.179.100.669**	**31.658.265.241.424**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:	Người duyệt:	
Hoàng Mạnh Hà *Kế toán Trưởng*	**Hồ Ngọc Yến Phương** *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính*	**Lưu Đức Khánh** *Giám đốc Điều hành*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**28**	**53.577.241.462.140**	**42.302.758.277.806**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**28**	**-**	**185.595.188**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**28**	**53.577.241.462.140**	**42.302.572.682.618**
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	**11**	**29**	**46.085.422.009.499**	**35.753.175.886.701**
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**7.491.819.452.641**	**6.549.396.795.917**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	331.576.806.364	118.683.815.564
Chi phí tài chính	22	31	918.059.279.654	520.764.518.091
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*257.505.446.656*	*237.597.428.875*
Phần lỗ trong các công ty liên kết	24		(88.730.587.954)	(44.276.615.962)
Chi phí bán hàng	25	32	712.929.844.155	578.782.913.704
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	294.777.399.221	225.808.906.918
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	**30**		**5.808.899.148.021**	**5.298.447.656.806**
Thu nhập khác	31		7.856.232.457	5.745.444.926
Chi phí khác	32		826.270.723	1.554.224.633
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**7.029.961.734**	**4.191.220.293**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**5.815.929.109.755**	**5.302.638.877.099**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**35**	**253.597.027.514**	**163.912.482.079**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**35**	**227.241.605.086**	**65.074.981.322**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**5.335.090.477.155**	**5.073.651.413.698**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**5.335.090.477.155**	**5.073.651.413.698**
Phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty	61		5.335.036.357.250	5.073.364.224.380
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		54.119.905	287.189.318
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	9.850	9.464

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:	Người duyệt:	
Hoàng Mạnh Hà	**Hồ Ngọc Yến Phương**	**Lưu Đức Khánh**
Kế toán Trưởng	*Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính*	*Giám đốc Điều hành*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**5.815.929.109.755**	**5.302.638.877.099**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	146.514.029.742	94.989.734.425
Các khoản dự phòng	03	174.500.000.000	-
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	03	434.733.395.693	277.580.251.779
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	51.320.437.305	5.586.837.437
Lãi tiền gửi và cho vay	05	(221.386.370.627)	(70.603.613.358)
Phần lỗ trong các công ty liên kết	05	88.730.587.954	44.276.615.962
Cổ tức được chia	05	(2.832.636.000)	(3.068.690.000)
Lãi từ thanh lý các công ty con	05	(16.271.500.000)	-
Xóa sổ tài sản cố định	05	10.506.525.264	-
Chi phí lãi vay	06	257.505.446.656	237.597.428.875
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**6.739.249.025.742**	**5.888.997.442.219**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**6.739.249.025.742**	**5.888.997.442.219**
Biến động các khoản phải thu	09	(5.284.489.946.127)	(2.794.306.394.758)
Biến động hàng tồn kho	10	(201.547.786.085)	(129.251.222.745)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.460.880.367.204	1.824.012.605.198
Biến động chi phí trả trước	12	2.077.117.427.703	1.344.397.355.809
		4.791.209.088.437	**6.133.849.785.723**
Tiền lãi vay đã trả	14	(254.235.595.773)	(236.852.306.374)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(108.000.000.000)	(318.798.833.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**	**4.428.973.492.664**	**5.578.198.646.291**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(799.749.729.193)	(325.491.665.092)
Đặt cọc mua máy bay, tiền thuần	21	1.545.988.562.283	(2.296.535.249.533)
Tiền chi cho đơn vị khác vay	23	-	(487.333.764.000)
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(1.132.840.350.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27	206.166.200.537	64.280.330.441
Tiền thu cổ tức	27	2.832.636.000	3.068.690.000
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**	**(177.602.680.373)**	**(3.042.011.658.184)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP - TIẾP THEO)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.759.382.332.805
Tiền thu từ đi vay	33	33.529.973.247.843	25.899.054.643.065
Tiền trả nợ gốc vay	33	(35.527.608.459.899)	(25.184.711.574.405)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.016.955.829.400)	(876.827.065.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**	**(4.014.591.041.456)**	**1.596.898.335.915**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**236.779.770.835**	**4.133.085.324.022**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**6.861.601.955.584**	**2.741.341.465.691**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**	**(16.175.268.283)**	**(7.067.608.098)**
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	**61**	**82.716.549.315**	**(5.757.226.031)**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	**70**	**7.164.923.007.451**	**6.861.601.955.584**

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
Kế toán Trưởng

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán tàu bay.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 6 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2018: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

Tên	Nơi thành lập	Các hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích sở hữu/ Quyền biểu quyết	
				31/12/2018	1/1/2018
Các công ty con					
Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo	Việt Nam	Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ liên quan.	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (*)	British Virgin Islands	Kinh doanh và cho thuê tàu bay.	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air IVB No. II Limited (*)	British Virgin Islands	Kinh doanh và cho thuê tàu bay.	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (*)	Singapore	Kinh doanh tàu bay.	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Nơi thành lập	Các hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích sở hữu/ Quyền biểu quyết	
				31/12/2018	1/1/2018
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (*)	Ireland	Kinh doanh và cho thuê tàu bay.	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
Skymate Limited (*)	Cayman Islands	Kinh doanh tàu bay.	Số 327015 ngày 15 tháng 9 năm 2017	100%	100%
Các công ty liên kết					
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*) (**) (***)	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách và các dịch vụ liên quan khác.	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (**)	Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận chuyển hàng không.	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	10%

Trong năm 2018, Công ty đã thành lập 3 công ty con gồm Apricot Aircraft Company (Ireland) 8577 Limited, Apricot Aircraft Company (Ireland) 8592 Limited và Apricot Aircraft Company (Ireland) 8605 Limited ở Ireland. Hoạt động chính của các công ty này là cho thuê tàu bay. Sau đó, các công ty con này đã được thanh lý với tổng giá trị thanh lý là 16.271.500.000 VND.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này. Hoạt động của các công ty này chủ yếu được hỗ trợ bởi Công ty.

(**) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

(***) Vào ngày 25 tháng 9 năm 2018, Công ty đã ký thỏa thuận với Quince Investment Limited. và Asia Aero Services and Infrastructure Co., Ltd. về quyền mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu trong Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited lên 38% trước 2021. Giá mua của các cổ phần này bằng với mệnh giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 3.938 nhân viên (1/1/2018: 3.162 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường
Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm
Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính
Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con
Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát
Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết
Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(f) Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng tàu bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động tàu bay, Tập đoàn có nghĩa vụ về mặt pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa tàu bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng tàu bay cho bên cho thuê tàu bay. Quỹ bảo dưỡng tàu bay được ghi nhận là phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê tàu bay. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh, và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Tập đoàn khi Tập đoàn hoàn thành các hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho tàu bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung tàu bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ (APU). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng tàu bay nếu có sau khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê tàu bay.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất, nếu có, được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- tàu bay và các bộ phận: 10 – 20 năm
- máy móc và thiết bị: 3 – 10 năm
- thiết bị văn phòng: 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển: 6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Xây dựng cơ bản dở dang
Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua tàu bay chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn
Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn tàu bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến hết thời gian thuê còn lại.

(ii) Phụ tùng quay vòng
Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính không quá 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ
Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng
Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng tàu bay
Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động tàu bay giữa Tập đoàn và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Tập đoàn có nghĩa vụ phải bảo dưỡng tàu bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng tàu bay ("MPD"), được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất tàu bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Tập đoàn trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng tàu bay. Dự phòng chi phí bảo dưỡng tàu bay thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng tàu bay được xác định bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính cho lần bảo dưỡng tiếp theo được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế đến lần bảo dưỡng tiếp theo. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê
Đối với các hợp đồng thuê hoạt động tàu bay, trong đó yêu cầu Tập đoàn trả lại tàu bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Tập đoàn có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các tàu bay cho bên cho thuê, bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký, tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Tập đoàn (nếu có) và hoàn trả tàu bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê, chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần
Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hành khách
Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé tàu bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ trường hợp ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

(ii) Doanh thu hoạt động phụ trợ
Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm doanh thu vận chuyển hàng hóa, doanh thu dịch vụ hành lý, doanh thu từ các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách, doanh thu bán hàng hóa trên tàu bay và trong cửa hàng miễn thuế, doanh thu quảng cáo và hoa hồng bán hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán hoặc dịch vụ bị trả lại.

Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp. Doanh thu từ dịch vụ hành lý được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển hành khách liên quan được cung cấp hoặc khi vé tàu bay hết hạn.

Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách như phí thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ khi được hưởng. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hành khách và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi tính cho hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên tàu bay và trong cửa hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua.
Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng bán hàng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ khi được hưởng.

(iii) Doanh thu cho thuê chuyến bay
Doanh thu cho thuê chuyến bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê tàu bay
Doanh thu cho thuê tàu bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu bán tàu bay
Doanh thu bán tàu bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tàu bay được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tàu bay bị trả lại.

Giao dịch bán và thuê lại tàu bay
Tập đoàn có các giao dịch bán và thuê lại tàu bay là giao dịch mà trong đó tàu bay được Tập đoàn bán và sau đó được chính Tập đoàn thuê lại. Phương pháp kế toán áp dụng cho các giao dịch bán và thuê lại tài sản được thực hiện căn cứ theo phân loại giao dịch thuê tài sản.

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản là thuê hoạt động:

- Nếu giá bán được thỏa thuận ở mức giá trị hợp lý, tức là đã thực hiện một nghiệp vụ bán hàng thông thường thì các khoản lãi hay lỗ được ghi nhận ngay trong năm phát sinh.
- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý thì các khoản lãi hoặc lỗ cũng phải được ghi nhận ngay trong năm phát sinh, trừ trường hợp khoản lỗ được bù đắp bằng tiền thuê trong tương lai ở một mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Trường hợp này khoản lỗ không được ghi nhận ngay mà phải phân bổ dần vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng;
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý thì khoản chênh lệch cao hơn giá trị hợp lý phải được phân bổ dần vào thu nhập phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá trị hợp lý tại thời điểm bán và thuê hoạt động lại tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản, khoản lỗ bằng số chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý phải được ghi nhận ngay trong năm phát sinh.

(vi) Doanh thu từ dịch vụ khác
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi
Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức
Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay
Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động
Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu
Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận
Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan
Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh
Cho mục đích quản lý, Tập đoàn có 2 bộ phận hoạt động kinh doanh như sau:

- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ, cho thuê tàu bay và quảng cáo trên tàu bay (gọi chung là "dịch vụ hàng không"); và
- Mua bán tàu bay.

Trừ các hoạt động nêu trên, Tập đoàn không có bộ phận hoạt động kinh doanh nào khác được tổng hợp để hình thành các bộ phận hoạt động kinh doanh khác phải báo cáo. Thông tin bộ phận cho tổng doanh thu và giá vốn hàng bán được trình bày trong Thuyết minh 28 và Thuyết minh 29 của báo cáo tài chính hợp nhất. Không có doanh thu nội bộ giữa các bộ phận hoạt động kinh doanh. Tất cả tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác của Tập đoàn là không phân bổ được.

Ban Giám đốc xác định bộ phận hoạt động kinh doanh dựa trên các báo cáo đã được soát xét và sử dụng để ra quyết định chiến lược.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý
Doanh thu của Tập đoàn được trình bày theo khu vực địa lý (theo quốc gia ở điểm đến) như sau:

	2018 VND	2017 VND
Trong Việt Nam	17.774.736.256.720	14.164.060.449.620
Ngoài Việt Nam	35.802.505.205.420	28.138.512.232.998
	53.577.241.462.140	42.302.572.682.618

Tài sản và chi tiêu vốn theo bộ phận của Tập đoàn chủ yếu là ở Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	8.101.759.707	8.740.285.221
Tiền gửi ngân hàng	3.640.861.247.744	2.407.681.670.363
Tiền đang chuyển	-	407.970.000.000
Các khoản tương đương tiền	3.515.960.000.000	4.037.210.000.000
	7.164.923.007.451	6.861.601.955.584

Các khoản tương đương tiền chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 5,5% đến 8,3% trong năm (2017: từ 5,3% đến 5,5%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 1.749 tỷ VND (1/1/2018: 3.384 tỷ VND) và chứng chỉ tiền gửi với số tiền là 700 tỷ VND (1/1/2018: không) tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, một bên liên quan với các điều khoản giao dịch thông thường.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm khoản đầu tư vào cổ phiếu của Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: không) như sau:

	31/12/2018			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	50.000.000	990.000.000.000	174.500.000.000	815.500.000.000

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 28 tháng 12 năm 2018.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		1/1/2018	
	% Tỷ lệ sở hữu/ Quyền biểu quyết	VND	% Tỷ lệ sở hữu/ Quyền biểu quyết	VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết				
▪ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	9%	-	9%	-
▪ Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	10%	60.000.000.000	10%	60.000.000.000
		60.000.000.000		60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác				
▪ Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4%	7.868.448.000	4%	7.868.448.000
▪ Angelica Holding Limited (*)	10%	-	10%	-
		7.868.448.000		7.868.448.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào công ty này, một công ty được thành lập tại Cayman Islands. Hoạt động chính của công ty này và các công ty con là cung cấp dịch vụ tư vấn và cho thuê tàu bay.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1.400.000.000	1.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Hợp đồng hợp tác đầu tư	556.181.818	556.181.818

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng hưởng lãi suất năm là 5,5% trong năm (2017: 5,5% một năm)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Hangzhou BaoLi Co., Ltd	1.542.729.107.253	1.206.074.957.438
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	412.080.273.720	192.134.116
Apricot Aircraft Company (Ireland) 8605 Limited	299.279.375.000	-
Aviation Solutions (Thailand) Co., Ltd	442.061.960	72.928.310.709
World Go International Co., Ltd	38.456.118.847	20.050.350.612
Các khách hàng khác	617.389.808.519	148.612.117.507
	2.910.376.745.299	1.447.857.870.382

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty liên kết		
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	412.080.273.720	192.134.116
Các bên liên quan khác		
Apricot Aircraft Company (Ireland) 8605 Limited	299.279.375.000	-
World Go International Co., Ltd	38.456.118.847	20.050.350.612
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	8.186.200	60.199.199
Công ty Cổ phần Du lịch Bắc Mỹ An	25.738.288	3.432.000

Các khoản phải thu từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các bên liên quan		
Trả trước cho Angelica Holding Limited, một bên liên quan	-	442.728.000.000
Trả trước cho xây dựng tòa nhà văn phòng cho Công ty Cổ phần Kiến trúc Tư vấn và Quản lý Đông Dương, một bên liên quan	-	14.601.834.620
Các bên thứ ba		
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	86.093.582.599	6.124.891.332
Trả trước khác	43.833.509.332	69.549.152.210
	129.927.091.931	533.003.878.162

Các khoản trả trước cho bên liên quan không được bảo đảm và không hưởng lãi.

(b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư	701.500.000.000	701.500.000.000

Trả trước cho người bán dài hạn phản ánh khoản đóng góp của Tập đoàn để xây dựng một khu phức hợp văn phòng và khu dân cư tại số 18E Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01/2016/VJA-TDĐB ngày 2 tháng 6 năm 2016 hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Thùy Dương – Đức Bình. Tập đoàn sẽ được nhận 15.547 m2 diện tích văn phòng và 13.409 m2 diện tích khu dân cư và sử dụng các khu vực này làm văn phòng và ký túc xá của Tập đoàn.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Khoản phải thu về cho vay phản ánh khoản cho AAA Aircraft Asset Company Limited, một bên liên quan vay là 21.501.600 USD để hỗ trợ bên liên quan này trong việc mua tàu bay và thanh toán các chi phí liên quan. Khoản vay này không có bảo đảm và chịu lãi suất năm là 2,5% trong năm (2017: 2,5%). Trong năm, ngày đáo hạn của khoản vay này đã được gia hạn đến ngày 14 tháng 12 năm 2019.

10. PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các bên liên quan		
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	682.477.343.933	410.572.971.721
Khoản phải thu khác từ Angelica Holding Limited, một bên liên quan (Thuyết minh 10(b))	147.875.000.000	-
Phải thu từ thanh lý các công ty con cho Angelica Aircraft Assets Limited, một bên liên quan	16.271.500.000	-
Chi phí trả hộ Apricot Aircraft Company (Ireland) 8577 Limited, một bên liên quan	13.457.758.507	-
Chi phí trả hộ Apricot Aircraft Company (Ireland) 8592 Limited, một bên liên quan	11.492.488.965	-
Chi phí trả hộ Apricot Aircraft Company (Ireland) 8605 Limited, một bên liên quan	10.822.745.608	-
Các bên thứ ba		
Đặt cọc mua tàu bay nhận trong 12 tháng tiếp theo	3.475.240.954.627	5.299.354.253.466
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê	1.184.688.761.520	1.620.541.614.727
Khoản chiết khấu mua hàng phải thu	523.752.417.852	207.075.437.945
Đặt cọc mua cổ phiếu	142.840.350.000	-
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê	237.582.261.399	36.240.516.195
Tạm ứng cho nhân viên	145.318.654.281	68.562.678.338
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	23.249.522.451	8.029.352.361
Phải thu sửa chữa khoang tàu bay	5.959.839.053	9.030.285.032
Đặt cọc ngắn hạn khác	75.463.939.580	52.829.252.297
Phải thu ngắn hạn khác	36.033.006.578	43.022.070.206
	6.732.526.544.354	7.755.258.432.288

Khoản phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các bên liên quan		
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết (*)	468.344.946.987	468.344.946.987
Khoản phải thu khác từ Angelica Holding Limited, một bên liên quan (**)	295.750.000.000	-
Đặt cọc thuê tàu bay cho Apricot Aircraft Assets Limited, một bên liên quan khác (***)	36.844.236.000	36.064.548.000
Đặt cọc quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê cho Apricot Aircraft Assets Limited, một bên liên quan khác (***)	109.056.626.997	-
Các bên thứ ba		
Đặt cọc mua tàu bay nhận sau 12 tháng tiếp theo	2.407.437.182.227	2.129.312.445.671
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê	5.460.891.081.018	2.931.845.978.926
Đặt cọc thuê tàu bay	1.046.702.306.276	832.941.542.209
Phải thu dài hạn khác	50.810.258.325	52.664.868.853
	9.875.836.637.830	6.451.174.330.646

(*) Theo thỏa thuận gia hạn trong năm 2018, thời hạn thu hồi của khoản phải thu 468 tỷ VND từ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(**) Khoản phải thu khác từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thanh toán trong thời gian 3 năm.

(***) Theo hợp đồng thuê, các khoản đặt cọc cho một bên liên quan không đảm bảo, không hưởng lãi và sẽ hoàn trả cho Tập đoàn tại ngày kết thúc hợp đồng thuê cho khoản đặt cọc thuê tàu bay và ngày hoàn thành việc bảo dưỡng theo yêu cầu của tàu bay thuê.

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	461.585.964.571	-	257.446.699.070	-
Hàng hóa	7.143.341.014	-	9.734.820.430	-
	468.729.305.585	-	267.181.519.500	-

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Tàu bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.512.821.016.821	127.618.469.944	18.480.304.543	18.042.028.465	1.676.961.819.773
Tăng trong năm	-	68.709.091	6.905.019.818	-	6.973.728.909
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	267.427.465.457	-	-	-	267.427.465.457
Xóa sổ	-	(15.759.787.896)	-	-	(15.759.787.896)
Phân loại lại	89.191.017.104	(89.438.755.115)	(249.400.000)	497.138.011	-
Số dư cuối năm	1.869.439.499.382	22.488.636.024	25.135.924.361	18.539.166.476	1.935.603.226.243
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	108.488.921.775	21.791.642.892	12.544.860.181	10.597.873.821	153.423.298.669
Khấu hao trong năm	132.898.756.976	5.622.826.009	2.925.169.008	2.794.820.845	144.241.572.838
Xóa sổ	-	(5.253.262.632)	-	-	(5.253.262.632)
Phân loại lại	6.920.458.456	(5.598.580.164)	(1.904.265.674)	582.387.382	-
Số dư cuối năm	248.308.137.207	16.562.626.105	13.565.763.515	13.975.082.048	292.411.608.875
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.404.332.095.046	105.826.827.052	5.935.444.362	7.444.154.644	1.523.538.521.104
Số dư cuối năm	1.621.131.362.175	5.926.009.919	11.570.160.846	4.564.084.428	1.643.191.617.368

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá là 19.860 triệu VND (1/1/2018: 16.105 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 781.624 triệu VND (1/1/2018: 851.835 triệu VND) được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	29.680.011.655
Tăng trong năm	272.000.000
Số dư cuối năm	29.952.011.655
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	24.497.692.150
Phân bổ trong năm	2.272.456.904
Số dư cuối năm	26.770.149.054
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.182.319.505
Số dư cuối năm	3.181.862.601

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 20.637 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 10.989 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	222.031.597.270	181.302.243.599
Tăng trong năm	1.566.189.996.094	800.463.744.628
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(267.427.465.457)	(568.218.193.400)
Xóa sổ	(287.788.451.901)	(191.516.197.557)
Số dư cuối năm	1.233.005.676.006	222.031.597.270

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 31.729 triệu VND (2017: 34.905 triệu VND).
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Mua tàu bay và các bộ phận	732.506.605.915	197.118.666.002
Trung tâm đào tạo và nghiên cứu kỹ thuật hàng không	500.499.070.091	24.912.931.268
	1.233.005.676.006	222.031.597.270

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí thuê tàu bay trả trước	280.592.905.521	201.055.142.423
Chi phí bảo dưỡng tàu bay trả trước	19.375.890.925	14.643.249.582
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.134.818	2.988.399.599
	299.977.931.264	218.686.791.604

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng tàu bay VND	Chi phí hoàn trả tài sản thuê VND	Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND	Phụ tùng xoay vòng, công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.453.797.069.491	320.711.118.911	105.897.995.444	136.909.226.552	454.449.033	5.017.769.859.431
Tăng trong năm	3.267.477.527.187	354.906.941.236	111.933.122.275	50.032.257.667	2.481.124.667	3.786.830.973.032
Phân bổ trong năm	(1.694.693.404.561)	(109.635.394.473)	(136.969.273.440)	(73.401.312.675)	(2.228.016.169)	(2.016.927.401.318)
Xóa sổ	(305.927.670.654)	-	-	-	-	(305.927.670.654)
Phân loại lại	-	-	27.575.655.996	(27.575.655.996)	-	-
Số dư cuối năm	5.720.653.521.463	565.982.665.674	108.437.500.275	85.964.515.548	707.557.531	6.481.745.760.491

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn:

	31/12/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	358.790.499.261	25.305.914.761
Hamilton Sundstrand	106.774.686.440	-
Lufthansa Technik Aktiengesellschaft	85.225.886.410	-
SR Technics Switzerland Ltd	67.645.408.624	107.542.055.719
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	93.936.585.717
The Civil Aviation Administration of China's Settlement Center	52.386.483.371	65.201.167.522
Các nhà cung cấp khác	252.840.008.597	268.267.301.607
	923.662.972.703	560.253.025.326

17. THUẾ

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã cấn trừ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	69.538.847.813	1.824.103.558.701	(553.652.982.840)	(1.272.817.185.123)	67.172.238.551
Thuế thu nhập cá nhân	24.299.965.251	421.028.569.705	(414.905.246.833)	-	30.423.288.123
Thuế nhà thầu nước ngoài	9.518.857	91.636.878.598	(90.002.749.491)	(1.622.427.903)	21.220.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	253.597.027.514	(108.000.000.000)	(38.664.640.895)	106.932.386.619
Các loại thuế khác	-	832.167.066	(832.166.166)	(900)	-
	93.848.331.921	2.591.198.201.584	(1.167.393.145.330)	(1.313.104.254.821)	204.549.133.354

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số đã cấn trừ VND	31/12/2018 VND
Thuế nhà thầu nước ngoài	56.576.964.943	(1.622.427.903)	54.954.537.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.860.856.552	(38.664.640.895)	196.215.657
Các loại thuế khác	900	(900)	-
	95.437.822.395	(40.287.069.698)	55.150.752.697

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí liên quan đến tàu bay	1.609.617.893.751	1.133.907.718.337
Chi phí bảo trì	137.923.043.709	98.874.443.293
Lương tháng 13	45.268.451.601	46.385.852.941
Chi phí lãi vay	8.878.860.783	5.609.006.900
Chi phí khác	135.990.269.289	81.991.220.585
	1.937.678.519.133	1.366.768.242.056

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Doanh thu vận chuyển hành khách và hoạt động phụ trợ nhận trước, sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo	2.732.382.333.601	1.964.462.207.817

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các bên liên quan		
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	59.290.521.050	90.337.114.450
Các khoản phải trả khác cho Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	12.717.070.372	-
Phí tư vấn phải trả cho Công ty Cổ phần Sovico, một bên liên quan	7.306.110.821	803.672.964
Các khoản phải trả khác cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, một bên liên quan	889.221.668	889.221.668
Các bên thứ ba		
Lệ phí sân bay phải trả	959.306.960.036	725.686.963.581
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	487.358.535.248	281.103.539.996
Phải trả ngắn hạn khác	58.191.570.066	6.762.643.256
	1.585.059.989.261	1.105.583.155.915

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

21. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Đánh giá lại VND	31/12/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND		
Vay ngắn hạn	6.831.894.847.293	33.529.973.247.843	(35.462.276.409.899)	(7.143.702.284)	4.892.447.982.953
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	65.332.050.000	65.332.050.000	(65.332.050.000)	-	65.332.050.000
	6.897.226.897.293	33.595.305.297.843	(35.527.608.459.899)	(7.143.702.284)	4.957.780.032.953

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các khoản vay được đảm bảo			
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, một bên liên quan			
Khoản vay 1	USD	1.224.380.942.780	873.584.591.673
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			
Khoản vay 2	VND	-	1.913.772.674.679
Khoản vay 3	USD	-	1.071.313.513.020
Các khoản vay không được đảm bảo			
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Satona, một bên liên quan			
Khoản vay 4	VND	150.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny, một bên liên quan			
Khoản vay 5	VND	300.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			
Khoản vay 6	VND	-	141.151.969.667
Khoản vay 7	USD	-	386.495.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội			
Khoản vay 8	VND	1.364.639.205.779	1.029.431.351.660
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam			
Khoản vay 9	USD	-	325.269.962.608
Ngân hàng TMCP An Bình			
Khoản vay 10	USD	-	529.374.865.825
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam			
Khoản vay 11	VND	22.484.736.412	561.500.918.161
Ngân hàng Citibank, N.A, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh			
Khoản vay 12	VND	317.121.228.150	-
Ngân hàng United Overseas Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh			
Khoản vay 13	VND	135.467.261.751	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
Khoản vay 14	VND	1.378.354.608.081	-
		4.892.447.982.953	6.831.894.847.293

Trong năm, các khoản vay trên chịu lãi suất năm từ 4,6% đến 5,0% (2017: 4,8% đến 5,5%) cho các khoản vay bằng VND và 2,7% (2017: 1,4% đến 3,5%) cho các khoản vay bằng USD.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản vay 1 được bảo đảm bằng nguồn thu phát sinh từ hoạt động bán vé tàu bay trong tương lai với giá trị ước tính là 4.997 tỷ VND (1/1/2018: nguồn thu ước tính từ bán vé máy bay là 1.440 tỷ VND và các khoản tương đương tiền là 300 tỷ VND).

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018, khoản vay 2 và khoản vay 3 được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 267 tỷ VND.

b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	LIBOR 6 tháng + 2,7%	2017 – 2028	637.563.724.577	692.237.334.322
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 21(a))				(65.332.050.000)	(65.332.050.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				572.231.674.577	626.905.284.322

Số dư nợ gốc vay này được hoàn trả trong 24 kỳ 6 tháng, mỗi kỳ trả 1,4 triệu USD (tương đương 33 tỷ VND) và kỳ cuối cùng trả 1,5 triệu USD (tương đương 35 tỷ VND) vào ngày 13 tháng 6 năm 2028.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc số 24012017/HDNT/MB-VJ ngày 24 tháng 1 năm 2017 giữa Tập đoàn và bên cho vay, Tập đoàn cũng tham gia vào giao dịch hoán đổi tiền tệ và lãi suất với bên cho vay nhằm quản trị ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá và lãi suất của khoản vay này. Theo Hợp đồng này, Tập đoàn sẽ nhận USD từ bên cho vay để thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi liên quan; và trả VND tương đương cho bên cho vay theo tỷ giá cố định là 22.575 VND/USD và lãi suất năm cố định là 7,5% cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 1 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2019. Các khoản thanh toán được thực hiện vào cuối mỗi kỳ sáu tháng và ngày thanh toán đầu tiên là ngày 13 tháng 6 năm 2017.

Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tàu bay số hiệu A320 MSN7167, VNA675 (Thuyết minh 12)	781.624.125.287	851.835.624.577

22. DỰ PHÒNG

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND	Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	7.351.347.211.467	480.131.321.967	7.831.478.533.434
Dự phòng lập trong năm	3.267.477.527.187	354.906.941.236	3.622.384.468.423
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu	390.473.266.958	44.260.128.735	434.733.395.693
Dự phòng sử dụng trong năm	(777.541.609.892)	-	(777.541.609.892)
Dự phòng xóa sổ trong năm	(153.811.558.700)	(76.074.883.222)	(229.886.441.922)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	173.532.230.469	-	173.532.230.469
Số dư cuối năm	10.251.477.067.489	803.223.508.716	11.054.700.576.205
Ngắn hạn	1.910.942.285.113	-	1.910.942.285.113
Dài hạn	8.340.534.782.376	803.223.508.716	9.143.758.291.092
	10.251.477.067.489	803.223.508.716	11.054.700.576.205

23. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng phải trả	2.210.940.115.241	1.419.594.372.900
Chi phí phải trả	43.733.453.444	41.976.111.780
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.254.673.568.685	1.461.570.484.680
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(1.257.327.237.428)	(852.802.825.175)
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê	(1.350.927.293.907)	(748.423.357.259)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(21.206.963.480)	(7.890.623.290)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.629.461.494.815)	(1.609.116.805.724)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(374.787.926.130)	(147.546.321.044)

24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	**3.000.000.000.000**	**-**	**29.673.324.403**	**1.702.862.911.199**	**1.485.942.037**	**4.734.022.177.639**
Phát hành cổ phiếu phổ thông	223.880.600.000	1.535.501.732.805	-	-	-	1.759.382.332.805
Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	1.289.552.240.000	(1.289.552.240.000)	-	-	-	-
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(967.164.180.000)	-	(967.164.180.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.073.364.224.380	287.189.318	5.073.651.413.698
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	(5.757.226.031)	-	-	(5.757.226.031)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	**4.513.432.840.000**	**245.949.492.805**	**23.916.098.372**	**5.809.062.955.579**	**1.773.131.355**	**10.594.134.518.111**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 26)	902.680.500.000	-	-	(902.680.500.000)	-	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 26)	-	-	-	(1.985.909.236.000)	-	(1.985.909.236.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.335.036.357.250	54.119.905	5.335.090.477.155
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	95.187.477.316	-	-	95.187.477.316
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**5.416.113.340.000**	**245.949.492.805**	**119.103.575.688**	**8.255.509.576.829**	**1.827.251.260**	**14.038.503.236.582**

25. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	541.611.334	5.416.113.340.000	451.343.284	4.513.432.840.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	541.611.334	5.416.113.340.000	451.343.284	4.513.432.840.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	541.611.334	5.416.113.340.000	451.343.284	4.513.432.840.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Số dư đầu năm	451.343.284	4.513.432.840.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền	-	-	22.388.060	223.880.600.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	-	128.955.224	1.289.552.240.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	90.268.050	902.680.500.000	-	-
Số dư cuối năm	541.611.334	5.416.113.340.000	451.343.284	4.513.432.840.000

26. CỔ TỨC

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2018, ngày 23 tháng 4 năm 2018 và ngày 16 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối khoản cổ tức bằng tiền là 1.986 tỷ VND (2017: 967 tỷ VND).

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2018, Đại hội Đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt tăng vốn cổ phần từ 4.513 tỷ VND lên 5.416 tỷ VND thông qua việc phát hành cổ phiếu phổ thông với tỷ lệ 20 cổ phiếu trên 100 cổ phiếu hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối. Vào ngày 4 tháng 7 năm 2018, việc phát hành đã hoàn tất.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a} Tài sản cho thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng 1 năm	1.964.902.315.523	295.195.126.108
Trong vòng 2 đến 5 năm	2.322.518.414.799	776.643.448.385
Sau 5 năm	1.681.262.713.214	476.723.264.601
	5.968.683.443.536	1.548.561.839.094

b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng 1 năm	6.623.172.447.382	4.894.901.836.920
Trong vòng 2 đến 5 năm	24.306.776.163.118	18.313.664.866.549
Sau 5 năm	29.217.736.273.881	22.347.046.275.866
	60.147.684.884.381	45.555.612.979.335

c) Ngoại tệ

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	**Tương đương VND**	**Nguyên tệ**	**Tương đương VND**
USD	116.101.560	2.698.780.761.594	262.781.900	5.955.951.758.740

d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (i)	462.500.000.000	462.500.000.000
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (ii)	3.324.500.929.909	3.825.000.000.000
	3.787.000.929.909	4.287.500.000.000

(i) Ngoài các cam kết trên, Tập đoàn cũng có các thỏa thuận và hợp đồng cam kết sau:

Công ty đã ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với Airbus S.A.S để mua 121 tàu bay và với Boeing Company để mua 100 tàu bay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã nhận được 55 chiếc tàu bay, các tàu bay còn lại dự kiến sẽ tiếp tục được chuyển giao cho Công ty đến năm 2023. Để trang bị các tàu bay này, Công ty đã đặt mua 106 động cơ từ CFM International S.A và 90 động cơ từ United Technologies Corporation (Pratt & Whitney Division), bao gồm thỏa thuận cung cấp dịch vụ bảo dưỡng động cơ.

Theo các hợp đồng mua bán tàu bay, các cam kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến các khoản thanh toán trước khi giao các tàu bay còn lại (bao gồm động cơ) là 1.586 triệu USD.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Công ty đã ký một thỏa thuận với Honeywell Aviation Services mua 98 bộ phát năng lượng tự động cho các tàu bay Airbus. Thỏa thuận này kéo dài đến năm 2022 và bao gồm dịch vụ bảo trì cho 12 năm.

Sau biên bản ghi nhớ ký kết trong tháng 7 năm 2018, sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã ký hợp đồng với Boeing Company vào ngày 27 tháng 2 năm 2019 để đặt hàng cho 100 tàu bay được giao từ năm 2022 đến năm 2025.

(ii) Khoản cam kết này liên quan đến việc phát triển Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Kỹ thuật Hàng không tại Khu Công nghệ cao Sài Gòn, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
Vận chuyển hành khách		
▪ Nội địa	12.827.108.085.916	10.783.474.944.053
▪ Quốc tế	4.945.312.832.354	2.424.393.916.235
▪ Cho thuê chuyến bay và cho thuê ướt tàu bay	6.908.889.025.909	3.646.261.365.525
	24.681.309.944.179	16.854.130.225.813
Doanh thu hoạt động phụ trợ	8.409.836.083.707	5.477.049.982.320
Doanh thu từ cho thuê khô tàu bay	437.357.960.486	96.564.199.433
Doanh thu khác	250.277.317.143	121.011.531.840
Doanh thu từ bán tàu bay	19.798.460.156.625	19.754.002.338.400
	53.577.241.462.140	42.302.758.277.806
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	(185.595.188)
Doanh thu thuần	53.577.241.462.140	42.302.572.682.618
Trong đó:		
▪ Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ hàng không	33.778.781.305.515	22.548.570.344.218
▪ Doanh thu thuần từ bán tàu bay	19.798.460.156.625	19.754.002.338.400
	53.577.241.462.140	42.302.572.682.618

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2018 VND	2017 VND
Chi phí khối dịch vụ và khai thác mặt đất	2.698.352.086.705	1.657.602.015.834
Chi phí khối khai thác bay	24.125.562.020.117	15.834.820.708.724
Chi phí khối an toàn, an ninh và đảm bảo chất lượng bay	35.102.906.117	30.578.861.088
Chi phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa	201.852.794.429	127.121.920.018
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.160.317.607.335	1.391.067.072.313
Chi phí khác	13.765.215.161	358.271.541.055
Giá vốn của tàu bay đã bán	16.850.469.379.635	16.353.713.767.669
	46.085.422.009.499	35.753.175.886.701
Trong đó:		
▪ Tổng giá vốn cung cấp dịch vụ hàng không	29.234.952.629.864	19.399.462.119.032
▪ Tổng giá vốn của tàu bay đã bán	16.850.469.379.635	16.353.713.767.669
	46.085.422.009.499	35.753.175.886.701

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	221.386.370.627	70.603.613.358
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	85.891.072.283	44.210.712.206
Thanh lý các công ty con	16.271.500.000	-
Cổ tức	2.832.636.000	3.068.690.000
Thu nhập tài chính khác	5.195.227.454	800.800.000
	331.576.806.364	118.683.815.564

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của các khoản dự phòng	434.733.395.693	277.580.251.779
Chi phí lãi vay	257.505.446.656	237.597.428.875
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	174.500.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	51.320.437.305	5.586.837.437
	918.059.279.654	520.764.518.091

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng và đặt chỗ	350.027.556.686	290.104.149.149
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	243.537.206.113	211.599.966.466
Chi phí nhân viên	87.426.356.482	66.580.045.457
Chi phí khấu hao và phân bổ	707.978.027	451.670.326
Chi phí khác	31.230.746.847	10.047.082.306
	712.929.844.155	578.782.913.704

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	114.851.498.365	97.367.937.767
Chi phí thuê văn phòng	26.900.048.305	25.244.550.872
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.415.845.699	6.088.320.891
Chi phí bảo hiểm	197.811.168	65.259.737
Chi phí khác	150.412.195.684	97.042.837.651
	294.777.399.221	225.808.906.918

34. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhiên liệu	13.258.963.486.074	8.060.241.634.646
Chi phí mua máy bay	16.850.469.379.635	16.353.713.767.669
Chi phí nhân viên và nhân công	3.251.843.675.445	2.237.138.806.620
Chi phí khấu hao và phân bổ	146.514.029.742	94.989.734.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.180.696.348.583	7.916.974.068.351
Chi phí khác	2.404.642.333.396	1.894.709.695.612

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	253.597.027.514	160.648.628.095
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	3.263.853.984
	253.597.027.514	163.912.482.079
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	227.241.605.086	52.932.915.184
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	12.142.066.138
	227.241.605.086	65.074.981.322
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	480.838.632.600	228.987.463.401

b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.815.929.109.755	5.302.638.877.099
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.163.185.821.951	1.060.527.775.420
Ảnh hưởng của thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(571.740.639.087)	(659.765.059.473)
Chi phí không được khấu trừ thuế	613.938.670	352.402.637
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	17.746.117.592	8.912.692.116
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	3.263.853.984
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	12.142.066.138
Ưu đãi thuế	(128.966.606.526)	(196.446.267.421)
	480.838.632.600	228.987.463.401

c) Thuế suất áp dụng

(i) Các công ty thành lập tại Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa công cộng, theo các quy định và luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong quy định thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014) và giảm 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo (2016, 2017 và 2018).

Đối với các hoạt động khác, theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo

Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Các công ty thành lập tại British Virgin Islands
Vietjet Air IVB No. I Limited và Vietjet Air IVB No. II Limited
Thu nhập hoặc lợi nhuận tại British Virgin Islands không chịu thuế.

(iii) Công ty thành lập tại Singapore
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế.

(iv) Công ty thành lập tại Ireland
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 12,5% trên lợi nhuận tính thuế.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	5.335.036.357.250	5.073.364.224.380

b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	2018	2017 Điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	451.343.284	300.000.000
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu phát hành trong tháng 7 năm 2018	90.268.050	89.347.999
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong tháng 9 năm 2017	-	128.955.224
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu bằng tiền trong năm	-	17.787.774
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	541.611.334	536.090.997

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại để trình bày ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong tháng 7 năm 2018.

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Các công ty mà cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Phát hành cổ phiếu phổ thông	-	1.894.029.876.000
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	17.535.922.500.000	7.613.132.376.000
Thu nhập lãi tiền gửi	156.014.812.926	54.601.970.070
Vay	13.175.114.570.820	3.551.832.052.518
Chi phí lãi vay	27.021.197.486	6.914.005.671
Dịch vụ đã cung cấp	15.198.053.711	13.584.156.988
Chi phí dịch vụ tư vấn	1.755.600.000	1.975.600.000
Các công ty liên kết		
Doanh thu từ cho thuê tàu bay	437.357.960.486	124.219.932.630
Doanh thu từ dịch vụ đặt chỗ	79.281.523.500	-
Chi phí chi hộ, dòng tiền chi trả thuần	271.904.372.212	178.391.832.252
Các bên liên quan khác		
Bán tàu bay	1.189.413.958.333	2.314.686.000.000
Chi phí thuê tàu bay	247.119.461.282	18.115.812.000
Đặt cọc quỹ bảo dưỡng tàu bay	108.477.847.747	-
Đặt cọc thuê tàu bay	-	36.064.548.000
Cho vay	-	499.804.692.000
Thu nhập lãi vay	13.008.622.595	-
Dịch vụ đã cung cấp	525.273.972.960	259.838.194.701
Trả trước chi phí dịch vụ tư vấn	443.625.000.000	442.728.000.000
Trả trước dịch vụ xây dựng	400.295.994.854	14.601.834.620
Vay	450.000.000.000	-
Thanh lý các công ty con	16.271.500.000	-
Chi phí chi hộ, dòng tiền chi trả thuần	35.570.220.230	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Chương trình cổ phiếu cho người lao động	-	124.096.200.000
Thù lao và lương	30.932.611.019	15.986.506.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	2018 VND	2017 VND
Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	-	1.289.552.240.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối	902.680.500.000	-
Cấn trừ phải trả mua tài sản cố định với phải thu ngắn hạn khác	773.685.995.810	497.848.193.400

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:		Người duyệt:
Hoàng Mạnh Hà *Kế toán Trưởng*	**Hồ Ngọc Yến Phương** *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính*	**Lưu Đức Khánh** *Giám đốc Điều hành*